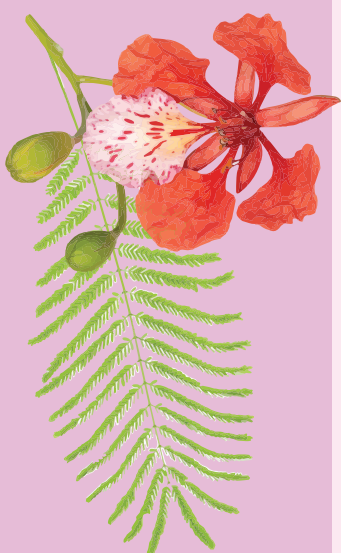


HẢI PHÒNG

LỊCH SỬ



Chương III

**VƯỢT KHÓ KHĂN,
TẠO BƯỚC PHÁT TRIỂN
MỚI VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI,
AN NINH, QUỐC PHÒNG,
XÂY DỰNG ĐẢNG,
CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC
ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG
(1975 - 1985)**

I- KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, GIỮ VỮNG SẢN XUẤT, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1975 - 6/1980)

1. Hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, giữ vững trật tự trị an, ổn định đời sống nhân dân (5/1975 - 5/1977)

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã kết thúc cuộc kháng chiến vĩ đại nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Non sông thu về một mối, đất nước thống nhất cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Lịch sử Việt Nam mở ra một thời kỳ mới. Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, một trang sử mới của Tổ quốc Việt Nam bắt đầu, một nhiệm vụ mới đang chờ nhân dân ta là thực hiện trọn vẹn *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”¹.

Trong không khí phấn khởi chung của cả nước, các tầng lớp nhân dân Hải Phòng mở hội mừng thắng lợi, hăng hái thi đua lao động sản xuất, công tác, học tập, lập thành tích mừng ngày đất nước thống nhất. Ngày 15/5/1975, Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố, Mặt trận Tổ quốc và các cấp chính quyền, đoàn thể, khu phố, huyện, thị xã, thị trấn, xã, các nhà máy, xí nghiệp tổ chức mít tinh trọng thể, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao chào mừng thắng lợi của cuộc cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Thành phố tổ chức cuộc diễu binh, diễu hành, thể hiện ý chí của quân và dân Hải Phòng quyết tâm phấn đấu xây dựng thành phố, đất nước “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.624.

Tuy nhiên, bên cạnh những phần khởi, thuận lợi sau chiến tranh, đất nước nói chung, Hải Phòng nói riêng cũng phải đương đầu với nhiều khó khăn to lớn. Đó là: hậu quả nặng nề của hàng chục năm chiến tranh, nền kinh tế, hệ thống hạ tầng bị tàn phá nghiêm trọng, sản xuất đình đốn; Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ thực hiện bao vây, cấm vận quy mô lớn, toàn diện; viện trợ từ Liên Xô, Trung Quốc và các nước khác bị cắt giảm mạnh; các thế lực phản động trong nước và quốc tế ra sức chống phá, gây căng thẳng, xung đột ở hai đầu biên giới; cả nước tiến lên xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh chế độ kinh tế - xã hội giữa hai miền Nam, Bắc có sự khác biệt, tình hình xã hội ở miền Nam còn nhiều phức tạp...

Từ cuối năm 1975, cả nước diễn ra những đợt sinh hoạt chính trị triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III và chuẩn bị cho Tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc hội thống nhất, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, sớm thống nhất đất nước về mặt nhà nước. Nghị quyết nêu rõ: “Cách mạng thắng lợi trong cả nước, chế độ thực dân mới do đế quốc Mỹ áp đặt ở miền Nam bị đập tan, nguyên nhân chia cắt đất nước ta hoàn toàn bị thủ tiêu, thì đương nhiên cả nước ta độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội”¹. Vì vậy, việc thống nhất đất nước là nguyện vọng thiết tha, là ý chí của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Các cấp ủy đảng, chính quyền thành phố chủ trương chỉ đạo các ngành, đoàn thể quần chúng tích cực làm cho ngày hội lớn Tổng tuyển cử thật trọng thể, tưng bừng. Tại tất cả các công sở, bến cảng, nhà máy, xóm phố, trung tâm thành phố, các huyện lỵ, các điểm bỏ phiếu đều được trang hoàng rực rỡ cờ hoa, biểu ngữ, cổng chào. Ngày 25/4/1976, cử tri cả nước và Hải Phòng đi bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.36, tr.395.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của nước là cuộc biểu dương lực lượng chính trị quan trọng của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội Việt Nam thống nhất (từ ngày 24/6 đến ngày 02/7/1976) quyết định lấy tên nước là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước căn bản được hoàn thành, tạo điều kiện thực hiện mục tiêu cách mạng đã được đề ra từ khi thành lập Đảng.

Thành phố Hải Phòng là cửa khẩu giao lưu quốc tế lớn nhất miền Bắc, một trung tâm kinh tế - xã hội, giữ vị trí cực kỳ quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nay đất nước thống nhất, bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hải Phòng đứng trước những thuận lợi và thách thức mới. Trong cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, Hải Phòng bị tàn phá nặng nề, tổn thất lớn về người và của, bị phá hủy tới 45%. Hầu hết các cơ sở kinh tế, hệ thống giao thông vận tải, công nghiệp, công trình văn hóa - xã hội, khu dân cư bị tàn phá. Theo thống kê chưa đầy đủ, đế quốc Mỹ đã sử dụng 5.843 lượt máy bay (trong đó có cả B.52 và F.111), 58 lần tàu chiến, ném 35.000 tấn bom đạn, bắn hàng vạn quả đạn pháo, tên lửa, thả hàng nghìn thủy lôi phong tỏa luồng lạch giao thông, đánh 1.086 trận vào 3.083 mục tiêu, gần 30% vào khu dân cư và công trình công cộng, 25% vào cơ sở kinh tế, 20% vào giao thông vận tải, 25% vào mục tiêu khác, làm chết 3.295 người, làm bị thương 5.429 người. Nhiều nhà ở, bệnh viện, công trình văn hóa, trường học, 10 cầu lớn nhỏ, hàng trăm tàu thuyền, ngư cụ bị phá hủy. Thiệt hại về cơ sở vật chất - kỹ thuật rất lớn, làm tê liệt, đình trệ nhiều ngành sản xuất, gây tác hại lâu dài. Cảng và các nhà máy lớn: Xi măng, Đóng tàu Bạch Đằng, Tổng kho xăng

dầu, Cá hộp, Thủy tinh, Điện Cửa Cấm, Điện Thượng Lý, Cơ khí Duyên Hải, Xưởng đóng tàu III, Cơ khí Kiến Thiết, Cơ khí 19-5, Cơ khí 1-5, Hải Phòng Điện khí... đều bị bom đạn làm thiệt hại nặng nề, phải phân tán, sơ tán, chuyển đổi sang sản xuất mặt hàng phục vụ chiến tranh. Nhà máy Điện Cửa Cấm bị hủy diệt, không hoạt động trở lại được. Trên lĩnh vực giao thông, các cầu Rào, Niệm, Thượng Lý, Kiến An, Giá, Đá Bạc... bị bom Mỹ đánh sập. Các bến phà, đường 5, đường 10, đường 253, đường nội thành, đường liên huyện, liên xã bị hư hại nặng¹.

Cùng với đó, hậu quả xã hội cũng rất nặng nề. Hàng chục nghìn người bị giết hại, bị tàn phế suốt đời. Hàng vạn gia đình mất người thân, mẹ cha mất con, vợ mất chồng, trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa. Những di chứng về bệnh tật, sức khỏe, những ảnh hưởng về mặt xã hội và hậu quả của chiến tranh tác động lâu dài tới mọi mặt kinh tế - xã hội và tới cuộc sống của mọi người, mọi nhà. Sau nhiều năm chiến tranh gian khổ, hy sinh, nhân dân Hải Phòng cũng như nhân dân cả nước không có nguyện vọng nào tha thiết hơn là được sống trong độc lập, tự do để xây dựng lại quê hương, đất nước, tạo lập cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III ngày 29/9/1975, đề ra nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: “*Nhiệm vụ chiến lược* của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa...”². Nghị quyết được tổ chức triển khai sâu rộng đến các

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ Hải Phòng: *Lịch sử Đảng bộ Hải Phòng, tập 3 (1975 - 2000)*, Nxb. Hải Phòng, 2002, tr.17.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.36, tr.397.

cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và cán bộ, đảng viên, nhân dân thành phố. Ủy ban hành chính chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung thực hiện nhiệm vụ:

- Chấn chỉnh và tổ chức lại lao động trên lĩnh vực công nghiệp, giao thông vận tải.

- Củng cố và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Sử dụng tốt các nguồn tài nguyên, vật tư, thiết bị, tiền vốn.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật, tăng cường công tác khoa học - kỹ thuật.

- Tăng cường cải tiến quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Những chủ trương, nhiệm vụ của Trung ương và của thành phố đề ra chưa được thực hiện đồng bộ, bởi Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và Đại hội Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ V, lần thứ VI (vòng 2) chưa đánh giá đầy đủ điều kiện thực tế, tình hình trong nước và quốc tế. Từ đó dẫn đến coi nhẹ, bỏ qua chủ trương “*bước đi ban đầu*” (đã được nêu ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 trước đó), bỏ qua thời kỳ khôi phục kinh tế mà bắt tay ngay vào việc phát triển kinh tế với quy mô lớn và tốc độ cao. Việc bố trí cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư không hợp lý, vượt quá nguồn lực trong nước cũng như nguồn lực có thể tranh thủ được từ bên ngoài. Những vấn đề đặt ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 (về bước đi ban đầu) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 (thực hiện nhiều thành phần kinh tế ở miền Nam) không được thực hiện.

Trước và ngay sau ngày giải phóng miền Nam, Hải Phòng được Trung ương chỉ đạo điều gấp lực lượng tăng cường cho các tỉnh, thành phố phía Nam. Các cơ quan dân - chính - đảng, công an, quân đội, các đơn vị sản xuất, kinh doanh khẩn trương đưa 311 cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, chiến sĩ, kỹ sư, thầy thuốc, giáo viên, công nhân kỹ thuật vào thành phố Sài Gòn, Đà Nẵng. Đông đảo cán bộ miền Nam tập kết được phép trở về thăm quê

hương và chuyển công tác vào Nam. Chỉ tính 6 tháng cuối năm 1975, Công an Hải Phòng đã làm thủ tục cấp giấy phép vào miền Nam cho 2.541 người, trong đó có 1.071 người chuyển hẳn vào cư trú ở các tỉnh phía Nam. Tình hình đó đã dẫn đến việc thiếu hụt cán bộ, nhân viên của nhiều ngành, đơn vị. Riêng lực lượng Công an thành phố thiếu tới 800 cán bộ, chiến sĩ.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, đất nước và thành phố tập trung mọi nguồn lực, trí tuệ, công sức để tái thiết và xây dựng. Thành ủy Hải Phòng ra các nghị quyết, chỉ thị triển khai thực hiện chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Chủ trương, giải pháp chủ yếu tập trung vào phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo trật tự, trị an; giải quyết các chính sách xã hội; tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và vận động quần chúng. Ủy ban hành chính thành phố ra các nghị quyết tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Chính phủ, của Thành ủy về tổ chức lại sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, thương mại...

Từ ngày 11 đến ngày 15/5/1976, Đảng bộ Hải Phòng tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ V. Đại hội tập trung đánh giá, kiểm điểm những ưu, khuyết điểm, hạn chế trên các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và thảo luận những vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với thành phố như vị trí của cảng, sự phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau giữa công nghiệp trung ương trên địa bàn với công nghiệp địa phương, giữa kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, v.v.. Trên cơ sở nội dung cơ bản của các Hội nghị lần thứ 22, lần thứ 23, lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đại hội đã quyết định phương hướng, nhiệm vụ 5 năm (1976 - 1980) của thành phố. Trong 5 năm đó, thành phố tập trung vào 3 năm (1976 - 1978) với mục tiêu phát triển kinh tế nhằm phát huy thế mạnh của thành

phố công nghiệp, cảng, đảm bảo cho việc phát triển kinh tế, phát triển văn hóa cân đối, toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc. Các biện pháp lớn là:

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, cải tiến một bước công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội.
- Tăng cường quản lý, sử dụng tốt lao động xã hội, bồi dưỡng, đào tạo lực lượng lao động kỹ thuật, ra sức tăng năng suất lao động.
- Quản lý, sử dụng tốt mọi nguồn vật tư, thiết bị, tiền vốn.
- Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Sáu tháng sau (tháng 11/1976), Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VI (vòng 1) đóng góp vào Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương và Điều lệ (sửa đổi), bầu 33 đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Lao động Việt Nam (hợp từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976) đã tổng kết những kinh nghiệm phong phú của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước, phù hợp với điều kiện cụ thể ở nước ta. Đại hội khẳng định ý nghĩa lịch sử to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đại hội đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế; quyết định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980); về công tác xây dựng Đảng, thông qua Điều lệ (sửa đổi), bầu Ban Chấp hành Trung ương mới và đổi tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1976, thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Hải Phòng tập trung tổ chức lại sản xuất và cải tiến một bước quản lý trong các ngành kinh tế chủ yếu: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, thủy sản theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ngành công nghiệp xây dựng quy hoạch phát triển chủ yếu là ngành cơ khí,

chú trọng tới sản xuất trang bị và sửa chữa phục vụ nông nghiệp, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, kết hợp với các nhóm sản phẩm cơ khí tàu thuyền, phụ tùng xe đạp, kim khí tiêu dùng nhằm phục vụ nhu cầu của các địa phương bạn và xuất khẩu. Các ngành, các đơn vị nắm vật tư, phương tiện vận tải tích cực khai thác và cung cấp kịp thời cho sản xuất. Ủy ban hành chính thành phố chỉ đạo các ngành lập đề án về mối quan hệ và hỗ trợ nhau giữa công nghiệp trung ương với các ngành kinh tế địa phương, nhất là đối với công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Liên hiệp hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp cùng với các ngành công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, tổ chức chính quyền thành phố xây dựng đề án tổ chức lại sản xuất trong hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, phân cấp quản lý, đề ra chủ trương mới nhằm phát triển ngành nghề thủ công trong các hợp tác xã nông nghiệp.

Việc bố trí, sắp xếp lại sản xuất, cải tiến quản lý đã tạo cơ sở cho công nghiệp thành phố từng bước được khôi phục. Một số cơ sở mới: Cơ khí Đà Nẵng, Thảm len, Nhà máy Giấy, Bột nhẹ, Thảm dày được đưa vào sản xuất và mở rộng quy mô. Xi nghiệp Gạch Tiên Hội, Xi măng Minh Đức, Bột nhẹ Minh Đức, Giày vải Tam Quán... cũng được khởi công xây dựng. Các ngành cơ khí, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu được đầu tư mở rộng, nâng cấp, bước đầu sản xuất có hiệu quả. Năm 1976, công nghiệp Trung ương vượt kế hoạch, trong đó Nhà máy Xi măng vượt cao nhất. Công nghiệp địa phương không đạt kế hoạch nhưng vẫn tăng 16,4% so với năm 1975. Sang đầu năm 1977, sản xuất công nghiệp trên địa bàn Hải Phòng bắt đầu gặp khó khăn bởi những trở lực trong cơ chế quản lý và nguồn vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu cạn dần. Số vật tư, thiết bị được nước ngoài viện trợ còn lại trong những năm chiến tranh, bắt đầu cạn kiệt. Việc phân công lao động, sản xuất theo kế hoạch nhà nước,

không theo nhu cầu tiêu dùng, chế độ phân phối bất hợp lý, dẫn đến triệt tiêu dần động lực sản xuất. Mầm mống suy thoái kinh tế - xã hội xuất hiện.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng nhấn mạnh và xác định công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm trong suốt thời kỳ quá độ. Tuy nhiên, công nghiệp nặng, với quy mô lớn, được tập trung ưu tiên đẩy mạnh, đã vượt quá khả năng và nguồn lực của đất nước. Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ VI (vòng 2), họp từ ngày 16 đến ngày 21/5/1977, với tinh thần lạc quan, cũng đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp cơ khí. Nhưng thực tế, đến cuối năm 1977, tình hình sản xuất công nghiệp ở Hải Phòng ngày càng sa sút nghiêm trọng. Nhiều nhà máy, xí nghiệp như Cơ khí Kiến thiết, 19-5, 1-5, Hóa chất,... sản xuất cầm chừng, công nhân thiếu, nhờ việc làm thường xuyên. Giá trị tổng sản lượng đạt thấp, không còn được coi là nguồn thu ngân sách chủ yếu.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 208-CT/TW, Hội đồng Chính phủ ra Nghị quyết số 61/CP về *“Vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lý nông - lâm nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”*. Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết trên, Ban Thường vụ Thành ủy ra Nghị quyết số 04-NQ/TU, tập trung đưa nông nghiệp Hải Phòng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, vấn đề phát triển nông nghiệp được gắn liền với xây dựng cấp huyện thành một cấp kinh tế toàn diện. Cuộc vận động tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, với đặc trưng cơ bản là chuyển toàn bộ hợp tác xã từ quy mô thôn lên quy mô toàn xã, đội sản xuất từ xóm lên quy mô thôn, theo mô hình hợp tác xã bậc cao, đã diễn ra, mặc dù điều kiện kinh tế, xã hội chưa cho phép. Quý III năm 1975, Huyện ủy, Ủy ban hành chính các huyện tiến hành tổng

kết kinh nghiệm và chủ trương tiếp tục đưa cán bộ tăng cường cho cơ sở nông nghiệp. Các địa phương tập trung điều tra diện tích và thổ nhưỡng, hoàn thành việc vẽ bản đồ đất đai ở ngoại thành. Thành phố đã chọn huyện An Thụy và 11 hợp tác xã làm điểm về tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý trong nông nghiệp, thành lập Ủy ban nông nghiệp huyện, thị xã; kiện toàn Ban quản trị hợp tác xã, xây dựng các đội chuyên. Các hợp tác xã điểm như Phục Lễ, Lưu Kiếm (Thủy Nguyên), Đại Thắng (Tiên Lãng), Quốc Tuấn (An Thụy)... phát huy tác dụng, nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, do chỉ đạo sản xuất còn phân tán, quản lý vẫn buông lỏng, phương hướng sản xuất chưa sát hợp, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ còn yếu.

Thực hiện Nghị quyết số 61/CP của Hội đồng Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy (triển khai Nghị quyết số 61/CP), ngành nông nghiệp đã kết hợp chặt chẽ việc tổ chức lại sản xuất, xây dựng chế độ quản lý với chuyển quy mô hợp tác xã nông nghiệp. Trong năm 1976, các huyện Vĩnh Bảo, An Hải đưa 100% số hợp tác xã, huyện Tiên Lãng đưa 17/25 hợp tác xã lên quy mô toàn xã. Năm 1977, toàn thành phố đạt 100% (265 hợp tác xã) số hợp tác xã lên quy mô toàn xã, bậc cao, với 96,2% số hộ tham gia. Bình quân mỗi hợp tác xã có 520 hộ, 2.690 nhân khẩu, 997 lao động, 143ha canh tác, 6 máy động lực và 8 máy công tác. Các hợp tác xã mở đại hội xã viên, xây dựng phương án phát triển, kiện toàn Ban quản trị hợp tác xã. Huyện An Thụy điểm về sản xuất lương thực; huyện An Hải điểm về sản xuất thực phẩm (rau màu), đã chú trọng tối đa sản xuất và cơ giới hóa khâu làm đất. Huyện Thủy Nguyên có nhiều hợp tác xã nông nghiệp yếu kém kéo dài, số hộ không vào hợp tác xã còn nhiều. Qua đợt học tập Điều lệ và sự chỉ đạo tích cực của huyện, có 4.626 hộ xin vào hợp tác xã, đưa tỷ lệ từ 83 lên 93% số hộ nông

dân trong huyện vào hợp tác xã. Toàn thành phố có 8.400 hộ xin trở lại hợp tác xã, đưa tỷ lệ từ 83,5 lên 97,8% số hộ vào hợp tác xã.

Trước yêu cầu của tình hình lương thực và nhằm phấn đấu mở rộng diện tích cấy trồng, thành phố đã tập trung quy hoạch lại sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh khai hoang, lập các khu kinh tế mới. Các khu Gia Minh, Hai Gió - Đầm Trấu (Thủy Nguyên), Đông Hải, Nam Hải, Tràng Cát, Đình Vũ (An Hải, nay thuộc quận Hải An), đường 14 (An Thụy), Vinh Quang (Tiên Lãng), Phù Long, Cát Hải - Cát Bà (tháng 3/1977, hai huyện Cát Hải, Cát Bà hợp nhất thành huyện Cát Hải). Diện tích khai hoang, lấn biển được khoảng 5.500ha (không tính 3 nông trường quốc doanh), một số diện tích được cải tạo đưa vào sản xuất. Nhưng do tổ chức chỉ đạo thiếu chặt chẽ nên chưa có khu kinh tế mới nào được hoàn chỉnh, hoàn thành dứt điểm. Kết quả chưa tương xứng với thời gian và công sức bỏ ra. Việc vận dụng và thực hiện chế độ, chính sách về đầu tư vốn, cung cấp lương thực, vật tư, nguyên liệu... còn lúng túng, chưa tạo được điều kiện thuận lợi cho các địa phương chủ động triển khai công việc. Công cuộc khai hoang, lấn biển, mở rộng diện tích, lập khu kinh tế mới được thành phố xác định là nhiệm vụ thường xuyên và tiếp tục được đẩy mạnh trong nhiều năm.

Những năm 1975 - 1977, thời tiết không thuận, rét đậm kéo dài, nhiều cơn bão lớn, nhưng do có sự chỉ đạo kiên quyết và kết quả bước đầu của việc cải tiến quản lý, củng cố tổ chức hợp tác xã, nên năm 1976, nông nghiệp Hải Phòng đạt được kết quả mới. Lần đầu tiên năng suất lúa bình quân toàn thành phố cả năm đạt 5 tấn/ha. Có 3 hợp tác xã đạt 8 tấn, 21 hợp tác xã đạt từ 6 tấn trở lên và 50 hợp tác xã đạt 5 tấn trở lên. Huyện Vĩnh Bảo đạt 5,46 tấn/ha. Huyện Thủy Nguyên đạt 5,5 tấn/ha. Huyện An Hải đạt 5,21 tấn/ha. Tổng sản lượng lương thực của thành phố tăng 6,6% so với năm 1975. Tuy vậy, sự chuyển biến trong nông nghiệp

vẫn chưa vững chắc, nhiều mặt còn trì trệ: còn 50% hợp tác xã năng suất lúa đạt dưới 5 tấn/ha; hai huyện An Thụy, Tiên Lãng chưa đạt 5 tấn/ha. An Thụy là huyện điểm về sản xuất nông nghiệp, được đầu tư nhiều mặt, được tăng cường cán bộ, nhưng lại chỉ đạt 95% diện tích gieo trồng so với năm 1975 và năng suất lúa đạt 4,59 tấn/ha. Năm 1977, nông nghiệp Hải Phòng gặp khó khăn. Hợp tác xã quy mô toàn xã bộc lộ những bất cập về trình độ quản lý của cán bộ, về lãng phí và tính hiệu quả. Thời tiết tiếp tục thất thường và đặc biệt cơn bão số 3 làm cây trồng bị thiệt hại nặng. Huyện Vĩnh Bảo mất trắng tới 30% diện tích lúa màu. Do vậy, năng suất lúa đạt thấp hơn so với năm 1976. Tại huyện An Thụy, năng suất lúa cả năm chỉ đạt 3,67 tấn/ha, tổng sản lượng giảm 20,8% so với năm 1976. Tình trạng thiếu lương thực khá trầm trọng, diện nông dân thiếu đói lan rộng, có nơi tới trên 60%. Điều đó càng làm cho sản xuất nông nghiệp thêm khó khăn.

Chăn nuôi và sản xuất thực phẩm phát triển chậm do chủ trương quy hoạch theo vùng, do lương thực thiếu. Thành phố quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh. Thủy Nguyên, An Hải được thành phố giao lấy sản xuất thực phẩm, chăn nuôi làm chính. Các huyện An Thụy, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo... lấy trồng lúa làm chính. Trong điều kiện ấy, các hợp tác xã khó thực hiện vì trực tiếp ảnh hưởng đến lương thực của mỗi gia đình xã viên. Những năm 1975 - 1977, thành phố đã hỗ trợ cho 42 hợp tác xã chuyên nuôi lợn nái có quy mô 30 - 50, 100 - 200 con lợn nái một trại. Các nông trường Thành Tô, Quý Cao... cũng nuôi lợn nhỏ, lợn thịt, song trình độ quản lý của các hợp tác xã, của các nông trường yếu, đã dẫn đến chăn nuôi ngày càng sa sút. Tuy nhiên, đàn lợn của các gia đình vẫn được giữ vững, góp phần giúp thành phố làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Ngành thủy sản chưa được đầu tư nhiều trong thời gian có chiến tranh. Các đơn vị như Quốc doanh đánh cá Hạ Long,

Nhà máy Cá hộp thuộc Liên hiệp Thủy sản vẫn hoạt động theo cơ chế cũ, thường xuyên bù lỗ, hiệu quả thấp. Các hợp tác xã đánh cá của thị xã Đồ Sơn và các huyện Cát Hải, An Thụy, Thủy Nguyên chưa có nhiều phương tiện ra khơi. Thuyền, ngư cụ cũ nát, cơ sở chế biến còn nhỏ bé và thiếu. Sản lượng đánh bắt thất thường, không đáp ứng được nhu cầu của nhân dân nội thành, của quân đội. Do vậy, năm 1976, thành phố chỉ đạo Sở Thủy sản, Ủy ban Kế hoạch, Sở Thương nghiệp phối hợp xây dựng đề án phát triển nghề khai, khuyến khích nghề đánh bắt truyền thống có năng suất cao để cung cấp nhiều cá tươi cho nhân dân nội thành. Các đơn vị đánh cá quốc doanh và hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả do trình độ quản lý, cung cấp nguyên liệu quá ít và giá cả thu mua thấp.

Hoạt động thương nghiệp, xuất khẩu, tài chính - tiền tệ và giá cả được thành phố chủ động tháo gỡ. Ủy ban hành chính thành phố tập trung chỉ đạo chấn chỉnh tổ chức, khai thác nguồn hàng, mạng lưới bán hàng, quản lý thị trường, cải tạo buôn bán nhỏ, cải tiến phương thức phân phối, ổn định giá cả. Ngành thương nghiệp chủ yếu phân phối các mặt hàng nhu yếu phẩm theo định lượng cho cán bộ, công nhân, viên chức bằng tem phiếu: vải, xà phòng, sắm lốp, phụ tùng xe đạp, thuốc lá, kim chỉ... Hệ thống hợp tác xã mua bán ở các xã, thị trấn cũng chỉ tập trung khai thác các mặt hàng mắm, muối, dầu hỏa và các nông cụ để bán cho nhân dân.

Những năm đầu sau chiến tranh, ngành ngoại thương mới có điều kiện mở rộng hoạt động, chủ yếu là trao đổi với các nước xã hội chủ nghĩa. Mặt hàng chính là thủ công mỹ nghệ, thực phẩm. Kim ngạch xuất khẩu của thành phố tăng trưởng. Năm 1976, đạt 106% kế hoạch, tăng 27% so với năm 1975 và năm 1977 tăng cao hơn. Lĩnh vực lưu thông, phân phối luôn là vấn đề phức tạp. Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố thường xuyên tập trung

vào cải tạo tiểu thương, những người buôn bán nhỏ ở các phố, tiến hành quản lý chặt chẽ thị trường nhằm ổn định giá, chống tăng giá cả bằng sự quy định giá của Nhà nước. Nhưng thực tế, do cơ chế nhiều giá, cung cấp, phân phối thấp nhiều so với giá thị trường, nên đã tạo kẽ hở cho hiện tượng tiêu cực trong phân phối, lưu thông, càng làm cho thị trường thêm rối loạn. Nhà nước không thể nắm được hàng, không quản lý được giá cả, khiến đời sống của người lao động hết sức khó khăn. Thành phố luôn ở tình trạng thiếu lương thực, thiếu thực phẩm. Các loại rau, đậu, thịt đều phải phân phối với định lượng thấp nhưng vẫn không đủ cho công nhân, viên chức và nhân dân nội thành.

Giao thông vận tải của Hải Phòng bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh. Các cầu lớn như cầu Niệm, cầu Rào, cầu Giá, cầu Kiến An... bị bom Mỹ tàn phá, chưa được xây dựng lại. Đường 5, đường 10, các đường liên huyện, đường phố xuống cấp nghiêm trọng. Các phương tiện vận tải thủy, bộ cũ nát, lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu. Được Trung ương hỗ trợ, Hải Phòng tập trung chuẩn bị các điều kiện để sửa chữa, xây dựng mới các cầu, khắc phục những đoạn đường hỏng lớn, trang bị thêm phương tiện vận tải. Các đơn vị cảng, Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO), Vận tải biển 3, các công ty vận tải đường sông, đường bộ, đường sắt của Trung ương đóng trên địa bàn được đầu tư, tăng cường hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tàu biển Thống Nhất, do Công ty Vận tải biển 3 quản lý, chạy tuyến Hải Phòng - Thành phố Hồ Chí Minh, đáp ứng kịp thời nhu cầu đi lại và trao đổi hàng hóa giữa hai miền. Hoạt động của các đội tàu viễn dương thuộc VOSCO, Ngoại thương, Vận tải biển 3... diễn ra khá nhộn nhịp. Hàng hóa qua Cảng Hải Phòng tăng: năm 1975 là 2,6 triệu tấn, năm 1976 tăng lên 2,8 triệu tấn và năm 1977 đạt 3,36 triệu tấn. Lượng hàng hóa nhập là chủ yếu. Việc giải phóng tàu,

rút hàng khỏi cảng rất chậm nên lượng hàng tồn đọng tiếp tục tăng. Tính đến ngày 25/5/1977, hàng tồn kho, nằm ở các bãi lên tới 208.657 tấn. Vận tải địa phương trong năm 1976 đạt khá về tấn và tấn/km, nhưng trong năm 1977 liên tục giảm, không đạt được kế hoạch.

Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, ngay sau ngày miền Nam giải phóng, thành phố chú trọng đầu tư và chỉ đạo thi công, hoàn thành các công trình trọng điểm như Xí nghiệp Gạch Tiên Hội, Xi măng và Xí nghiệp Bột nhẹ Minh Đức, Giấy vãi Tam Quán, Bệnh viện trẻ em, Bệnh viện Lao, cầu Rào, đường 14, Nhà máy Nước Cầu Nguyệt, nông trường Vinh Quang. Giữa năm 1977, thành phố triển khai xây dựng 11 nhà cao tầng ($27.073m^2$) tại khu Vạn Mỹ (5 nhà), Đồng Quốc Bình (3 nhà), Quán Toan (3 nhà). Các nhà thấp tầng được xây 284 gian ($5.112m^2$): ở Cát Bi (134 gian), Trại Chuối (150 gian)...

Sau ngày giải phóng miền Nam, những sản phẩm văn hóa độc hại của chế độ Mỹ - ngụy, theo các đường thâm nhập rất nhanh vào thành phố. Các ngành văn hóa, công an đã tích cực và bằng mọi biện pháp thu hồi, xử lý. Mặt khác, ngành văn hóa cùng các phương tiện thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, nghị quyết của Đảng, của thành phố và tổ chức nhiều hoạt động văn hóa sôi nổi chào mừng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ V, lần thứ VI và các phong trào thi đua lao động, sản xuất, học tập. Hoạt động văn hóa, văn nghệ từ thành phố đến cơ sở phát triển sôi nổi. Một số nhà máy, xí nghiệp, huyện, xã xây dựng nhà văn hóa, thư viện, nhà truyền thống. Phong trào văn nghệ quần chúng tích cực phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân. Các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp: kịch nói, cải lương, chèo, ca múa, múa rối hoạt động có

hiệu quả, có đoàn trở thành một trong những đơn vị tiêu biểu của quốc gia. Đội ngũ văn nghệ sĩ, trưởng thành trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nay lại tích cực đi vào sáng tác phục vụ công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh. Nhiều tác phẩm văn học, nhạc, họa, điêu khắc, nhiếp ảnh đoạt giải cao trong các cuộc thi quốc gia. Tạp chí *Cửa Biển* được bạn đọc cả nước mến mộ. Báo *Hải Phòng* được phát hành hàng ngày, tăng số lượng, có nhiều đổi mới. Báo đã phản ánh kịp thời những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của thành phố, các phong trào thi đua lao động, sản xuất, cổ vũ những điển hình tiên tiến. Đài Phát thanh - Truyền hình Hải Phòng còn nhiều khó khăn, thiết bị lạc hậu. Đài đã thử nghiệm thành công máy phát sóng truyền hình công suất 0,5W, chuyển tiếp kênh 6 Đài Truyền hình Việt Nam (đen - trắng) sang kênh 4 phát định hướng từ Phủ Liễn. Đầu năm 1978, Đài cùng Trung tâm Thông tin, Cục Đường biển đặt một máy phát sóng hình loại 4W đặt tại Phủ Liễn. Báo chí Hải Phòng đã góp phần quan trọng vào công cuộc tái thiết thành phố, bảo vệ trật tự trị an, xứng đáng là lực lượng xung kích trên mặt trận tư tưởng - văn hóa.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng và hoạt động thể thao đỉnh cao của Hải Phòng trong những năm này được đẩy mạnh, nhất là các môn bơi lội, điền kinh, vật, bóng đá, bóng chuyền, thể thao quốc phòng. Ngành y tế thành phố củng cố hệ thống y tế cơ sở ở khu phố, huyện, xã. Bệnh viện Hữu nghị Việt - Tiệp được đầu tư mở rộng và bổ sung trang thiết bị, phấn đấu trở thành bệnh viện lớn của khu vực. Ngành giáo dục thành phố khắc phục khó khăn, nhanh chóng trở lại hoạt động ngay sau khi Hiệp định Pari được ký kết. Học sinh từ nơi sơ tán trở về. Ở nội thành, nhiều trường học bị bom đạn tàn phá. Thành phố đã

đầu tư xây dựng hoặc bố trí cơ sở mới, tạo điều kiện tốt nhất cho dạy và học. Những năm 1975 - 1977, số học sinh tăng hàng năm. Huyện An Thụy, năm 1977, có 1.577 lớp học, gồm 64.987 học sinh. Huyện Tiên Lãng có 32.244 học sinh. Hệ thống mẫu giáo, giáo dục mầm non ở khu vực nội thành phát triển tốt hơn nhưng còn gặp rất nhiều khó khăn ở nông thôn. Các xã đã có nhiều cố gắng nhưng số các cháu ở độ tuổi đến nhà trẻ, mẫu giáo đạt thấp. Hợp tác xã nông nghiệp đã chi cho cô, trò thêm khẩu phần lương thực, bao cấp bữa ăn cho các cháu, nên từ năm 1977, số cháu đến lớp đông hơn. Toàn ngành giáo dục thành phố có bước phát triển về cả quy mô và chất lượng dạy và học. Các lớp bổ túc văn hóa và học ngoại ngữ ở nội thành thu hút khá đông học viên. Phong trào học bổ túc văn hóa ở các huyện Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên, An Thụy phát triển mạnh, đã góp phần rất quan trọng bổ túc kiến thức cho cán bộ, công nhân viên và thanh niên không có điều kiện học tiếp phổ thông.

Trên lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tình hình trật tự trị an ở Hải Phòng có nhiều diễn biến phức tạp. Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong tình hình, điều kiện mới của thành phố, của đất nước. Từ khi tàu biển Thống Nhất mở tuyến Hải Phòng - Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động thông thương Nam - Bắc diễn ra khá nhộn nhịp, số cán bộ, công nhân, viên chức, nhân dân hai miền qua lại ngày càng lớn. Trong số đó, có không ít kẻ xấu, gián điệp của nước ngoài trà trộn. Một số cán bộ, chiến sĩ từ miền Nam trở về có mang theo vũ khí, chất nổ, có người đã sử dụng trái phép. Bọn tội phạm sử dụng vũ khí, chất nổ gây ra nhiều vụ cướp và cưỡng đoạt tài sản của Nhà nước, của nhân dân. Ủy ban hành chính thành phố chỉ đạo ngành Công an, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 và Bộ Chỉ huy quân sự thành phố tiến hành đợt kiểm tra, thu hồi vũ khí, chất nổ.

Đợt đầu, cuối năm 1975, đã thu được 177 súng các loại, hàng vạn viên đạn, xử lý 4 đối tượng tàng trữ. Chủ trương và kết quả này của Hải Phòng được Bộ Công an tổng kết kinh nghiệm, chỉ đạo thực hiện trong toàn quốc.

Tháng 3/1976, Công an thành phố triển khai Kế hoạch số 376, mở chiến dịch tiến công truy quét tội phạm hình sự. Mục tiêu của chiến dịch nhằm giảm đến mức thấp nhất các vụ trọng án, ngăn chặn nạn cướp giật, móc túi ở nơi công cộng, ở địa bàn phức tạp, tập trung đấu tranh vào bọn lưu manh chuyên nghiệp, lừa đảo, phá rối thị trường. Ở các khu phố, thị xã Đồ Sơn, Kiến An và các huyện, xã ven nội thành, các tuyến giao thông, bến tàu, nhà ga, chợ, công viên, lực lượng cảnh sát bảo vệ, hình sự kết hợp với công an khu phố tăng cường tuần tra, kiểm soát, cấm chốt 24/24 giờ tại các trọng điểm, khu vực giáp ranh. Công an các khu phố, huyện, thị xã và các phòng nghiệp vụ tăng cường công tác giám sát đối tượng, nắm tình hình di, biến động trong dân cư, đảm bảo an toàn tuyệt đối cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại hội đảng các cấp. Trong chiến dịch này, Công an đã phát hiện, điều tra 142 vụ trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, 30 vụ buôn lậu, 98 vụ tham ô, bắt giữ 144 đối tượng hình sự, 62 gái mại dâm, 219 người hành nghề đồng bóng, bói toán, thu hồi cho Nhà nước hàng triệu đồng và nhiều vật tư quý hiếm. Trong năm 1976, Công an thành phố, Công an kinh tế kết hợp với Ban Quản lý thị trường và các ngành chức năng tiến hành nhiều đợt kiểm tra hành chính các cơ sở kinh tế. Đoàn kiểm tra đã xử lý, kết luận 88 vụ làm thiệt hại tài sản xã hội chủ nghĩa, trị giá tài sản thiệt hại lên đến 14.130 triệu đồng (tính theo giá 4 hào 1kg gạo), thu hồi 12.150kg lương thực, 20.000kg gạo tem phiếu, 480.144 đồng tham ô tài sản của hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Điển hình là các vụ ở hợp tác xã Bạch Xa, xã Chấn Hưng, huyện Tiên Lãng; hợp tác xã tín dụng xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên;

khám phá và bắt quả tang vụ lừa đảo, tham ô tiền phát hành sổ sổ kiến thiết thuộc Sở Tài chính, ở chợ Sắt và 56 cơ sở kinh tế khác. Cùng thời gian này, Công an thành phố còn giúp Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 228 của Trung ương, đấu tranh chống lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống làm ăn phi pháp, tăng cường quản lý thị trường, quản lý lao động, giữ gìn trật tự trị an. Trong 2 năm 1975 - 1976, thành phố đã xử lý 6.643 đối tượng tham ô, lấy cắp hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm làm thiệt hại tài sản nhà nước, vận động 383 người tự giác trả lại tài sản đã tham ô, lấy cắp..

Những năm này, mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc diễn biến theo chiều hướng không tốt. Hải Phòng có nhiều người Hoa sinh sống, trong đó có những phần tử hoạt động ngầm ngầm làm rạn nứt mối đoàn kết Hoa - Việt. Do đó, tháng 9/1975, Công an thành phố thành lập Tiểu ban điều tra, nghiên cứu về người Hoa nhằm phục vụ cho công tác đối ngoại và vận động quần chúng. Sau một năm triển khai, Tiểu ban đã cung cấp nhiều tài liệu có giá trị về cộng đồng người Hoa ở thành phố, phục vụ cho các cấp ủy đảng, chính quyền tiến hành tốt công tác Hoa vận và chủ động phòng ngừa, đấu tranh với những hành vi xuyên tạc, gây mất an ninh, trật tự. Công an thành phố đẩy mạnh việc ngăn chặn, khám phá một số chuyên án của gián điệp nước ngoài như chuyên án TS67, P86, bắt các đối tượng X70 (những phần tử chuyên cung cấp tin tức cho Trung Quốc), ngăn chặn có hiệu quả những hoạt động tình báo phương hại đến an ninh quốc gia.

Trong những năm 1975 - 1977, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, trật tự, an toàn xã hội phát triển khá sôi nổi. Ngày 31/7/1975, Thành ủy Hải Phòng ra Chỉ thị số 14-CT/TU về việc *“Tăng cường công tác bảo vệ an ninh trật tự của thành phố trong tình hình mới”*. Toàn thành phố đã lập được 300 tổ bảo vệ, gần 1.150 cán bộ, chiến sĩ công an, 300 bộ đội, 750 dân quân

tự vệ, 500 giáo viên, học sinh tham gia bảo vệ trật tự trị an ở cơ sở. Ủy ban hành chính thành phố mở hội nghị tổng kết 10 năm (1965 - 1975) phong trào bảo vệ trị an, bảo mật phòng gian và phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc (ngày 10/9/1975). Thành ủy ra Nghị quyết số 21-NQ/TU về tăng cường công tác nội chính, phục vụ và bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tổng kết 15 năm công tác phòng cháy, chữa cháy (1961 - 1976)...

Trong thời kỳ mới, Hải Phòng vẫn là địa bàn chiến lược quân sự trọng yếu bảo vệ Thủ đô Hà Nội và vùng Đông Bắc Bắc Bộ. Việc kết hợp quốc phòng với an ninh, quốc phòng với phát triển kinh tế là phương thức phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân để tổ chức phòng thủ, giữ gìn đất nước. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 chú trọng xây dựng khu vực phòng thủ, đẩy mạnh công tác quân sự địa phương; nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và làm tốt công tác trật tự trị an; tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân vững mạnh toàn diện; tích cực tham gia lao động sản xuất, xây dựng hậu phương. Các cấp đã chủ động xây dựng, bổ sung kế hoạch bảo vệ trật tự trị an, an ninh chính trị, tổ chức mạng lưới quân báo nhân dân, giám sát chặt chẽ đối tượng, tổ chức tuần tra, canh gác. Năm 1976, triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng và chỉ thị của Quân khu, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 triển khai xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên. Chỉ tiêu so với dân số: các huyện An Thụy, Cát Hải, thị xã Kiến An là 9%; Thủy Nguyên, thị xã Đồ Sơn là 8,5%; huyện Tiên Lãng là 9,5%; khu phố Ngô Quyền là 8%; Cát Bà là 7,3%; An Hải là 6,5%; Vĩnh Bảo là 10%; Hồng Bàng là 6%; Lê Chân là 4,5%. Mỗi khu phố, huyện, thị xã có 1 tiểu đoàn cơ động hỗn hợp. Cảng Hải Phòng và Công ty Xây dựng số 16 (Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng), Nhà máy Xi măng, mỗi đơn vị có 1 trung đoàn tự vệ. Công ty Xây lắp, Sở Xây dựng

có 1 tiểu đoàn tự vệ. Các trường Đại học Hàng hải, Giao thông đường thủy có 1 tiểu đoàn làm lực lượng cơ động.

Thực hiện Thông báo số 07, ngày 25/01/1976 của Ủy ban hành chính thành phố, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 làm việc với Ủy ban Nông nghiệp thành phố, Chi cục Muối, Ban Kiến thiết Nông trường Vinh Quang tuyển lao động và trang bị vũ khí cho công nhân, theo nguyên tắc: thành phố cấp lương thực, bảo hộ lao động, sinh hoạt phí; quân đội đảm bảo quân trang. Nhằm thực hiện chủ trương kết hợp quốc phòng với kinh tế, tháng 01/1976, Ủy ban hành chính thành phố ra thông báo về công tác xây dựng kinh tế tại Hải Phòng và giao cho Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 kết hợp với các ngành công nghiệp, nông nghiệp tổ chức thực hiện. Trung đoàn 5 được giao nhiệm vụ chuyển sang làm kinh tế. Các đơn vị bộ đội địa phương được bố trí, giao nhiệm vụ tham gia phòng, chống bão lụt. Tiểu đoàn 7 cơ động của Bộ Tư lệnh đảm nhiệm khu vực An Hải, giáp Kim Thành (Hải Dương). Trung đoàn 50 đảm nhiệm tuyến cầu Rào - Đồ Sơn và từ cống Cổ Tiểu đến Quần Mực - Đông Tác (An Thụy). Trung đoàn 5 phối hợp với huyện Tiên Lãng đảm nhiệm 3 xã ven đường 10, khu vực Nông trường Quý Cao, Chấn Hưng và tuyến đê nông trường Vinh Quang. Đoàn 151 chuẩn bị lực lượng 150 - 200 người sẵn sàng ứng cứu cho thành phố. Tiểu đoàn 15 và Tiểu đoàn 5 là lực lượng cơ động của Bộ Tư lệnh.

Trước tình hình mới, công tác quốc phòng ở Hải Phòng được bổ sung những nhiệm vụ mới nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của quân, dân thành phố vừa đảm bảo tốt việc phòng thủ, giữ vững chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, vừa tích cực tham gia vào phát triển kinh tế. Những kết quả đạt được trong những năm 1975 - 1977 là cơ sở ban đầu để công tác quốc phòng của thành phố có bước tiến vững chắc trong những năm sau đó.

Những thành tựu và hạn chế, yếu kém trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đều gắn liền với công tác xây dựng Đảng, vai trò chỉ đạo của chính quyền các cấp và của phong trào quần chúng. Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ V (tháng 5/1976) và lần thứ VI (vòng 2, tháng 5/1977) đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ kinh tế, xã hội của thành phố những năm 1976-1980 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Nhưng trong bối cảnh chung, thành phố chưa lường hết được những khó khăn về cơ chế quản lý, về nhận thức, nên những mục tiêu đề ra trong Đại hội là quá cao, khó thực hiện.

Trong quá trình lãnh đạo, để thúc đẩy sản xuất, Đảng bộ Hải Phòng tập trung vào công tác xây dựng Đảng trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng; tổ chức và cán bộ; kiểm tra Đảng. Thực trạng tình hình của Đảng bộ Hải Phòng những năm này cho thấy tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên còn nhiều yếu kém, chưa làm được nhiệm vụ là hạt nhân lãnh đạo trong quản lý xã hội, quản lý kinh tế, lãnh đạo sản xuất và tổ chức đời sống nhân dân. Nhiều cán bộ, đảng viên còn thiếu kiến thức về quản lý kinh tế, khoa học - kỹ thuật. Một bộ phận đảng viên ý chí chiến đấu và phẩm chất đạo đức bị giảm sút. Một số đảng viên có chức, có quyền, dựa vào uy tín của Đảng, chính quyền để xâm phạm đến lợi ích của nhân dân, coi thường kỷ luật đảng và pháp luật; độc đoán, quan liêu, xa rời quần chúng, gây mất đoàn kết nội bộ. Để khắc phục những hạn chế, yếu kém, tháng 01/1976, Đảng bộ Hải Phòng tiến hành sơ kết đợt tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 Ban Chấp hành Trung ương Đảng; tổng kết cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh”; tăng cường biện pháp nâng cao chất lượng của các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên. Đảng bộ các huyện ngoại thành tập trung củng cố cơ sở đảng yếu

kém gắn với việc tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp. Đảng bộ các khu phố tập trung nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, quản lý và rèn luyện đảng viên. Đảng bộ các nhà máy, cảng gắn nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên với xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển sản xuất.

Từ cuối năm 1975 cho đến đầu năm 1977, đảng bộ các huyện, thị xã, khu phố và các đảng bộ trực thuộc đã tiến hành hai kỳ đại hội. Qua đại hội, tổ chức cơ sở đảng các cấp được củng cố, song do điều kiện kinh tế, xã hội, đời sống khó khăn nên việc quản lý đảng viên còn lỏng lẻo, tính chiến đấu còn nhiều hạn chế. Thành ủy ra nghị quyết, tập trung chỉ đạo củng cố tổ chức đảng và kiên quyết đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng, sắp xếp lại tổ chức và đội ngũ cán bộ, kết hợp với củng cố bộ máy chính quyền, bộ máy quản lý. Các ban của Đảng được củng cố. Thành ủy lập mới Ban Khoa giáo, Ban Dân vận - Mặt trận. Các ban đã tham mưu có hiệu quả, giúp Thành ủy chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, phát triển kinh tế - xã hội.

Trong những năm 1975 - 1977, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng của thành phố diễn ra sôi nổi. Mặt trận Tổ quốc các cấp tăng cường sự phối hợp các tổ chức thành viên, tập hợp, động viên các tầng lớp nhân dân thi đua lao động, sản xuất, học tập, công tác nhằm tháo gỡ khó khăn, phát triển kinh tế, xã hội, cải thiện đời sống, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Mặt trận Tổ quốc đã tham gia tích cực, làm tốt việc hiệp thương Tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc hội chung của cả nước. Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hải Phòng lần thứ V quyết định tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng; kiện toàn củng cố và mở rộng Mặt trận; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của các tầng lớp nhân dân.

Sau khi giải phóng miền Nam, lực lượng công nhân, viên chức thành phố có nhiều biến động do di chuyển địa bàn công

tác, sắp xếp lại doanh nghiệp. Thành phố có 157.929 công nhân, viên chức, trong đó 7.632 có trình độ đại học, 14.542 có trình độ trung cấp, 76.376 công nhân kỹ thuật. Tháng 10/1976, Đại hội Công đoàn thành phố lần thứ IV được tổ chức, đã mở ra thời kỳ lao động sáng tạo mới cho công nhân, viên chức. Liên hiệp Công đoàn thành phố phát động công nhân, viên chức đi đầu trong phong trào thi đua lao động, sản xuất, tiết kiệm, xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa. Đến tháng 02/1976, thành phố có 187 tổ đạt danh hiệu lao động xã hội chủ nghĩa liên tục từ 5 năm đến 9 năm, 64 tổ đạt liên tục trên 10 năm, 5 tổ đạt liên tục từ 15 năm. Năm 1977, toàn thành phố có 85% số tổ sản xuất đăng ký thi đua “Lao động sáng tạo”, với những hình thức và nội dung phong phú, đạt hiệu quả. Năm 1976, công nhân, viên chức Hải Phòng phát huy hơn 2 vạn sáng kiến cải tiến kỹ thuật, làm lợi cho Nhà nước hàng chục triệu đồng; 31 đơn vị xí nghiệp, 257 tổ sản xuất, 26.950 cá nhân hoàn thành kế hoạch nhà nước trước thời hạn từ 20 đến 90 ngày. Phong trào thực hành tiết kiệm, tận dụng phế liệu, phế phẩm để sản xuất các mặt hàng phụ và phấn đấu giảm định mức về vật tư trên một đơn vị sản phẩm đã diễn ra sôi nổi, được công nhân, viên chức nhiệt tình hưởng ứng. Hơn 45% số tổ sản xuất thực hiện tốt chương trình tiết kiệm. Lực lượng xã viên trong các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp cũng sôi nổi hưởng ứng phong trào tận dụng phế liệu, tự trang, tự chế, sản xuất thêm mặt hàng phục vụ đời sống và xuất khẩu.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố ra quân hưởng ứng phong trào “*Lao động tình nguyện vượt mức kế hoạch nhà nước*”. Khẩu hiệu hành động của tuổi trẻ thành phố là “Lao động hăng say, sáng kiến hay, tay nghề giỏi, vượt mức kế hoạch”. Hơn 80% đoàn viên, thanh niên tham gia các phong trào trên và đạt những thành tích đáng kể. Thanh niên, công nhân, viên chức, nông dân, học sinh, lực lượng vũ trang đều có những phong

trào của ngành mình, giới mình. Phong trào “*Ba xung kích làm chủ tập thể*” được nâng lên thành “*Lực lượng thanh niên xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”, đã thu hút tới 200.000 đoàn viên, thanh niên tham gia, với hơn 1.000 công trình thanh niên, hàng vạn sản phẩm thanh niên. Hoạt động của tổ chức đoàn và phong trào thanh niên trong các ngành y tế, giáo dục, thương nghiệp, văn hóa - văn nghệ, thể dục, thể thao, khối hành chính sự nghiệp... phát triển sâu rộng. Tháng 7/1977, Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố lần thứ IV đã xác định phương hướng, nhiệm vụ trong hai năm nhằm tăng cường công tác thanh niên, xây dựng người thanh niên mới xã hội chủ nghĩa, vận động thanh niên đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ thành phố, đất nước. Thanh niên Hải Phòng thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong các phong trào thi đua lao động sản xuất, công tác, học tập, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng của thành phố cảng.

Trong thời kỳ mới, phụ nữ Việt Nam có nhiều phong trào cách mạng của mình, tiêu biểu là phong trào “*Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”. Đại hội Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố (năm 1977) đã xác định phương hướng, nhiệm vụ công tác Hội và phong trào phụ nữ thành phố trong giai đoạn mới: Đoàn kết, giáo dục các tầng lớp phụ nữ, xây dựng người phụ nữ mới xã hội chủ nghĩa, động viên phụ nữ phát huy vai trò làm chủ tập thể, tham gia 3 cuộc cách mạng, đẩy mạnh phong trào “*Giỏi việc nước, đảm việc nhà, thực hiện nam nữ bình đẳng*”. Chiến tranh kết thúc, nam giới từ chiến trường trở về, từng bước tham gia công tác, lao động sản xuất, kinh doanh. Số cán bộ chủ chốt là nữ có phần giảm, nhưng lực lượng lao động nữ vẫn tăng. Năm 1976, số cán bộ khoa học, kỹ thuật nữ là 4.209 người, chiếm 53,7% tổng số cán bộ khoa học, kỹ thuật toàn thành phố. Chị em phụ nữ đã

có nhiều hoạt động tích cực đóng góp vào những thành tựu kinh tế, xã hội của thành phố. Phụ nữ công nhân, viên chức hăng hái thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Chị em nông dân đảm nhiệm những cánh đồng cao sản, chăm bón lúa màu đúng kỹ thuật. Các cấp hội đẩy mạnh nhiều hoạt động xã hội: chăm sóc gia đình liệt sĩ, thương binh, nhận đỡ đầu con liệt sĩ mồ côi, đón nhận, nuôi dưỡng thương binh nặng. Phong trào này có tác dụng thiết thực, đùm lòng nhân ái và lối sống tình nghĩa, thủy chung của phụ nữ.

Đảng đoàn Hội Phụ nữ và Thành hội tiến hành tổng kết phong trào phụ nữ. Tổng kết đã giúp Hội, các cấp hội tiếp thu được nhiều bài học bổ ích trong công tác vận động phụ nữ: động viên chị em phấn đấu vươn lên trong lao động, công tác và học tập, nâng cao năng lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế; hướng dẫn thực hiện nếp sống mới, xây dựng gia đình văn hóa mới, chăm lo quyền lợi, đời sống của phụ nữ, trẻ em; củng cố và kiện toàn tổ chức Hội, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có năng lực cho phong trào.

Hai năm sau ngày miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất (tháng 5/1975 - tháng 5/1977), Hải Phòng đã đạt được những kết quả bước đầu trong công cuộc tái thiết thành phố. Các mặt kinh tế - xã hội, nhất là công nghiệp, nông nghiệp có những chuyển biến tích cực. Sản xuất công nghiệp từng bước được phục hồi. Về nông nghiệp, lần đầu tiên toàn thành phố đạt 5 tấn thóc/ha/năm. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, vận động quần chúng có tiến bộ. Công tác quốc phòng - an ninh được tăng cường. Tuy nhiên, so với khả năng, thế mạnh thì kinh tế - xã hội của thành phố còn nhiều yếu kém: công nghiệp, nông nghiệp phát triển chậm, thiếu cân đối, chưa vững chắc, có lĩnh vực xuất hiện sự sa sút. Công tác quản lý còn yếu, sơ hở. Hiệu quả lao động thấp. Đời sống nhân dân khó khăn. Tiêu cực xã hội phát triển. Trật tự, trị an còn lộn xộn. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính

quyền chậm được đổi mới, thiếu tính thực tiễn. Những yếu kém, khuyết điểm của thời kỳ này càng được bộc lộ rõ ở những năm tiếp theo.

2. Tích cực tháo gỡ khó khăn về kinh tế, xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tăng cường quốc phòng, an ninh (5/1977 - 6/1980)

Những năm 1975 - 1977, nền kinh tế - xã hội của đất nước, của thành phố có bước phát triển, nhưng từ cuối năm 1977 trở đi, tình hình bắt đầu suy giảm. Kinh tế - xã hội lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Hải Phòng trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn và đây cũng là giai đoạn thể hiện rõ bản lĩnh chính trị, sự năng động của Đảng bộ, quân và dân thành phố.

Sau khi đất nước thống nhất, Trung ương Đảng xác định đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, do chưa tính hết các điều kiện thực tế, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12/1976) đã đề ra một số chủ trương chưa phù hợp, bỏ qua thời kỳ khôi phục kinh tế, bắt tay ngay vào việc phát triển kinh tế với quy mô lớn và tốc độ cao. Việc bố trí cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư vượt quá nguồn lực sẵn có. Việc thực hiện các chủ trương: *“4 cấp cùng làm chủ tập thể”*, *“Xây dựng kinh tế Trung ương và kinh tế địa phương”*, *“Tổ chức lại sản xuất với quy mô lớn trong nông nghiệp”*... kéo theo việc mở rộng quy mô hợp tác xã, quy mô xã, huyện, tỉnh, làm đảo lộn nhịp độ phát triển và cơ cấu kinh tế vốn có từ trước. Những nhược điểm của mô hình, của cơ chế quản lý cũ dần bộc lộ và trở thành lực cản cho sự phát triển. Đồng thời, đất nước lại phải đương đầu với hai cuộc chiến tranh biên giới rất phức tạp và đối phó với chính sách bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch. Điều đó dẫn đến việc thực hiện đường lối Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đề ra không được hiệu quả như mong muốn. Nhiều mục tiêu kinh tế - xã hội không

đạt được. Đời sống nhân dân tiếp tục khó khăn, niềm tin đối với chế độ chủ nghĩa xã hội bị suy giảm.

Hải Phòng là cửa khẩu lớn nhất và là một trung tâm công nghiệp của miền Bắc, do nguồn vật tư, nhiên liệu, nguyên liệu dự trữ cạn kiệt, khiến sản xuất lao đao, giảm sút nghiêm trọng. Điện cho sản xuất bị cắt giảm 1/3, sắt thép và các loại vật tư khác cắt giảm từ 40 đến 70%. Lương thực cung cấp cho nhân dân cũng giảm 40 - 70%. Trong bối cảnh chung, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VI (tháng 5/1977) đã xác định các chỉ tiêu cao, thiếu cơ sở thực tế. Tình hình kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh của thành phố diễn biến phức tạp. Đời sống của nhân dân sa sút, thiếu đói. Lương thực trở thành vấn đề sống còn. Do vậy, dù là một thành phố công nghiệp, trong điều kiện cụ thể, Hải Phòng phải coi phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu.

Tháng 7/1977, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV chủ trương tập trung chỉ đạo phát triển nông nghiệp. Triển khai chủ trương trên, tháng 12/1977, Ban Thường vụ Thành ủy ra Nghị quyết số 10-NQ/TU về *"Tập trung sức toàn thành phố tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp"*. Trong những năm trước mắt, Hải Phòng xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu và tập trung giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm. Để thực hiện chủ trương trên, thành phố đề ra các biện pháp chủ yếu:

- Sớm hoàn thành công tác điều tra cơ bản, xây dựng quy hoạch nông nghiệp.
- Đẩy mạnh khai hoang, phục hóa để mở rộng đất canh tác, xây dựng lại đồng ruộng, tạo điều kiện canh tác tăng vụ.
- Phân bố lại lao động và phấn đấu tăng năng suất lao động.
- Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong nông nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng khoa học - kỹ thuật.

- Tăng cường củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng cấp huyện, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện.

Các biện pháp trên được chính quyền các cấp chỉ đạo sát sao, công tác điều tra cơ bản nông nghiệp, nông thôn được tiến hành. Qua điều tra cơ bản, ở thời điểm giữa năm 1978, Hải Phòng có 170 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có 147 hợp tác xã quy mô toàn xã, với 97% số hộ nông dân và 98% diện tích ruộng đất, bình quân mỗi xã có 345ha canh tác. Hệ thống thủy lợi tương đối hoàn chỉnh và có trên 200 trạm bơm điện, đảm bảo tưới tiêu cho trên 80% diện tích. Toàn thành phố có 17 nông trường, trung tâm, cơ sở nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng như Thành Tô, Quý Cao, Vinh Quang, Trạm giống cây nước ngọt, Trạm giống cây nước mặn. Ngành nông nghiệp có 379 cán bộ, nhân viên đại học, 1.662 trung cấp.

Thành phố xác định để tạo sự chuyển biến căn bản trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, trước hết phải xuất phát từ khâu cán bộ. Do vậy, thực hiện xây dựng cấp huyện, thành phố chủ trương tăng cường cán bộ cho cấp huyện, trước hết cho huyện điểm An Thụy, Cát Hải, rồi mở rộng sang các huyện khác. Mỗi ban, ngành ở thành phố cử một cán bộ lãnh đạo và một bộ phận cán bộ, chuyên viên về chỉ đạo nông nghiệp và công tác nông thôn. Trong 2 năm 1978 - 1979, 366 cán bộ được tăng cường cho các cơ quan huyện và một số cơ sở quốc doanh thuộc huyện quản lý, trong đó có 323 cán bộ khu vực nông nghiệp, 42 cán bộ cho ngành cá. Huyện An Thụy được tăng cường 75 cán bộ, huyện Cát Hải được tăng cường 65 cán bộ. Trong số cán bộ được tăng cường có 9 đồng chí phó trưởng ban, ngành thành phố, 99 trưởng, phó phòng sở, 10 kỹ sư. Số này trực tiếp làm trưởng phòng, trưởng ban hoặc hội trưởng các đoàn thể cấp huyện. Việc đưa cán bộ xuống cơ sở có tác

dụng tốt, vừa giúp cấp dưới nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, vừa rèn luyện cán bộ. Xây dựng và tăng cường cấp huyện là chủ trương mới nhưng vượt quá tầm và không phù hợp với thực tế. Thời gian đầu có kết quả, sau đó tác dụng giảm dần. Số cán bộ “hạ phóng” lần lượt trở lại thành phố.

Ủy ban hành chính thành phố chỉ đạo các ngành liên quan triển khai, tiến hành các biện pháp phấn đấu nông nghiệp đạt cho được các chỉ tiêu do Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VI đề ra. Các huyện xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng quy hoạch phân vùng kinh tế của thành phố. Việc điều tra thổ nhưỡng, đo đạc lại ruộng đất, xác định hướng và quy trình cải tạo chua mặn được triển khai tốt, tạo điều kiện cho cải tạo đất đai, đưa giống lúa có năng suất cao vào cấy trồng. Đến giữa năm 1979, cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý trong nông nghiệp cơ bản hoàn thành. Thành phố xây dựng xong quy hoạch tổng thể các huyện, xã, hình thành các vùng chuyên canh. Các hợp tác xã tiến hành điều tra cơ bản, xây dựng phương án kinh tế - kỹ thuật, phát triển thêm ngành nghề, lập các đội chuyên, xây dựng định mức vật tư, lao động; thực hiện chế độ hạch toán 43 khoản; củng cố, kiện toàn Ban quản lý hợp tác xã; giải quyết tình trạng lấn chiếm ruộng đất và tiến hành thu hồi nợ đọng...

Việc mở rộng và tăng diện tích cấy trồng bằng các biện pháp quai đê lấn biển, khai hoang, san gò, lấp trũng tiếp tục được các huyện An Hải, Thủy Nguyên, An Thụy, Tiên Lãng triển khai có hiệu quả. Năm 1978, gần 1.300ha được đưa vào sản xuất. Năm 1979, các khu kinh tế mới Gia Minh (Thủy Nguyên), đường 14 (An Thụy), Tràng Cát (An Hải) được thành phố đầu tư mở rộng khai hoang, lấn biển và đầu năm 1980 có trên 1.000ha nữa được đưa vào sản xuất. Đi đôi với việc tăng diện tích, thành phố còn tập trung hoàn chỉnh hệ thống thủy nông ở các huyện, thị xã. Xây dựng tiếp trạm bơm xí nghiệp Gò Công 2 (tiếp nước cho

huyện Tiên Lãng - năm 1978), trạm bơm Bát Trang và Quang Hưng (năm 1979), cống Trung Trang lấy nước tưới cho 18.200ha vụ đông - xuân, cho hệ thống sông Đa Độ (năm 1980)... Những năm này, các giống lúa 75/8, 75/10, IR48, IR2153, 8541, đặc biệt là giống lúa 424, được đưa vào sản xuất, trồng cấy trên diện rộng.

Trong 3 năm 1977 - 1979, thiên tai liên tiếp xảy ra. Cơn bão số 7, ngày 21/7/1977, gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp Hải Phòng. Năm 1978, bão lụt gây thiệt hại lớn nhất trong vòng 60 năm đối với cả nước. Tình trạng thiếu trầm trọng lương thực, điện, vật tư chủ yếu (sắt, thép, hóa chất cơ bản, xăng dầu, xi măng, phân bón hóa học...), làm cho kinh tế đất nước sa sút dần. Trong khi đó, sự đóng góp của nông dân đối với Nhà nước không giảm. Quan hệ lợi ích giữa xã viên với hợp tác xã và Nhà nước ngày càng bộc lộ những bất hợp lý. Đời sống nhân dân khó khăn, diện thiếu đói mở rộng. Nông dân lơ là sản xuất, bỏ ruộng không cấy, không thu hoạch, “chạy chợ” kiếm sống. Nhiều hợp tác xã có điều kiện sản xuất nhưng vẫn sút kém. Diện tích, năng suất các loại cây trồng thấp. Chăn nuôi phát triển chậm, có chiều hướng đi xuống. Cơ sở vật chất - kỹ thuật được xây dựng không đáng kể. Tình trạng tiêu cực kéo dài trong nội bộ hợp tác xã, vi phạm điều lệ hợp tác xã. Hiệu lực quản lý của chính quyền, của Ban quản trị hợp tác xã yếu kém. Quyền làm chủ của nông dân không được tôn trọng.

Kết quả là năng suất lúa, hoa màu, chăn nuôi ngày càng giảm. Năng suất lúa hàng năm dưới 5 tấn/ha, bình quân mỗi vụ đạt 21,7 tạ/ha. Vụ chiêm xuân các năm đạt thấp: năm 1977 đạt 18,89 tạ/ha, năm 1978 đạt 19,74 tạ/ha, năm 1979 đạt 17,1 tạ/ha. Năm 1979, diện tích lúa cả năm chỉ đạt 99,7% kế hoạch, năng suất đạt 42,4 tạ/ha, lao động nông nghiệp giảm 19.000 người. Huyện điểm An Thụy năng suất lúa năm 1977 là 36,72 tạ/ha, năm 1978 là 40 tạ/ha, năm 1979 là 34,5 tạ/ha. Huyện Thủy Nguyên năng

suất năm 1978 là 43,48 tạ/ha. Vĩnh Bảo là huyện duy nhất vẫn giữ vững năng suất lúa, đạt 50,29 tạ/ha. Toàn thành phố có 4 hợp tác xã Cổ Am, Vĩnh Phong, Vĩnh Tiến (Vĩnh Bảo), Đông Sơn (Thủy Nguyên) đạt từ 60 đến 70,3 tạ/ha.

Cây màu vụ đông, chủ yếu là khoai lang, ngô, khoai tây, được ngành nông nghiệp tạo điều kiện khuyến khích các hợp tác xã tăng diện tích và năng suất. Diện tích trồng khoai tây tăng nhanh: năm 1978 là 4.823ha, tăng gần 2 lần so với năm 1977, gấp gần 5 lần so với năm 1976. Cây khoai lang, cây màu truyền thống thời kỳ này diện tích trồng giảm. Năm 1978, diện tích trồng là 2.386ha, tăng 22,4% so với năm 1977. Năm 1979, diện tích trồng khoai tây, khoai lang là 9.707ha, bằng 71% kế hoạch, tăng gần 1,6 lần so với năm 1978. Thủy Nguyên chỉ đạo trồng 103,65ha khoai tây, nhưng thua lỗ nặng. Huyện An Thụy có diện tích khoai tây khá lớn: năm 1977 là 540ha, năm 1978 là 981ha, năm 1979 là 1.822ha nhưng năng suất, hiệu quả thấp. Tiên Lãng, Vĩnh Bảo là hai huyện triển khai có hiệu quả trồng màu.

Năm 1976, Thành ủy ra nghị quyết về xây dựng vùng rau chuyên canh; chính sách lương thực; giá cả thu mua; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho vùng rau. Ngành nông nghiệp đã tổ chức, chỉ đạo xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh rau. Năm 1976, có 29 hợp tác xã, năm 1979 lên tới 38 hợp tác xã với diện tích 843ha trồng rau chuyên canh. Những hợp tác xã dành nhiều đất cho sản xuất rau là Đồng Hòa, thị xã Kiến An (60ha), Dư Hàng Kênh, huyện An Hải (54ha), Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên (30ha), Tú Sơn, huyện An Thụy (30ha)... Những hợp tác xã chuyên canh rau đều ký hợp đồng bán rau cho Công ty rau thành phố để cung cấp rau cho nhân dân nội thành, nội thị. Cơ sở vật chất - kỹ thuật vùng rau được tăng cường: xây dựng thủy nông, san ủi mặt bằng (xã Mỹ Đức, huyện An Thụy san ủi 125ha, xã Đằng Hải, huyện An Hải là 100ha), trang bị máy bơm nước,

bể chứa phân, cơ giới hóa khâu làm đất, phay, lên luống, thí điểm sử dụng máy tưới phun, máy thu hoạch khoai tây, củ đậu. Các hợp tác xã chuyên rau được cung cấp theo nhu cầu các vật tư: tre nứa, làm giàn rau leo, thùng tưới nước, than đá, vôi mưa, phân bón, thuốc trừ sâu. Thành phố thực hiện chính sách bán lương thực theo đầu tấn rau thu mua, theo đầu chủng loại rau mỗi tháng. Do đó, sản xuất rau xanh phát triển nhanh, lượng rau thu mua ngày càng tăng, phục vụ nhu cầu nội địa và xuất khẩu: năm 1975, đạt 10.900 tấn; năm 1976, đạt 17.900 tấn; năm 1977, đạt 20.800 tấn; năm 1978, đạt 31.000 tấn.

Cấy lúa và nuôi lợn là một đặc trưng của sản xuất nông nghiệp. Được mùa thì nuôi lợn nhiều, thất bát mùa màng thì đàn lợn cũng giảm sút. Nông nghiệp Hải Phòng đã hình thành những vùng nuôi lợn thịt, những vùng chăn nuôi lợn nái. Những năm 1976 - 1979, thành phố đã hỗ trợ 42 hợp tác xã chuyên nuôi lợn nái có quy mô từ 30 đến 200 nái một trại, 15% diện tích đất đai hoặc lương thực cho chăn nuôi tập thể. Nhiều trại chăn nuôi tập thể đã thực hiện áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến. Chăn nuôi quốc doanh có các nông trường Thành Tô, Quý Cao, các trại thí nghiệm tổng hợp Niệm Nghĩa, Cầu Nguyệt có nhiệm vụ thực nghiệm cấy lúa và nuôi lợn. Những năm 1978 - 1980, đàn lợn ở khu vực quốc doanh lên tới 2.600 con lợn nái giống Móng Cái, sản xuất cung cấp 6.000 - 8.000 con lợn nái hậu bị một năm, góp phần cải tạo và Móng Cái hóa đàn lợn địa phương. Tuy nhiên, trình độ quản lý, kỹ thuật còn hạn chế và nguồn thức ăn được cung cấp thất thường nên chăn nuôi hiệu quả đạt thấp, thua lỗ nhiều. Lợn giống chất lượng kém. Dù thành phố đã vận dụng chính sách khuyến khích chăn nuôi lợn nái, trâu bò nhưng tình hình chăn nuôi vẫn phát triển chậm, có mặt giảm sút. Tại huyện Thủy Nguyên, đàn lợn năm 1976 là 50.476 con nhưng năm 1978 giảm còn 35.313 con. Năm 1978, đầu lợn toàn thành phố giảm

27,7% so với năm 1976. Năm 1979, số lượng lợn tăng gần 47.000 con so với năm 1978.

Hải Phòng có 125km bờ biển, nhiều sông ngòi, mương máng và 5 cửa sông lớn tạo nên hàng nghìn hécta đầm, bãi, mặt nước. Vùng nông thôn rộng còn có nhiều ao, hồ, đầm, là điều kiện để phát triển nghề khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản. Từ một nghề phụ trong nông nghiệp, ngành thủy sản Hải Phòng đã phát triển thành một ngành lớn mạnh, tuy còn không ít hạn chế, yếu kém. Ngày 20/3/1976, Ủy ban nhân dân thành phố ra Nghị quyết số 03 về nuôi cá nước ngọt. Tháng 8/1977, Ban Thường vụ Thành ủy họp chuyên đề và ra Nghị quyết số 05 về phát triển thủy sản, chú trọng phát triển cả ba khu vực quốc doanh, hợp tác xã và gia đình theo hướng tập trung, chuyên canh, thâm canh nhằm đạt hiệu quả kinh tế lớn. Ngày 27/02/1978, Ủy ban nhân dân thành phố ra Nghị quyết số 03 về khôi phục các trại cá giống huyện và mở rộng Trại cá giống Cầu Nguyệt. Cuối năm 1978, Bộ Thủy sản được thành lập. Nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo nuôi cá nước ngọt từ Sở Nông nghiệp được bàn giao trở lại Sở Thủy sản. Toàn thành phố có 79 cơ sở sản xuất cá giống, mỗi năm sản xuất 70 - 80 triệu cá bột mè, trắm cỏ, ương 35 - 40 triệu cá giống và sản xuất 10 - 15 triệu cá giống chép, rô phi. Tính đến hết năm 1977, toàn thành phố có 133 hợp tác xã, 9 nông trường, trạm trại quốc doanh tổ chức nuôi cá, với số lao động chuyên ngành là 1.684 người. Ngoài ra, còn có 18.056 hộ gia đình sử dụng ao nhỏ thả cá, 3 liên doanh nuôi cá sông: Liên doanh Đa Độ (huyện An Thủy), Sông Giá và Trịnh Thủy (huyện Thủy Nguyên). Hơn 2.100ha diện tích sông hồ lớn được khai thác như hồ Đà Nẵng (150ha), sông Trịnh Thủy (250ha), sông Đa Độ (440ha), Sông He (300ha), đầm Tám Xã (500ha). Các khu vực Gia Minh (Thủy Nguyên), Tràng Cát (An Hải), ven đường 14 (An Thủy), Cái Tráp (Cát Hải) được đắp đê, khoanh vùng 9.300ha, trong đó có 1.300ha nuôi tôm cá.

Tháng 4/1979, Thành ủy mở hội nghị chuyên đề về nghề cá. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Duẩn, Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng, Bộ trưởng Bộ Hải sản... về dự.

Từ tháng 11/1978, phong trào xây dựng “Ao cá Bác Hồ” phát triển mạnh từ trung ương đến địa phương. Cá giống lấy từ ao cá nhà sàn của Bác được thả lần đầu tiên ở hồ An Biên (Hợp tác xã Đằng Giang, huyện An Hải). Đến cuối năm 1979, thành phố có 69 “Ao cá Bác Hồ”, năng suất đạt 3 - 5 - 7 tấn cá/ha. Trồng rau câu chỉ vàng có kết quả ở Cái Tráp, Đại Nghĩa (Cát Hải). Đồi mồi được nuôi thí điểm ở Hợp tác xã Hải Phú (Cát Hải) và Áng Thảm (Cát Bà)...

Nghề đánh cá biển được xác định là một trong những nhiệm vụ hàng đầu. Từ năm 1978, thành phố xây dựng một số cơ sở vật chất, kỹ thuật ở đảo Cát Bà, Cát Hải, thành lập một số đơn vị quốc doanh, tăng cường cán bộ cho các huyện và coi Cát Hải là huyện trọng điểm về ngư nghiệp. Khi xảy ra tình trạng người Hoa bỏ về nước thì nghề đánh cá biển sa sút, do đó sản lượng đánh bắt suy giảm nghiêm trọng: năm 1978, đạt 10.500 tấn, bằng 56% năm 1977 và năm 1979, đạt 5.200 tấn, bằng 52% kế hoạch...

Dù gặp rất nhiều khó khăn, năm 1979, Hải Phòng vẫn hoàn thành 2 chỉ tiêu nghĩa vụ lương thực 24.000 tấn (100% kế hoạch), thịt lợn hơi đạt 4.976 tấn, vượt 3,6% kế hoạch. Huyện An Hải đạt 3 chỉ tiêu lương thực, thịt lợn, rau xanh, trước thời hạn 40 ngày. Bên cạnh những đơn vị sản xuất chăn nuôi khá, hoàn thành nghĩa vụ, thành phố vẫn còn 59/150 hợp tác xã đạt năng suất lúa dưới 4,7 tấn/ha, 8 hợp tác xã chưa tổ chức được chăn nuôi. Những đóng góp thuế nghĩa vụ vượt quá sức nên đời sống của nông dân hết sức khó khăn. Nạn đói diễn ra trên diện rộng, có huyện hơn 60% nhân dân thiếu đói. Hoạt động và năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng yếu kém. Thực trạng tình hình đó làm cho xã viên không

thiết tha với đồng ruộng, với sản xuất. Lòng tin của nhân dân đối với tổ chức đảng, chính quyền cơ sở suy giảm. Một số hợp tác xã ở các huyện An Thụy, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo... bắt đầu xuất hiện tự phát cách làm ăn mới nhằm tháo gỡ khó khăn. Đội sản xuất “bí mật” tiến hành chia một phần ruộng và khoán sản lượng cho xã viên, tiêu biểu là ở xã Đoàn Xá, huyện An Thụy.

Xã Đoàn Xá có 2 hợp tác xã nông nghiệp, cũng diễn ra thực trạng mùa màng năng suất thấp, đời sống xã viên khó khăn, cán bộ, đảng viên, xã viên không thiết tha với đồng ruộng, bỏ đi buôn, chạy chợ kiếm sống. Do yếu kém nên Đoàn Xá chưa tiến hành hợp nhất đưa hợp tác xã nông nghiệp lên quy mô toàn xã. Vụ mùa năm 1976, vì khô hạn làm đất quá muộn, theo đề nghị của xã viên, một số đội của Hợp tác xã Tiến Lập đã tự chia ruộng cho xã viên để cày lật đất, tìm mua mạ cấy và nộp sản phẩm, số vượt khoán được quyền sử dụng. Hiện tượng chia ruộng “khoán chia” cho xã viên ở Hợp tác xã Tiến Lập diễn ra trong lúc cả nước và thành phố thực hiện Chỉ thị số 208-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết số 61/NQ-CP của Hội đồng Chính phủ về tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý nông nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Khi biết việc chia ruộng, đoàn cán bộ kiểm tra khẳng định khoán là trái với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Ngày 18/9/1976, Ban Chấp hành Đảng bộ xã họp, có đoàn cán bộ của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy dự, tiến hành kiểm điểm ba đảng ủy viên là Bí thư Chi bộ, Phó Bí thư Chi bộ, Phó Chủ nhiệm kế hoạch hợp tác xã và quyết định thu hồi ruộng khoán. Cấp ủy và Bí thư Chi bộ của hợp tác xã bị xử lý kỷ luật. Dù vậy, xã viên vẫn bí mật “làm chui”. Vụ đó, lúa tốt, năng suất cao vượt trội hẳn so với các vụ trước.

Khi hợp tác xã hợp nhất lên quy mô toàn xã, sản xuất vụ chiêm năm 1977 lại thất bát, chỉ thu được 160 tấn thóc trên diện tích 380ha, thiếu hụt 400 tấn so với kế hoạch. Tình trạng thiếu

đổi lan rộng, 60 hộ có người đi ăn xin, ruộng bỏ hoang tới 190ha, xã viên chán nản, lúa chín không muốn gặt. Chăn nuôi lợn cũng giảm sút nghiêm trọng. Trại chăn nuôi Tú - Đại - Đoàn (Tú Sơn - Đại Hợp - Đoàn Xá) chỉ nuôi được 600 con lợn, ít hơn rất nhiều trước khi Đoàn Xá vào liên doanh. Ban quản lý hợp tác xã không thể điều hành nổi công việc. Lãnh đạo xã Đoàn Xá đứng trước sự lựa chọn của ba khuynh hướng: tiến hành khoán ruộng; tách hợp tác xã như cũ; bỏ ruộng đi buôn. Ngày 10/6/1977, Ban Thường vụ Đảng ủy xã họp bàn, quyết định khoán cho xã viên ở 3 khâu: cấy, chăm sóc, thu hoạch với diện tích khoán là 9% ở khu vực xa làng, ít người qua lại. Nghị quyết Hội nghị không ghi thành văn bản, khi sự việc “bị lộ”, Đảng ủy Đoàn Xá phải làm kiểm điểm và lập biên bản sửa sai. Thực tế, khoán vẫn được thực hiện. Vụ mùa năm 1977, Đoàn Xá được mùa, thu 779 tấn thóc trên diện tích có 80 mẫu. Với đà thắng lợi, Đoàn Xá mở rộng diện khoán tăng dần lên 50% diện tích. Trong 2 năm 1978 - 1979, nông nghiệp Đoàn Xá giành được năng suất cao trên cả hai lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi. Đời sống của nhân dân được cải thiện, xã viên gắn bó với đồng ruộng. Tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động có hiệu quả. Các nghĩa vụ đối với Nhà nước đều đạt và vượt chỉ tiêu. Từ yếu kém, Đoàn Xá vươn lên trở thành một trong những xã có phong trào phát triển. Nhưng do “khoán chui” bị “lộ”, Đảng bộ Đoàn Xá bị cấp trên xếp vào loại yếu kém. Đồng chí Bí thư Đảng ủy bị kiểm điểm. Toàn thể đảng viên không được phát thẻ đảng đợt 3/2/1980. Do nhận thức và hạn chế của điều kiện lịch sử nên việc làm của Đoàn Xá lúc đó chưa được ủng hộ, nhưng đã hé mở ra một hướng đi mới cho nông nghiệp Hải Phòng và của cả nước.

Cùng với sự sa sút của nông nghiệp, thủy sản, từ cuối năm 1977, công nghiệp trên địa bàn Hải Phòng cũng rất khó khăn. Nguồn vật tư, nhiên liệu được viện trợ hoặc trao đổi theo nghị định thư với các nước xã hội chủ nghĩa đã cạn, điện thiếu trầm

trọng. Năm 1979, vật tư, nhiên liệu, nguyên liệu, điện thiếu nhiều so với năm 1978: kim loại giảm 20 - 25%, gỗ giảm 40%, xi măng giảm 48%, điện được cấp 2/3 yêu cầu, trên 5.000 lao động không có việc làm... Các nhà máy, xí nghiệp, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp tích cực khai thác, triệt để tiết kiệm, tận dụng phế liệu, phế phẩm để đảm bảo sản xuất.

Công nghiệp trung ương đóng trên địa bàn phát triển không vững chắc. Năm 1978, giá trị tổng sản lượng của công nghiệp trung ương tăng 20,6% so với năm 1976, bình quân tăng 10,3%/năm. Các nhà máy xi măng, cơ sở đóng tàu, các đơn vị thuộc lĩnh vực công nghiệp nhẹ hoàn thành kế hoạch giá trị tổng sản lượng nhiều năm, nhưng năm 1979 giảm 7,3%. Các xí nghiệp thành viên của Liên hiệp Hải sản, Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng, Hải Phòng Điện khí không đạt kế hoạch. Nhà máy Xi măng đạt 83% kế hoạch đã được điều chỉnh (từ 37,5 lên 45 vạn tấn).

Ngành công nghiệp địa phương tập trung chấn chỉnh tổ chức, cải tiến quản lý, mở rộng việc thực hiện Điều lệ quản lý xí nghiệp sau khi đã làm thí điểm. Chủ trương của thành phố định hướng cho công nghiệp và thủ công nghiệp sản xuất các mặt hàng phục vụ nông nghiệp, ngư nghiệp, tiêu dùng, xuất khẩu và quốc phòng. Tháng 8/1978, Ban Thường vụ Thành ủy ra nghị quyết về sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Ủy ban hành chính thành phố chỉ đạo việc tổ chức lại các mặt hàng cho hợp lý, chú trọng tăng cường sự hợp tác giữa công nghiệp địa phương và công nghiệp trung ương, quan tâm hơn tới hiệu quả kinh tế, tới chất lượng sản phẩm. Thành phố đã tổ chức thêm một số công ty chuyên doanh: Thảm len, Cói; phân công sản xuất một số mặt hàng, nâng cao chuyên môn hóa và mở rộng hợp tác sản xuất giữa các cơ sở. Các đơn vị được cấp phát lại đăng ký kinh doanh, sắp xếp lại ngành nghề. Các cơ sở sản xuất nhiều mặt hàng được giao kế hoạch trực tiếp, chuyển dần chế độ gia công sang bán

nguyên liệu, thu mua thành phẩm. Ngành thủ công nghiệp tập trung mọi khả năng, chủ động giải quyết nguyên liệu tại địa phương, tận dụng các phế liệu, phế phẩm để đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế và cho xuất khẩu. Do vậy, hầu hết các nhà máy, xí nghiệp, hợp tác xã, thợ thủ công đều tổ chức sản xuất phụ, sản xuất thêm các mặt hàng ngoài kế hoạch pháp lệnh.

Tháng 8/1979, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV họp đưa ra một số quyết định quan trọng nhằm làm cho sản xuất “bung ra”. Trong đó, Hội nghị chấp nhận ngoài hai hình thức sở hữu nhà nước và tập thể là chủ yếu, còn có thành phần kinh tế cá thể; kết hợp đúng đắn ba lợi ích: Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động; lấy năng suất lao động tăng, sản xuất phát triển và đời sống nhân dân được cải thiện làm tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá sự đúng đắn của chính sách. Hội nghị đánh dấu sự khởi đầu đổi mới tư duy kinh tế của Đảng. Tình hình sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bước đầu “bung ra” nhưng còn tự phát, thiếu chủ trương phù hợp. Thành phố vẫn chú trọng tới việc sản xuất phụ nhằm tạo thêm lợi ích chung để cải thiện đời sống người lao động và tăng sản phẩm cho xã hội. Năm 1979, giá trị sản phẩm sản xuất bằng phế liệu đạt 17,5 triệu đồng, tăng 3,5 triệu đồng so với năm 1978, với gần 200 mặt hàng mới. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp của thành phố năm 1978 tăng 26,8% so với năm 1976, bình quân hàng năm tăng 13,4%; năm 1979 vượt kế hoạch 1,5% (kế hoạch thấp nhiều so với năm trước). Các chỉ tiêu về sản xuất máy bơm nước, máy tuốt lúa, tàu đánh cá hoàn thành kế hoạch. Các mặt hàng phụ tùng xe đạp, đồ nhựa, hàng giả da, dép gấm, giày vải, thảm len, hàng thêu tăng. Song công nghiệp Hải Phòng vẫn sa sút, giá trị thấp, nhất là tiểu thủ công nghiệp không còn giữ được thế mạnh truyền thống.

Hải Phòng bị chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ tàn phá nặng nề. Trước nhu cầu phát triển, xây dựng cơ bản được Nhà nước và thành phố đầu tư nhiều công sức, tiền của. Năm 1977 - 1978, vốn xây dựng cơ bản là 168,8 triệu đồng, tăng 36,9% so với hai năm 1975 - 1976; năm 1979 chỉ còn 52 triệu đồng, giảm 40% so với năm 1978. Các công trình lớn, trọng điểm được xây dựng như Nhà máy Nước Cầu Nguyệt (đợt I), cầu Rào, cụm điện Đêzen Cửa Cấm, Bệnh viện Nhi, Xí nghiệp Giày vải Tam Quán, Nhà máy Xi măng Minh Đức, Trạm bơm Bát Trang - Quang Trung, đường giao thông - điện - nước ở đảo Cát Bà, mở rộng đường 14, khởi công xây dựng đường vượt sông Cấm ra đảo Đình Vũ. Trong những năm này, thành phố còn tập trung xây dựng các khu nhà ở cao tầng ở Vạn Mỹ, Cầu Tre, Đồng Quốc Bình, Quán Toan... nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu nhà ở của cán bộ, công nhân, viên chức. Hai năm 1977 - 1978, thành phố đã xây dựng được 150.000m²; năm 1979 chỉ xây dựng được 20.000m². Năm 1979, xây dựng cơ bản sa sút do vật tư, tiền vốn gặp khó khăn. Số lao động dôi thừa lớn. Nhiều công trình phải tạm hoãn để thi công phục vụ các công trình quốc phòng. Tuy đã có những cố gắng nhưng công tác xây dựng cơ bản còn bộc lộ nhiều yếu kém: đầu tư còn trải ở diện rộng, thiếu đồng bộ; khảo sát, thiết kế chậm. Một số công trình còn kéo dài trong khâu làm thủ tục và thi công chậm như: Cung Văn hóa Thiếu niên, Nhà Văn hóa Lao động, Bệnh viện Lao, cầu Rào, Xí nghiệp Hóa chất, Xi măng Minh Đức. Quản lý xây dựng yếu kém dẫn đến tình trạng lãng phí, tham ô, mất cắp vật tư diễn ra khá phổ biến.

Đất nước thống nhất, trong tình hình mới, Hải Phòng vẫn là một đầu mối giao thông tổng hợp, có vị trí rất quan trọng đối với cả nước, với miền Bắc. Các hoạt động của cảng biển, của hệ thống đường thủy, đường bộ, đường sắt và đường hàng không ngày càng gia tăng và đòi hỏi rất lớn của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã

hội, quốc phòng - an ninh. Do vậy, ngay từ sau Hiệp định Pari được ký kết, Hải Phòng đã tập trung khôi phục hệ thống giao thông và tăng cường các phương tiện vận tải, nâng cao năng lực hoạt động của cảng... Những năm 1975 - 1980, ngành giao thông vận tải thành phố tiếp tục giữ vị trí hết sức quan trọng cho giải tỏa, vận chuyển hàng hóa, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, yêu cầu của các ngành kinh tế quốc dân và phục vụ quốc phòng.

Thành phố khẩn trương hoàn thành cảng Chùa Vẽ, đảm bảo cho tàu biển Thống Nhất hoạt động có hiệu quả, thông thương Nam - Bắc và góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Sân bay Cát Bi được khôi phục, trước hết chuyên chở hành khách từ Hải Phòng đi Thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại. Hoạt động vận tải thủy của Trung ương và thành phố được tăng cường khá mạnh, tập trung vận chuyển vật liệu, nhiên liệu và lương thực. Các đơn vị ô tô vận tải hàng hóa, vận tải hành khách phát triển chậm, không đáp ứng được yêu cầu. Do vậy, tiêu cực trên lĩnh vực vận tải ngày càng gia tăng, các chỉ tiêu về vận tải đều sa sút, hoạt động kém hiệu quả.

Cảng Hải Phòng là một đơn vị kinh tế trọng điểm của Trung ương xảy ra nhiều khó khăn, phức tạp. Số lượng hàng hóa thông qua cảng các năm đều tăng (năm 1976 là 2,8 triệu tấn, năm 1977 là 3,36 triệu tấn, năm 1978 là 3,42 triệu tấn) nhưng tình trạng ứ đọng hàng hóa tới hàng chục năm, vô chủ và bị mất cắp, đổ vỡ diễn ra ngày càng trầm trọng. Năng lực bốc xếp của công nhân cảng chậm, thời gian giải phóng tàu không bảo đảm quy định. Có những chuyến tàu nằm hàng tháng tại cảng và hàng hóa quý hiếm chỉ trong một đêm bị mất cả kiện. Trong khi đó, số người Hoa, lực lượng bốc vác chính ở cảng, bỏ về nước và tiếp đến là cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc, cảng Hải Phòng luôn trong tình trạng mất trật tự, an ninh. Sau cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc, Hải Phòng luôn đặt trong trạng thái có thể

xảy ra chiến tranh. Cùng với hàng hóa, vật tư, thiết bị quân sự, vũ khí của Liên Xô dồn dập được chuyển về cảng Hải Phòng. Việc đảm bảo cảng Hải Phòng hoạt động tốt, sẽ có ý nghĩa đặc biệt đối với ổn định, phát triển kinh tế - xã hội và cho phòng thủ vững chắc tuyến Đông Bắc của đất nước. Do vậy, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV, tháng 8/1979, chủ trương: củng cố và xây dựng cảng Hải Phòng vững mạnh về mọi mặt và đi vào nền nếp quản lý sản xuất lớn, chính quy hiện đại; bảo đảm được nhiệm vụ bốc xếp khối lượng hàng hóa ngày càng lớn; chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu tốt. Triển khai chủ trương trên, ngày 29/9/1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 51-QĐ/TW về thực hiện quân sự hóa cảng Hải Phòng, với những vấn đề cơ bản sau:

- Ban Bí thư Trung ương giao cho Quân ủy Trung ương cùng Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải gấp rút thực hiện quân sự hóa cảng Hải Phòng; tổ chức và chỉ huy chặt chẽ việc bốc xếp hàng hóa có kỷ luật nghiêm của quân đội, thực hiện bằng được nhiệm vụ bốc xếp hàng hóa được nhanh, nhiều, an toàn, giải phóng tàu nhanh. Kiên quyết trừ bỏ nạn trộm cắp, bảo vệ tốt tài sản nhà nước, trật tự an ninh, cảnh giác ngăn chặn và loại trừ mọi hoạt động phá hoại của địch, xây dựng lực lượng vũ trang ở cảng. Quân ủy Trung ương cử những cán bộ quân sự có năng lực và đơn vị quân đội được lựa chọn để chuyên trách thực hiện nhiệm vụ.

- Cảng Hải Phòng vẫn là một thương cảng, một đơn vị kinh tế quan trọng có ý nghĩa chiến lược của Nhà nước, nay được quân sự hóa nhưng vẫn do Bộ Giao thông vận tải trực tiếp quản lý, cùng với quân đội tổ chức sự thống nhất chỉ huy của một Ban Giám đốc Cảng về mặt bốc xếp, bảo vệ hàng hóa và sẵn sàng chiến đấu.

- Thành ủy và chính quyền thành phố Hải Phòng cần tăng cường chỉ đạo Đảng bộ Cảng, xây dựng Đảng bộ Cảng,

Đoàn Thanh niên và Công đoàn vững mạnh. Thành ủy Hải Phòng cùng với Đảng bộ Quân đội, Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải lo việc tổ chức, xây dựng Đảng bộ Cảng ngay từ ngày đầu để mọi việc đi vào nền nếp và đạt kết quả tốt.

- Bộ Ngoại thương và các bộ chủ hàng, các ngành vận tải có liên quan đến cảng Hải Phòng có trách nhiệm chấn chỉnh tổ chức và hoạt động của ngành tại cảng Hải Phòng theo kế hoạch thống nhất của Bộ Giao thông vận tải, Quân ủy Trung ương và Thành ủy Hải Phòng.

Thực hiện quân sự hóa, 1.600 cán bộ, chiến sĩ được đưa vào cảng, trong đó 4 cán bộ bổ sung vào Ban Giám đốc, Thường vụ Đảng ủy Cảng, 130 sĩ quan vào các phòng, ban, đội sản xuất, 3 tiểu đoàn vào các đội bốc xếp, 1 trung đoàn bốc vác chuyển tải hàng hóa ở cửa Bạch Đằng và 1 tiểu đoàn quân cảnh. Ban lãnh đạo mới của cảng chủ trương “thuần khiết” nội bộ, đã tiến hành rà soát nhân sự, cho thôi việc 117 người và chuyển 235 người khác ra khỏi địa bàn cảng.

Hải Phòng đã có nhiều cố gắng phối hợp với Quân khu ủy Quân khu 3 và Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải triển khai thực hiện Quyết định của Ban Bí thư. Ban Thường vụ Thành ủy phân công một đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách, thường xuyên nắm sát tình hình hằng ngày của cảng, hằng tháng tiến hành sơ kết và báo cáo thường xuyên với Ban Bí thư. Thành ủy Hải Phòng ra các nghị quyết số 07, số 19 về tăng cường sự lãnh đạo, góp phần tích cực vào việc chấn chỉnh, quản lý cảng, phát động các đoàn thể, ban, ngành thành phố phối hợp cùng cán bộ, công nhân cảng tháo gỡ khó khăn.

Quân sự hóa cảng với các mục đích tăng cường lực lượng vũ trang để tiếp nhận hàng hóa quân sự, sẵn sàng chiến đấu nhưng vẫn đảm bảo về mặt hoạt động kinh tế là vấn đề rất khó khăn. Do vậy, giải pháp tình thế bằng việc quân sự hóa cảng là không phù

hợp với phương pháp quản lý của một đơn vị kinh tế đặc biệt. Đây là một doanh nghiệp lớn thuộc ngành kinh tế - kỹ thuật hàng hải. Cán bộ lãnh đạo, quản lý và lực lượng công nhân phải có kiến thức, kinh nghiệm về chuyên ngành. Sĩ quan quân đội không thể có đủ kiến thức điều hành hoạt động, hạch toán kinh tế của cảng. Trong khi đó, nhiều công nhân giàu kinh nghiệm, có nghiệp vụ không được tham gia làm việc. Trước tình hình đời sống khó khăn, thiếu đói và hàng hóa ngổn ngang, không ai quản lý nên tình trạng đổ vỡ, rơi vãi, nhầm lẫn, mất cắp hàng hóa vật tư diễn ra càng trầm trọng hơn. Số lượng hàng hóa ứ đọng tăng nhanh. Thời gian giải phóng tàu vẫn kéo dài hàng tháng. Những yêu cầu đặt ra của Ban Bí thư như giải phóng tàu nhanh, kiên quyết loại bỏ nạn trộm cắp hàng hóa không thực hiện được. Chỉ tính từ khi quân sự hóa cảng từ cuối năm 1979 đến giữa năm 1980, ở cảng đã xảy ra 283 vụ, trong đó công nhân cảng gây ra 50% số vụ; có 3 vụ lớn mất 63 kiện bông tơ, 680kg thuốc kháng sinh, 2 vụ cháy 82 tấn bông, trên 6.000 kiện hàng bị đổ vỡ. Năm 1979, sản lượng hàng hóa qua cảng là 3 triệu tấn, giảm 400 nghìn tấn so với năm 1978. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng họp, đánh giá việc quân sự hóa cảng là không phù hợp và đề nghị Ban Bí thư Trung ương Đảng xem xét bỏ quyết định hoặc sửa đổi nội dung nhằm đảm bảo cho cảng hoạt động đúng chức năng của xí nghiệp cảng.

Những năm 1977 - 1979, hoạt động thương nghiệp, phân phối, lưu thông và tiêu cực xã hội diễn biến phức tạp. Sản xuất sa sút, lương thực, hàng hóa khan hiếm, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Ở ngoại thành, diện đói lan rộng. Ở nội thành, thành phố nợ lương công nhân, viên chức, nhân dân về lương thực, thực phẩm từ 2 đến 3 tháng. Tình trạng phổ biến là các nhà máy, xí nghiệp nợ lương công nhân tới 3 tháng, thậm chí có đơn vị nợ tới 4 - 5 tháng. Thành ủy, Ủy ban hành chính thành

phố thường xuyên phải họp bàn, chỉ đạo, coi giải quyết lương thực là vấn đề cấp bách hàng đầu. Thành phố dành khoản kinh phí, hàng hóa khá lớn để vào miền Nam và các địa phương miền núi để mua, đổi lương thực. Lương thực, hàng hóa khan hiếm, giá cả thị trường tăng vọt, lạm phát ngày càng lớn, tới ba con số. Các ngành thương nghiệp, lương thực, thực phẩm đã có nhiều cố gắng tổ chức các đoàn xe, tàu thủy khai thác lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, cải tiến khâu phân phối, tăng điểm bán hàng. Nhưng do công tác quản lý thu mua chưa tốt, lực lượng hàng hóa mỏng và do cơ chế nhiều giá dẫn đến nạn tham ô, móc ngoặc, cửa quyền diễn ra ngày càng trầm trọng hơn. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp kìm hãm sản xuất. Từ chiếc kim, cuộn chỉ, bao thuốc lá, hộp thuốc đánh răng, dao cạo râu, mớ rau muống, cây cải, củ xu hào, đến mét vải, tấm lốp xe đạp, cốc bia... đều nằm trong mặt hàng định lượng phân phối, cung cấp. Điều đó dẫn đến tình trạng cửa quyền, tuần hàng cho “gian thương” ăn chênh lệch giá diễn ra phổ biến, không thể kiểm soát nổi. Căn cứ vào chủ trương trên, lãnh đạo Hải Phòng tích cực, kiên trì thực hiện việc cải tạo tiểu thương, sắp xếp lại thị trường và hệ thống thương nghiệp nhằm bình ổn giá cả, lập lại trật tự trên lĩnh vực lưu thông, phân phối. Những người buôn bán nhỏ được tập trung vào các hợp tác xã. Các cửa hàng, cửa hiệu buôn bán vỉa hè bị dẹp bỏ càng làm cho tình trạng khan hiếm lương thực, hàng hóa tăng, bổ sung ngày càng đông cho đội quân không có việc làm, điều đó càng tạo thêm gánh nặng cho xã hội. Nạn trộm cắp, cướp giật, trấn lột gia tăng làm dân chúng hoang mang, bất ổn. Cả thành phố lo cái ăn, cái mặc. Các cơ quan, đoàn thể, nhà máy, xí nghiệp, nhà trường, bệnh viện ra ngoài thành mượn đất của nông dân để tăng gia cấy lúa, trồng khoai nhưng hiệu quả kinh tế thấp.

Sản xuất sa sút và những bất hợp lý trong cơ chế quản lý, tiêu cực nảy sinh đã tác động mạnh đến việc thu chi ngân sách, quản lý tài chính. Thành phố luôn trong tình trạng mất cân đối thu chi nghiêm trọng, tốc độ tích lũy chậm. Các khoản chi bù lỗ lớn tập trung vào lương thực, thực phẩm, cho các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp. Thu ngân sách liên tục giảm, năm 1979 giảm 12 triệu đồng (lương công nhân, viên chức là 36 đồng). Năm 1979, thành phố bội chi ngân sách 9,6 triệu đồng, bội chi tiền mặt 50 triệu đồng, tăng 6 triệu đồng so với năm 1978 và 17 triệu đồng so với năm 1977. Hằng năm, ngân sách phải chi bù lỗ 10 triệu đồng cho cơ sở quốc doanh. Dư nợ tín dụng tăng 24 triệu đồng trong nông nghiệp và 26 triệu đồng trong nghề cá. Nạn khan hiếm tiền mặt diễn ra thường xuyên ảnh hưởng nhiều đến sản xuất và đời sống của công nhân, viên chức. Hệ thống tài chính, thuế, tín dụng chậm được củng cố, kiện toàn, làm cho hoạt động tài chính kém hiệu quả. Chế độ duyệt giá, quy định giá cho sản phẩm làm cản trở nhiều đến sản xuất, gây thiệt hại cho công quỹ, cho đời sống người lao động. Thành phố đã đề ra nhiều biện pháp giảm chi, bù lỗ, giảm chi lượng tiền mặt, tổ chức nhiều điểm thu mua và bán hàng nông sản ngoài nghĩa vụ để giảm áp lực thiếu lương thực, thực phẩm và để thu tiền mặt.

Khủng hoảng kinh tế - xã hội đã tác động sâu sắc đến tất cả mọi lĩnh vực, trong đó ảnh hưởng lớn đến hoạt động, chất lượng của giáo dục, y tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng. Trong những năm này, ngành giáo dục Hải Phòng đứng trước những khó khăn, thử thách rất lớn. Cơ sở vật chất trường lớp xuống cấp và thiếu nghiêm trọng. Tình trạng học sinh phải học 3 ca diễn ra phổ biến ở cả nội và ngoại thành. Những năm 1975 - 1980, ngành giáo dục có phong trào “ngồi hóa” trường học ở xã. Các địa phương đã huy động nhân dân tích cực tham gia xây dựng mở mang trường lớp nhằm giải quyết nạn học 3 ca. Dẫn đầu phong trào này là huyện

Vĩnh Bảo. Ngành giáo dục còn tập trung mở rộng mô hình trường phổ thông cấp III vừa học, vừa làm ở ngoại thành, các lớp vừa học nghề, vừa học văn hóa ở nội thành. Năm 1978, thành phố chỉ đạo phân đấu đưa 7% số cháu trong độ tuổi đến nhà trẻ, mẫu giáo. Phân đấu đạt được chỉ tiêu đó, các khu phố, các đơn vị, xí nghiệp ở nội thành dành những địa điểm tốt để mở nhà trẻ, mẫu giáo. Ở ngoại thành, thành phố hỗ trợ kinh phí để xây dựng. Năm học 1978 - 1979, trên 50% số cháu trong độ tuổi vào mẫu giáo, 52% số cháu vào các nhóm trẻ. Năm học 1979 - 1980, hệ mẫu giáo ở ngoại thành nâng lên 80%, khá hơn nội thành và 100% số hợp tác xã nông nghiệp có nhóm trẻ. Số các cháu đến nhà trẻ ở ngoại thành tăng, trong khi đó ở nội thành giảm 58.000 cháu. Nguyên nhân chính là các hợp tác xã nông nghiệp duy trì tốt việc trợ cấp lương thực cho cô trò ở các nhà trẻ. Trường mẫu giáo xã Phục Lễ (Thủy Nguyên) được Bộ Giáo dục công nhận là điển hình tiên tiến của cả nước.

Dù khó khăn lớn về kinh tế - xã hội, nhiều thầy, cô giáo bỏ nghề, số học sinh bỏ học cũng tăng nhanh nhưng phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt” vẫn phát triển, thu được kết quả nhất định. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp có tiến bộ. Năm học 1978 - 1979, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cấp II, cấp III toàn thành phố đạt 92 - 94%. Năm học 1979 - 1980, số học sinh tốt nghiệp cấp III đạt 74,25%. Các huyện Cát Hải, Tiên Lãng, khu phố Ngô Quyền, Lê Chân đạt 90 - 94%. Riêng huyện Vĩnh Bảo, số học sinh tốt nghiệp chỉ đạt 48%. Huyện Thủy Nguyên dẫn đầu về khối các trường vừa học, vừa làm.

Năm 1978, Ban Giáo dục chuyên nghiệp được thành lập, góp phần tích cực đẩy mạnh hoạt động giáo dục chuyên nghiệp. Năm 1978, Trường Sư phạm 10 + 3 được nâng thành Cao đẳng Sư phạm. Trường Sư phạm cấp I được đào tạo hệ 10 + 2. Thành phố chỉ đạo nâng cấp các trường nghiệp vụ: Trường Nghiệp vụ

văn hóa - thông tin chuyển thành Trường Văn hóa - Nghệ thuật (đầu năm 1980), Trường Bỏ túc ngoại ngữ chuyển thành Trường Ngoại ngữ tại chức (đầu năm 1980). Hải Phòng có Trường Đại học Giao thông thủy thuộc Bộ Giao thông vận tải. Năm 1976, Nhà nước quyết định mở thêm Trường Đại học Hàng hải Việt Nam; Trường Đại học Thủy sản chuyển vào Nha Trang (Khánh Hòa). Hệ thống các trường dạy nghề của thành phố do Sở Công nghiệp, các nhà máy, xí nghiệp lớn quản lý, vẫn được duy trì, tuy còn khó khăn, cũng đã cung cấp được lực lượng lao động có tay nghề qua đào tạo.

Hải Phòng có nhiều thành tích về công tác y tế, chăm sóc bà mẹ và trẻ em. Thành phố có nhiều chủ trương và đầu tư xây dựng mạng lưới y tế các tuyến, tăng cường cơ sở vật chất cho các bệnh viện, trạm y tế, phòng khám. Trên cơ sở khoa nhi, khoa phụ sản của Bệnh viện Hữu nghị Việt - Tiệp, thành phố tiến hành thành lập Bệnh viện Nhi (năm 1977) và Bệnh viện Phụ sản (năm 1978). Các Bệnh viện Hữu nghị Việt - Tiệp, Tâm thần, Y học dân tộc, Lao, Trung tâm Vệ sinh phòng dịch hoạt động có hiệu quả. Song trước những khó khăn chung của đất nước, thành phố, việc khám, chữa bệnh còn nhiều hạn chế. Thuốc thiếu, số giường không đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh. Trong điều kiện khó khăn của tình hình kinh tế - xã hội, ngành y tế Hải Phòng đã có rất nhiều cố gắng khám, chữa bệnh cho nhân dân. Tuy nhiên, các mặt chăm sóc sức khỏe ban đầu chưa được coi trọng. Công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em, vận động sinh đẻ có kế hoạch có tiến bộ hơn, tỷ lệ phát triển dân số giảm còn 1,9% (năm 1979).

Trong tình hình mới, trước yêu cầu lâu dài của công tác đào tạo cán bộ y tế có trình độ đại học, Sở Y tế, Bệnh viện Hữu nghị Việt - Tiệp đề nghị thành phố và Bộ Y tế, từ năm 1977, Trường Đại học Y Hà Nội đưa sinh viên năm thứ tư về học tập và thi tốt nghiệp tại Hải Phòng. Năm 1979, năm học thứ nhất được chiêu

sinh và năm 1980, khóa sinh viên đầu tiên làm lễ tốt nghiệp tại Hải Phòng. Cơ sở thực tập của sinh viên là các Bệnh viện Phụ sản, Trẻ em, Y học dân tộc, Lao, Tâm thần, Trung tâm phòng dịch, tập trung nhất vẫn là Bệnh viện Hữu nghị Việt - Tiệp. Những hoạt động ban đầu của phân hiệu Đại học Y khoa Hà Nội tại Hải Phòng đặt nền móng cho việc hình thành Đại học Y khoa Hải Phòng sau này.

Lĩnh vực văn hóa - thông tin, báo chí, phát thanh - truyền hình có nhiều chuyển biến rõ rệt, góp phần tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, nghị quyết của Đảng, của Thành ủy, cổ vũ phong trào thi đua lao động, học tập và công tác, nêu cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Ngành văn hóa đã chỉ đạo phát triển hệ thống thư viện, nhà văn hóa, bảo tàng, nhà trưng bày - truyền thống. Phong trào văn hóa - văn nghệ quần chúng diễn ra tương đối tốt. Các huyện Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo có nhiều đội văn nghệ quần chúng xuất sắc. Những năm này, các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp của Hải Phòng như kịch nói, ca múa, cải lương, chèo, múa rối có nhiều vở diễn hay, có tiếng vang cả nước. Đoàn kịch nói Hải Phòng được xếp là một trong những đội kịch nói tiêu biểu của quốc gia. Các đoàn nghệ thuật đã chú trọng tới việc phục vụ bà con vùng sâu, vùng xa và các chiến sĩ ngoài hải đảo. Phong trào thể dục, thể thao được đẩy mạnh. Các môn bơi lội, điền kinh, bóng đá, bóng chuyền, thể thao quốc phòng đều giữ được hoạt động. Thủy Nguyên là một trong những huyện điển hình tiên tiến về thể dục, thể thao toàn quốc. Nhìn chung, phong trào thể dục, thể thao chưa đều, một số môn có thể mạnh nhưng đạt thành tích thấp.

Các đơn vị: Báo Hải Phòng, Tạp chí Cửa Biển, Đài Phát thanh - Truyền hình đã có những đóng góp hiệu quả trong việc tuyên truyền đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước, bảo

vệ Tổ quốc. Đài Phát thanh - Truyền hình mở rộng mạng lưới loa phát thanh đến các làng xã, đến phần lớn các gia đình, chủ yếu tiếp âm Đài Tiếng nói Việt Nam, tiếp hình Đài Truyền hình Việt Nam. Thời lượng phát thanh, truyền hình địa phương còn hạn hẹp song đó là những bước đi ban đầu có hiệu quả.

Sau ngày thống nhất đất nước, mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc diễn biến theo chiều hướng tiêu cực. Hải Phòng có cộng đồng người Hoa sinh sống từ lâu, tính đến cuối năm 1977 là 34.000 người, có Lãnh sự quán và đại diện Thương mại, Hàng hải Trung Quốc. Người Hoa là lực lượng bốc vác chủ yếu ở cảng, thợ lành nghề ở nhiều nhà máy, xí nghiệp, đánh cá và chế biến thực phẩm. Người Hoa có mối quan hệ về kinh tế, chính trị - xã hội bền chặt với nhân dân Hải Phòng. Nhiều người đã sát cánh cùng nhân dân Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ xâm lược và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ cuối năm 1977, nội bộ cộng đồng người Hoa ở Việt Nam có những diễn biến phức tạp. Công an thành phố đã phát hiện kẻ xấu xúi giục người Hoa gây rối. Một số học sinh người Hoa viết bài cho báo (báo *Bạn Dân*) có nội dung kích động hận thù, chia rẽ tình đoàn kết Hoa - Việt.

Cũng trong thời gian này ở biên giới Tây Nam, tập đoàn cầm quyền ở Campuchia, do Pôn Pốt đứng đầu, công khai phát động chiến tranh, mở nhiều cuộc đánh sâu vào lãnh thổ nước ta, gây nhiều tội ác man rợ. Ở biên giới phía Bắc, Trung Quốc ngày càng gia tăng hoạt động vũ trang lấn chiếm đất đai, tung người vào sâu nội địa hoạt động gián điệp, xúi giục người Hoa trở về nước. Dịp tiết Thanh minh năm 1978, hàng nghìn người Hoa theo đường bộ kéo ra Móng Cái (Quảng Ninh), Lạng Sơn để về Trung Quốc. Ở Cát Bà, người Hoa bỏ lại nhà cửa, thuyền, ngư cụ. Trong một thời gian ngắn, đã có 28.567 người Hoa theo đường bộ, đường biển về Trung Quốc và đi các nước khác.

Chiến dịch xúi giục người Hoa ra đi, mà phía Trung Quốc gọi là “nạn kiều”, ngày càng diễn biến phức tạp, trên quy mô cả nước. Lãnh sự quán, chuyên gia, đại diện Thương mại của Trung Quốc rút khỏi Hải Phòng. Chủ động đối phó với tình hình trên, Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng đã chỉ thị cho các cấp, các ngành tổ chức tuyên truyền, giải thích sâu rộng và thường xuyên để người Hoa hiểu rõ Việt Nam luôn tăng cường đoàn kết với Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, luôn quý trọng mối tình hữu nghị với Trung Quốc và Campuchia. Việt Nam kiên quyết bảo vệ lãnh thổ và chủ quyền của mình. Thành phố Hải Phòng tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân, viên chức người Hoa về thăm Trung Quốc, giải quyết chế độ thôi việc cho những người về hẳn. Những người Hoa về Trung Quốc hoặc ra đi các nước khác được mang theo tài sản cá nhân, trừ những thứ hải quan quy định cấm. Các cơ quan: Ban Tuyên huấn Thành ủy, báo chí, phát thanh - truyền hình, văn hóa - thông tin, Công an thành phố... tổ chức tuyên truyền giáo dục, trấn áp những kẻ hoạt động tuyên truyền xuyên tạc. Thành phố phân công cán bộ, đảng viên, trong đó có một số cán bộ, đảng viên là người Hoa, trực tiếp vận động, tỏa xuống các địa bàn giúp đỡ từng gia đình, từng người Hoa (hộ kèm hộ, người kèm người) ra đi có trật tự, tạo ấn tượng, tình cảm tốt đẹp của Việt Nam đối với họ. Các cấp ủy đảng, khu phố, nhà máy, xí nghiệp, cơ quan, công sở rà soát những cán bộ, nhân viên người Hoa để đảm bảo quyền lợi cho những đảng viên có quan điểm đúng đắn và những công nhân, viên chức có trình độ kỹ thuật, tay nghề cao không muốn trở về Trung Quốc. Thành phố tổ chức đưa 500 bà con người Hoa từ đảo Bạch Long Vĩ về Cát Bà để đảm bảo đời sống cho đến khi họ ra đi.

Ngày 02/6/1978, Trung Quốc đơn phương tuyên bố đưa tàu Vinh Hoa và Trường Lực đến cảng Hải Phòng để đưa người Hoa

về nước. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, Hải Phòng chỉ đạo các ngành quân sự, công an khẩn trương chuẩn bị cảng Chùa Vẽ, tổ chức nơi đón tiếp người Hoa ở Quán Toan từ các địa phương về. Nhiều người Hoa đã sang Trung Quốc nhưng có mong muốn trở lại Việt Nam, thành phố đã chủ trương tiến hành lập các trạm ở Thủy Nguyên, An Hải để đón tiếp họ.

Do có sự chủ động và các phương án được xây dựng chu đáo, Hải Phòng đã làm tốt việc tuyên truyền vạch trần những mưu đồ của kẻ xấu, ngăn chặn được những vụ bạo loạn có thể xảy ra. Người Hoa ô ạt ra đi đã gây nhiều khó khăn cho sản xuất, nhất là ở cảng, các xí nghiệp cơ khí và đánh cá. Do vậy, thành phố phải vừa giải quyết việc người Hoa di cư vừa tập trung vận động nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới ở các tỉnh Quảng Ninh, Hà Tuyên và đảo Cát Bà. Ngoài việc điều động người ra Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Hải Phòng cũng điều lao động, dân cư ra Quảng Ninh để góp phần chuẩn bị chiến đấu chống chiến tranh xâm lược. Chỉ riêng 12 ngày của tháng 6/1978, thành phố đã bố trí phương tiện đưa 12.000 người đi xây dựng vùng kinh tế mới ở Quảng Ninh. Nhằm sớm ổn định sản xuất, đời sống nhân dân và tăng cường công tác an ninh - quốc phòng vùng biển, hải đảo, thành phố chỉ đạo chuyển một số cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã đánh cá, làm muối từ đất liền ra huyện đảo Cát Hải. Các hợp tác xã Cao Minh, Gia Lộc (Cát Hải) được chuyển ra thị trấn Cát Bà. Xí nghiệp quốc doanh đánh cá, Nước mắm Cầu Niệm, cơ quan Chi cục muối trong đất liền cũng chuyển ra Cát Hải. Tính đến đầu năm 1979, hơn 30.000 người ở huyện An Thụy, Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên, An Hải được đưa ra các huyện Hà Cối, Tiên Yên, Móng Cái (Quảng Ninh) và đảo Cát Bà.

Tình hình biên giới phía Bắc ngày càng diễn biến phức tạp, chiến tranh có thể nổ ra bất cứ lúc nào. Để chủ động, được sự chỉ đạo của trên, thành phố thành lập Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất.

Ngày 15/8/1978, Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định thành lập Hội đồng phòng không thành phố, do Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố làm Chủ nhiệm, 2 Phó Chủ tịch làm Phó Chủ nhiệm, Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh 350 làm Phó Chủ nhiệm kiêm Tham mưu trưởng. Ủy viên gồm các Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Công an, các giám đốc Sở Bưu điện, Sở Y tế, Sở Văn hóa - Thông tin, Đài Phát thanh. Hội đồng gồm 8 tiểu ban: bố trí sản xuất, sơ tán nhân dân, làm hầm hố, giải quyết hậu quả; bảo đảm giao thông vận tải; tham mưu; thông tin liên lạc; trật tự trị an - phòng cháy, chữa cháy; cấp cứu, tải thương, văn hóa - thông tin, tuyên truyền, thông báo, báo động. Các huyện, thị xã, khu phố, nhà máy, xí nghiệp, xã, tiểu khu, cơ quan công - nông - lâm trường và trường học cũng thành lập Ban Chỉ huy phòng không. Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất thành phố, do Bí thư Thành ủy, làm Chính ủy. Ngày 09/01/1979, Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất tổ chức hội nghị và ra Nghị quyết nêu rõ: “Trước tình hình mới, quân và dân thành phố càng phải luôn luôn mài sắc cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu, phòng ngừa địch liều lĩnh dùng tàu thuyền tấn công vào vùng biển, tập kích vào hải đảo hoặc dùng không quân tập kích vào thành phố”.

Cùng với chiến dịch lôi kéo người Hoa, Trung Quốc tiến hành cắt viện trợ, rút chuyên gia, cho quân đội áp sát biên giới. Sự sụp đổ của tập đoàn cầm quyền do Pôn Pốt đứng đầu ở Campuchia (tháng 01/1979) là một thất bại nghiêm trọng đối với những người cầm quyền ở Bắc Kinh. Ngày 17/02/1979, gần 60 vạn quân, hơn 500 xe tăng, xe bọc thép và hàng trăm khẩu pháo các loại của Trung Quốc đồng loạt tiến công nước ta trên toàn tuyến biên giới phía Bắc dài 1.400km, từ Quảng Ninh đến Lai Châu. Đây là một cuộc chiến tranh có quy mô lớn và đã được chuẩn bị từ trước. Ngày 19/02, Ban Thường vụ Thành ủy ra Chỉ thị số 27-CT/TU về tăng cường công tác lãnh đạo sẵn sàng chiến đấu bảo vệ

Tổ quốc. Các cấp, các ngành, cơ quan đẩy mạnh tuyên truyền làm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận thức rõ tình hình, nhiệm vụ, động viên mọi người hăng hái đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu cao và phục vụ chiến đấu tốt. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 350 thành lập các tiểu đoàn bộ đội địa phương ở các huyện An Hải (ngày 23/02), Tiên Lãng (ngày 04/3), Tiểu đoàn Hùng Thắng 3 (Tiên Lãng, ngày 06/3), Trung đoàn pháo binh 748 (ngày 14/3), Trung đoàn 2 công trình (ngày 19/3)...

Ngày 05/3/1979, Chủ tịch nước công bố lệnh Tổng động viên trong cả nước. Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và lệnh Tổng động viên, hàng trăm thanh niên Hải Phòng lên đường nhập ngũ, tái ngũ trở lại quân đội, tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Hai tiểu đoàn quân dự bị động viên của huyện An Hải, Hùng Thắng 3 được chi viện cho Quảng Ninh và Tiểu đoàn 511 thuộc Trung đoàn 151 tăng cường cho Bắc Kạn. Quân dân Hải Phòng hướng ra biên giới, sẵn sàng chiến đấu, tích cực lao động sản xuất, công tác. Hải Phòng trở thành một trong những mục tiêu quan trọng có thể xảy ra cuộc chiến tranh đường không và đường biển.

Nhân dân Hải Phòng cùng cả nước hướng về các tỉnh biên giới, sẵn sàng chi viện sức người, sức của, khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống, giữ vững an ninh, tăng cường sức mạnh chiến đấu. Hội đồng nhân dân thành phố ra nghị quyết về mở cuộc vận động giúp đỡ đồng bào các tỉnh biên giới phía Bắc. Đông đảo nhân dân, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, cơ quan, trường học, hợp tác xã... đã đóng góp nhiều tiền, hàng hóa, vật liệu, con giống cho đồng bào các tỉnh biên giới để sớm ổn định sản xuất, đời sống. Ban vận động xây dựng vùng kinh tế mới thành phố cùng chính quyền các huyện tiếp tục thực hiện đưa lao động đi Quảng Ninh. Các đợt tuyển quân trong năm 1979, Hải Phòng giao đạt 107%. Số tái ngũ, công nhân kỹ thuật

nhập ngũ chiếm tỷ lệ cao. Bộ đội địa phương năm 1979 tăng 4,5 lần, cán bộ chỉ huy tăng 3,4 lần so với năm 1978. Dân quân tự vệ là 18.344 người, chiếm 19,2% dân số. Trong đó, lực lượng tự vệ mặt nước là 7.647 người, được tổ chức thành 1 hải đoàn, 1 giang đoàn, 4 tiểu đoàn, 40 hải đội. Tỷ lệ đảng viên, đoàn viên trong dân quân tự vệ tăng. Một số nhà máy, xí nghiệp xây dựng đơn vị quy mô lữ đoàn, trung đoàn tự vệ. Số người được trang bị vũ khí tăng 73% so với trước.

Đất nước và thành phố sau khi cuộc tiến công quân sự vào các tỉnh biên giới Việt Nam của Trung Quốc kết thúc vẫn còn trong tình trạng vừa hòa bình, vừa có thể lại xảy ra chiến tranh. Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng tiếp tục tổ chức sơ tán người và vật tư, hàng hóa ra ngoại thành. Những người già cả, tàn tật, trẻ em, học sinh cấp I, II, những người không thể tham gia chiến đấu, 20 - 30% số cán bộ, công nhân, viên chức sẵn sàng khi có lệnh là có thể di chuyển được ngay. Thành phố đã hai lần tổ chức diễn tập sơ chỉ huy, cơ quan 3 cấp, 8 cụm trọng điểm trên hệ thống phòng thủ 1, hiệp đồng tác chiến giữa các quân chủng, binh chủng trên địa bàn. Hơn một vạn lao động đã tham gia xây dựng các tuyến phòng thủ, trồng tre, xây dựng làng chiến đấu, hầm chỉ huy, đài quan sát. Chế độ trực chỉ huy, trực chiến đấu, tuần tra canh gác, giữ vững chế độ thông tin, thông báo địch tình được duy trì đều đặn.

Công tác an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được triển khai khá chặt chẽ. Công an thành phố tăng cường lực lượng chống các hoạt động tình báo, gián điệp, gây rối, kiên quyết đấu tranh xử lý những vụ việc tiêu cực trong kinh tế - xã hội và có kế hoạch bảo vệ chu đáo các trọng điểm kinh tế, quốc phòng. Hiện tượng tiêu cực ngày càng phát triển và diễn biến phức tạp. Công an thành phố chủ động thực hiện Kế hoạch 778 đối phó với những âm mưu, thủ đoạn của phản động nước ngoài. Triển khai nhiều

phương án làm trong sạch địa bàn, chủ động đối sách với các đối tượng và bọn phản cách mạng và loại trừ khả năng gây rối; gây bạo loạn ở các địa bàn xung yếu. Những năm 1977 - 1978, các thế lực phản động ráo riết hoạt động tuyên truyền lôi kéo người trốn đi nước ngoài, Công an thành phố đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai bắt giữ nhiều vụ trốn đi nước ngoài và bọn lừa đảo. Trong những năm này, tình trạng trộm cắp lan tràn, nhất là ở cảng và Nhà máy Xi măng. Công an thành phố tham gia Ban Chỉ đạo 79 của thành phố, đấu tranh chống ăn cắp, hối lộ, úc hiếp quần chúng. Kết quả, Ban Chỉ đạo 79 đã phát hiện, xử lý 1.528 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và công dân. Năm 1979, có 665 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, 4.892 vụ xâm phạm tài sản và tính mạng của nhân dân, số vụ trọng án giảm 30%. Đáng chú ý là các tội phạm phần lớn ở lứa tuổi vị thành niên, riêng công nhân, viên chức, bộ đội chiếm 25% (chủ yếu ở cảng).

Nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố đã tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức đảng, chính quyền các cấp, nhất là cấp huyện và cơ sở, từng bước phân cấp quản lý cho huyện. Hai huyện An Thụy và Cát Hải, huyện điểm về phát triển kinh tế - xã hội, được kiện toàn bộ máy lãnh đạo, quản lý. Từ đầu năm 1978, thành phố thí điểm tiến hành việc mở rộng quy mô tổ chức các tiểu khu và tăng cường cán bộ cho các tiểu khu thuộc các khu phố Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền. Năm 1979, sau bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, khu phố, xã và bầu bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, bộ máy chính quyền các cấp cơ bản đã được kiện toàn. Thành phố đã đề bạt 137 giám đốc, phó giám đốc sở, bí thư huyện ủy, đảng ủy khu phố, chủ tịch huyện, giám đốc công ty, xí nghiệp. Có 72 ban, ngành của thành phố và 27 đơn vị cơ sở được kiện toàn, số còn lại tiếp tục được củng cố vào đầu năm 1980. Thành phố chỉ

đạo tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, phát huy hiệu lực chỉ đạo của chính quyền và vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của quần chúng. Các ngành, các cơ quan, đơn vị cấp thành phố, cấp huyện xây dựng điều lệ quản lý và quy chế hoạt động. Các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan làm công tác chính trị, tư tưởng chú trọng tuyên truyền pháp luật. Thành phố mở cuộc vận động toàn dân tích cực tham gia đóng góp vào dự thảo Hiến pháp mới.

Tình hình đất nước và thành phố lúc này còn nhiều khó khăn, chính quyền các cấp, nhất là ở cơ sở, chưa đảm đương tốt chức năng, nhiệm vụ. Chế độ trách nhiệm, chế độ thủ trưởng chưa được thực hiện nghiêm. Bộ máy chính quyền vẫn chồng chéo, kém hiệu lực. Quyền làm chủ tập thể của nhân dân chưa được phát huy, vẫn còn hiện tượng bị vi phạm nghiêm trọng. Việc giải quyết đơn, thư khiếu tố chậm. Bệnh quan liêu, hành chính, gây phiền hà, ức hiếp quần chúng còn khá phổ biến. Hoạt động của hội đồng nhân dân còn mang nặng tính hình thức. Trong 2 năm 1979 - 1980, thành phố tăng cường 366 cán bộ, đảng viên ở các ban, ngành, đoàn thể xuống huyện, thị xã, khu phố, tiểu khu nhưng kết quả thu được còn hạn chế.

Đi đôi với củng cố, xây dựng chính quyền, công tác vận động quần chúng được các cấp ủy đảng quan tâm. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn, Hội Nông dân tập thể đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về vai trò làm chủ của quần chúng, giáo dục đoàn viên, hội viên khắc phục khó khăn, chống mọi biểu hiện tiêu cực trong sản xuất, đời sống; tăng cường kỷ luật lao động, ý thức trách nhiệm, bảo vệ của công. Hệ thống tổ chức của các đoàn thể được kiện toàn, đẩy mạnh bồi dưỡng cán bộ, cải tiến lề lối làm việc, chuyển hướng hoạt động về cơ sở, vận động quần chúng đẩy mạnh sản xuất, công tác. Phong trào thi đua của quần chúng được duy trì và có

chuyển biến tốt, tiêu biểu là các phong trào khai hoang, lấn biển, làm thủy lợi, di xây dựng kinh tế mới, phát huy sáng kiến, tận dụng phế liệu, phế phẩm để sản xuất thêm các mặt hàng tiêu dùng, xây dựng công sự chiến đấu và phòng tránh, xung kích làm chủ tập thể, v.v..

Phong trào “*Cánh đồng công - nông có năng suất cao*” (năm 1979) đã gắn hoạt động của công nhân, viên chức với hợp tác xã nông nghiệp. Ngành công nghiệp đã giúp đỡ huyện và các hợp tác xã xây dựng 8 điểm cơ khí, trang bị và sửa chữa gần 100 máy móc, thiết bị, đào tạo công nhân, vận chuyển phân bón cho hợp tác xã. Chị em phụ nữ có phong trào “*Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”, “*Cấy đúng kỹ thuật, kịp thời vụ*”, đề ra kế hoạch phát triển chăn lợn, thanh toán các hộ trắng chuồng, tương trợ nhau về vốn và giống. Phong trào giành danh hiệu chăn nuôi cấp kiện tướng của phụ nữ phát triển sôi nổi. Trên 1 vạn gia đình hội viên nuôi thêm một con lợn, giảm tỷ lệ trắng chuồng từ 34% (năm 1979) xuống 14% (tháng 6/1980). Phong trào gửi tiền tiết kiệm “*Vì tương lai con em chúng ta*”, do phụ nữ phát động, đạt được hơn 20 triệu đồng trong 6 tháng đầu năm 1980. Đoàn Thanh niên có phong trào thi đua lao động sáng tạo, tình nguyện vượt mức kế hoạch nhà nước. Thanh niên nông thôn, trường học, cơ quan, đường phố, xí nghiệp đều có những phong trào hành động phù hợp với lĩnh vực công tác, nghề nghiệp. Liên hiệp Công đoàn thành phố phối hợp cùng với Đoàn Thanh niên phát động phong trào thi đua trong công nhân, hướng vào phục vụ nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, tổ chức kết nghĩa giữa xí nghiệp với hợp tác xã nông nghiệp, vận động công nhân, viên chức tăng gia tự cải thiện. Phong trào phát huy sáng kiến, áp dụng sáng kiến hướng vào giải quyết những khó khăn vật tư, nguyên nhiên liệu. Thanh niên trong ngành tiểu thủ công nghiệp đẩy mạnh sản xuất thêm hàng tiêu dùng. Thanh niên ở cảng có phong trào nâng cao năng

suất bốc xếp, tăng cường kỷ luật lao động, chống tiêu cực. Thanh niên nông thôn có phong trào phấn đấu 1 triệu tấn phân phục vụ nông nghiệp. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, của Đoàn, trong 12 ngày đầu năm 1979, 20.000 thanh niên các huyện tình nguyện đi xây dựng kinh tế mới, xây dựng tuyến phòng thủ ở biên giới phía Bắc. Đoàn Thanh niên thành phố tổ chức nhiều đợt, nhiều đội ca khúc chính trị lên các chốt biên giới phục vụ bộ đội. Phong trào thi đua trong cán bộ, công nhân, viên chức, thanh niên, trí thức, học sinh... diễn ra sôi nổi, rộng khắp nhưng chưa liên tục, hiệu quả chưa cao. Việc xây dựng nếp sống mới, gia đình văn hóa mới, nhất là công tác giáo dục thanh, thiếu nhi còn yếu. Nhiều nơi chưa coi trọng đúng mức công tác vận động quần chúng.

Công tác xây dựng Đảng đã thực hiện tốt phương hướng nhiệm vụ mà Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VI, lần thứ VII đề ra. Các phương châm xây dựng Đảng được vận dụng vào hoạt động thực tiễn nhằm không ngừng xây dựng Đảng mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Các cấp ủy đảng tập trung chỉ đạo mở các đợt sinh hoạt chính trị, nhất là các đợt tuyên truyền nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, các nghị quyết Hội nghị Trung ương và Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VI, lần thứ VII. Công tác củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng nhằm giáo dục, phát huy tính giai cấp, tính tiên phong gương mẫu và phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên được kết hợp với các cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Dù kinh tế còn nhiều khó khăn, niềm tin có phần suy giảm nhưng tư tưởng của cán bộ, đảng viên cơ bản ổn định, nhất trí với đường lối đối nội, đối ngoại của Trung ương Đảng, quán triệt những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố. Phần đông đảng viên ý thức được sự chuyển biến

của tình hình mới, bình tĩnh, vững vàng trước những khó khăn, thử thách dồn dập của đất nước, của thành phố, nêu cao ý thức trách nhiệm, tinh thần tự lực, tự cường, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ. Những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân như ngại khó, sợ trách nhiệm, bảo thủ, thiếu trung thực, tư lợi, cục bộ địa phương, mất đoàn kết nội bộ, tác phong quan liêu, không sâu sát cơ sở đã bị phê phán nghiêm khắc.

Đi đôi với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, các cấp ủy còn tập trung củng cố các tổ chức cơ sở đảng, trước hết là trong nông nghiệp. Theo tinh thần Thông tri số 22-TT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết số 11-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy, thành phố huy động hàng trăm cán bộ của các cơ quan thành phố, huyện, thị xã tăng cường cho cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý và các phong trào khác của quần chúng. Đảng bộ các cấp kết hợp củng cố cơ sở đảng với củng cố chính quyền, các đoàn thể quần chúng và đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Nhiều cơ sở đảng trước đây yếu kém nay có chuyển biến tiến bộ. Nội bộ đoàn kết nhất trí. Sản xuất được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân bớt khó khăn. An ninh, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo tốt hơn.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, Thành ủy chỉ đạo giải thể một số đảng bộ ngành, cục; chuyển giao 305 đảng bộ, chi bộ cơ sở, với 15.572 đảng viên, về trực thuộc các đảng bộ khu phố, huyện, thị; tiếp nhận các cơ sở thuộc Đảng bộ Giao thông vận tải chuyển về thành phố. Năm 1979, đại hội đảng 3 cấp được tiến hành. Qua đại hội, các tổ chức đảng tiếp tục được kiện toàn. Cơ cấu, chất lượng cấp ủy viên được nâng lên, tăng thêm lực lượng trẻ, thành phần công nhân và cán bộ có trình độ đại học. Công tác kiểm tra dân chủ, kỷ luật được tăng cường, tập trung phục vụ việc củng cố cơ sở đảng. Ý thức tổ chức kỷ luật của đảng

viên được nâng lên so với trước. Trong hai năm 1977 - 1978, toàn Đảng bộ đã kết nạp trên 800 đảng viên mới; xử lý 3.145 đảng viên; thi hành kỷ luật 1.935 đảng viên, trong đó đưa ra khỏi Đảng 1.707 đảng viên, bằng 3,5% tổng số đảng viên. Năm 1979, qua phân loại 42.072 đảng viên ở 1.084 cơ sở đảng, có 39.595 đủ tư cách, bằng 94,1%, đưa ra khỏi Đảng 869 người, trong đó khai trừ 459 người. Số đảng viên không đủ tư cách ở các đảng bộ nông thôn vẫn chiếm tỷ lệ cao: 8,8%. Công tác phê bình và tự phê bình trong các đảng bộ được thực hiện. Nhiều đảng viên có các hành động tiêu cực bị phê phán, kỷ luật. Vĩnh Bảo và một số địa phương khác là những nơi làm tốt công tác đấu tranh chống tiêu cực trong cán bộ, đảng viên. Công tác phát triển đảng có tiến bộ. Cả năm, toàn Đảng bộ đã kết nạp 1.626 đảng viên, gấp đôi năm 1976, trong đó đoàn viên chiếm 83,1%, thành phần công nhân chiếm 25,3%, đảng viên có trình độ đại học là 12,7%. Đợt đầu, Thành ủy đã phát thẻ đảng (ngày 3/2/1980) cho 380 cơ sở đảng với 16.088 đảng viên, bằng 30% tổng số đảng viên toàn thành phố. Kết quả thu được đã tác động rõ rệt đến việc nâng cao chất lượng đảng viên.

Công tác quy hoạch cán bộ được xây dựng. Các cấp ủy thực hiện tốt chính sách cán bộ, kết hợp chặt chẽ hơn giữa các khâu lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt và sử dụng cán bộ. Quy hoạch cán bộ đã chú trọng tới việc vừa đảm bảo được bản chất giai cấp công nhân, vừa kết hợp giữa lớp cán bộ trẻ với cán bộ già, cán bộ chính trị với cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý nhằm bảo đảm tính kế thừa, tính liên tục của đội ngũ cán bộ, phục vụ tốt cho nhiệm vụ chính trị, đổi mới từng phần đội ngũ cán bộ, xây dựng lực lượng cán bộ dự bị, kế cận và tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giải quyết có tình, có lý chính sách đối với cán bộ lâu năm về hưu, cán bộ có sức khỏe và năng lực hạn chế.

Cùng với việc tăng cường cán bộ cho cơ sở, Thành ủy tập trung chỉ đạo kiện toàn cán bộ cấp huyện, khu phố, thị xã, một số ban, ngành cấp thành phố và đảng đoàn của một số đoàn thể quần chúng. Các cấp ủy đảng quan tâm cải tiến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, bước đầu triển khai thực hiện Nghị quyết số 10 của Trung ương Đảng về kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc.

Trong những năm đầy khó khăn, thử thách, các cấp ủy đảng ở Hải Phòng đã tập trung chỉ đạo củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và công tác cán bộ, song công tác xây dựng Đảng vẫn còn nhiều mặt yếu kém, hạn chế. Công tác tư tưởng chưa gắn chặt với quá trình chỉ đạo thực hiện nhằm quán triệt quan điểm, lập trường của Đảng, xây dựng ý thức tiên phong gương mẫu, tổ chức kỷ luật cho cán bộ, đảng viên, phê phán những biểu hiện tiêu cực, đảm bảo chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng được nghiêm túc. Chất lượng giáo dục lý luận chính trị chưa cao, chưa gắn với thực tiễn địa phương. Các tổ chức cơ sở đảng trung bình và yếu kém vẫn còn nhiều. Tổ chức bộ máy cấp trên cơ sở, các huyện và thị xã, khu phố chưa được kiện toàn đúng mức. Đáng chú ý là sau khi ở cấp thành phố giảm bớt đầu mối, thì ở cấp khu phố, huyện, thị xã vẫn tập trung quá nhiều đầu mối. Bộ máy của các ban, ngành cấp thành phố còn chồng chéo, kém hiệu lực. Đi đôi với việc đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng, công tác phát triển đảng viên còn yếu do hẹp hòi, ngại khó, sợ trách nhiệm. Tuổi trung bình của đảng viên mỗi năm một tăng. Quy hoạch cán bộ triển khai thực hiện chậm, bố trí chưa sát. Những hiện tượng bảo thủ, hẹp hòi, cục bộ, địa phương chủ nghĩa trong công tác cán bộ tuy đã được đấu tranh phê phán nhưng lề lối làm việc vẫn còn phân tán, quan liêu. Dù còn những mặt hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm nhưng trong bối cảnh lịch sử đất nước, Đảng bộ và nhân dân Hải Phòng đã đạt được những kết quả bước đầu, tạo điều kiện cho bước đột phá trong những năm tiếp theo.

Nhằm điều chỉnh quy hoạch địa giới một số đơn vị hành chính của thành phố cho phù hợp với tình hình địa phương, ngày 05/3/1980, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 71 điều chỉnh địa giới huyện An Thụy, thị xã Đồ Sơn, thị xã Kiến An; thành lập huyện Đồ Sơn và huyện Kiến An.

Những năm 1975 - 1979 và sáu tháng đầu năm 1980, đất nước đứng trước những thách thức lớn, phải đương đầu với hai cuộc chiến tranh biên giới, kẻ thù chống phá quyết liệt nhằm lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa. Cùng với đó, cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp không còn phù hợp, chậm được thay đổi, đã dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội ngày càng nghiêm trọng. Hải Phòng cũng nằm trong bối cảnh đó. Khó khăn của Hải Phòng ngày càng gay gắt; tình trạng lộn xộn, mất trật tự, trị an; tiêu cực xã hội diễn biến phức tạp; nông nghiệp trì trệ, dân bỏ ruộng không sản xuất; công nghiệp đình đốn, cảng phải quân sự hoá; diện đói lan rộng... Trước tình hình đó, các cấp ủy đảng, chính quyền, quân và dân thành phố đã nỗ lực hết mình để ổn định tình hình, tháo gỡ khó khăn, từng bước giữ vững sản xuất, đảm bảo an ninh, quốc phòng, sáng tạo cách làm ăn mới, tạo đà cho bước phát triển của những năm tiếp theo.

II- NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO VƯỢT KHÓ KHĂN TRONG CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH (6/1980 - 1985)

1. Tình hình kinh tế - xã hội và các giải pháp vượt khó khăn (6/1980 - 1982)

Bước vào thập niên 1980, Hải Phòng vẫn tiếp tục đứng trước những thách thức và khó khăn lớn. Sau chiến tranh biên giới phía Bắc tháng 02/1979, Hải Phòng càng trở thành vị trí chiến lược về

kinh tế, quân sự của vùng Đông Bắc Tổ quốc. Mặc dù chiến tranh biên giới đã kết thúc nhưng thành phố vẫn ở trong tình trạng vừa có hòa bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh. Vì vậy, trong mọi hoạt động, thành phố vẫn luôn sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh nhiều mặt của kẻ thù, tình hình xã hội, an ninh chính trị vẫn diễn biến phức tạp, luôn tiềm ẩn những nguy cơ mất ổn định.

Kinh tế của thành phố tiếp tục lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Sản xuất công nghiệp được coi là thế mạnh của thành phố trong các lĩnh vực cơ khí, đúc, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, sản xuất xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng, tiếp tục gặp khó khăn do thiếu nguyên liệu, thiếu vật tư và phụ tùng thay thế. Chỉ tính riêng năm 1980, nguồn cung cấp điện giảm 27%, than giảm 40%, vì thế sản lượng xi măng giảm tới 82%, gỗ giảm 65%, vốn xây dựng giảm 90%, dẫn đến các công trình xây dựng gần như đình trệ, lĩnh vực xây dựng hầu như chỉ còn là hàn gắn và sửa chữa hoặc sản xuất cầm chừng ngay cả đối với các công trình được coi là trọng điểm. Sản phẩm của các nhà máy cơ khí, đóng tàu không có thị trường tiêu thụ, nhiều cơ sở sản xuất cơ khí đứng trước nguy cơ phá sản. Cảng là một trong những trọng điểm về hoạt động kinh tế của Hải Phòng vẫn ở trong tình trạng bế tắc. Việc quân sự hóa cảng trước đây đã không mang lại kết quả mong muốn, tiếp tục gây hậu quả nghiêm trọng. Hàng hóa ứ đọng, bốc xếp bị đổ vỡ và tình trạng mất cắp trong cảng không giảm đi mà ngày càng có xu hướng gia tăng.

Trong khi đó, sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp ngày càng sa sút. Về đánh bắt hải sản, với sự kiện người Hoa ra đi hàng loạt dẫn tới thiếu lao động, nhất là thiếu ngư dân và những cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm trong lĩnh vực đánh bắt hải sản. Đó là chưa kể đến việc thiếu nguyên liệu, nhiên liệu, phụ tùng thay thế cho các tàu thuyền và ngư cụ của dân ngày càng cũ nát, không đảm bảo cho việc vươn khơi đánh cá xa bờ.

Trong sản xuất nông nghiệp, trên cơ sở kết quả tích cực của chủ trương khoán sản phẩm ở xã Đoàn Xá, ngày 04/6/1980, Huyện ủy Đồ Sơn đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/HU, quyết định giao ruộng cho gia đình xã viên. Quyết định trên làm cho nông dân phấn khởi, tập trung vào sản xuất. Sau khi tiến hành khảo sát nắm bắt tình hình sản xuất và nguyện vọng của nông dân, họp với đảng bộ, chính quyền ở các địa phương, ngày 27/6/1980, Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng đã họp, ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TU về “Củng cố hợp tác xã nông nghiệp nhằm đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm” và quyết định chọn huyện Kiến An là đơn vị thí điểm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TU. Nghị quyết của Thành ủy Hải Phòng là sự đột phá trong việc chỉ đạo tìm tòi hướng đi mới, ủng hộ cách nghĩ, cách làm sáng tạo của địa phương. Thành ủy Hải Phòng đã thể hiện sự năng động nắm bắt nhân tố mới, tinh thần trách nhiệm trước sự phá bỏ cách làm, tư duy cũ, mạnh dạn tìm tòi, đổi mới của địa phương cơ sở, được nhân dân đồng tình, ủng hộ. Mô hình đổi mới trong khoán sản phẩm trong nông nghiệp của Hải Phòng đã được các bộ, ngành liên quan và các địa phương trong cả nước quan tâm, ủng hộ. Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã trực tiếp về Hải Phòng tìm hiểu thực tiễn. Cách làm mới của người nông dân Hải Phòng được lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương ủng hộ, là cơ sở chủ yếu để Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW, ngày 13/01/1981 về “Cải tiến công tác khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp”.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của cơ chế quản lý cũ, nếp nghĩ, nếp làm không thể sớm loại bỏ, nên vẫn chưa tạo được những chuyển biến tích cực, năng suất chưa được nâng cao. Tổng sản lượng lương thực quy ra thóc của Hải Phòng vẫn thấp. Đời sống nhân dân nhìn chung gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt là ở đảo Cát Bà, sau sự kiện người Hoa ra đi hàng loạt, mặc dù đã đưa nhiều

lao động trong đất liền (chủ yếu từ An Hải, Tiên Lãng) ra thay thế nhưng sản xuất ở đây gần như bị ngừng trệ. Đảo Cát Bà không chỉ thiếu rau, thiếu lương thực mà ngay cả cá biển cũng thiếu. Trong thành phố, số lượng công nhân bị thất nghiệp hoặc sản xuất cầm chừng ngày càng tăng. Lương thực, thực phẩm và lương của cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang bị cấp chậm về thời gian và thiếu về định lượng. Thực trạng đó đã dẫn đến sự mất ổn định về trật tự xã hội, trộm cắp và cướp giết ngày càng gia tăng, tình hình an ninh, an toàn về tài sản, tính mạng con người không được đảm bảo. Lòng tin của dân vào Đảng, Nhà nước bị giảm sút nghiêm trọng.

Trong bối cảnh đó, quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982), Thành ủy Hải Phòng đã xác định và tập trung đưa sản xuất nông nghiệp lên “mặt trận hàng đầu”; cơ chế khoán trong nông nghiệp tiếp tục được triển khai mạnh mẽ. Trong 8 khâu của sản xuất nông nghiệp, người nông dân đã được làm chủ 3 khâu rất cơ bản: gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch. Có thể nói, về hình thức là khoán theo nhóm, nhưng đây là sự chuyển biến về chất. Theo cách khoán này, từng người nông dân đã chủ động hơn trong việc sản xuất của mình, mà quan trọng hơn, đó là việc gắn lợi ích của người lao động với sản phẩm của mình làm ra, từng hộ đã tích cực, chủ động trong quá trình sản xuất về giống, về chăm sóc, về thời vụ gieo trồng và thu hoạch. Do vậy, sản lượng, năng suất tăng lên rõ rệt, tình trạng bế tắc trong sản xuất nông nghiệp được tháo gỡ bước đầu nhưng rất quan trọng và cơ bản. Nhiều hộ nông dân không những đủ ăn mà đã có hộ dư lương thực.

Ngày 02/10/1981, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Duẩn về thăm và làm việc với Hải Phòng. Trong buổi làm việc ở huyện Kiến An, Tổng Bí thư đã động viên kết quả sản xuất nông nghiệp của huyện, đồng thời chỉ rõ: những nội dung về

khoán sản phẩm trong nông nghiệp, về lợi ích cũng như nghĩa vụ của người nhận ruộng khoán, xác định trách nhiệm của hợp tác xã, của Nhà nước phải làm sao cho dân hiểu đầy đủ về lợi ích của khoán sản phẩm.

Trong nông nghiệp, nhờ có cơ chế khoán đến nhóm và người lao động, nên đã có sự chuyển biến cơ bản. Trái lại, trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ (kể cả dịch vụ cảng) vẫn trong tình trạng bế tắc, chưa có chuyển biến mạnh mẽ. Tuy nhiên, nhờ kết quả thắng lợi của 3 vụ liên tiếp trong sản xuất nông nghiệp nên việc đầu tư xây dựng của thành phố đã có bước khởi sắc. Vốn đầu tư xây dựng của thành phố đạt 82,8 triệu đồng, gấp 4 lần kế hoạch nhà nước giao.

Một loạt công trình lớn được đầu tư xây dựng như: công trình thoát nước phía tây nam thành phố, công trình đắp đê lấn biển đường 14 đã đạt mức cao trình +5m đủ để chống chọi với sóng biển và thủy triều, tạo ra được một vùng đất có diện tích rộng trên 3.000ha có thể đưa vào canh tác. Công trình cầu Niệm đã hoàn thành, góp phần giải quyết bớt khó khăn trong việc đi lại của nhân dân từ Kiến An vào nội thành và ngược lại.

Năm 1981, dù trong tình trạng thiếu vật tư nghiêm trọng nhưng ngành công nghiệp của địa phương đã có chuyển biến tích cực. Năm 1981, sản xuất công nghiệp địa phương đã vượt kế hoạch 1,16%. Nhiều cơ sở công nghiệp của trung ương cũng đã vượt kế hoạch, góp phần giảm khó khăn về đời sống cho một bộ phận công nhân. Trong khi đó, cảng Hải Phòng vẫn trong tình trạng khó khăn, năm 1981 đạt 70% kế hoạch và bằng 90% năm 1980. Đến cuối năm 1981, cảng được tăng 2.000 lao động và thay thế một số thiết bị kỹ thuật. Sự thay đổi này đã làm cho năng suất bốc xếp tăng lên nhưng chưa đem lại hiệu quả mong muốn vì thời gian còn quá ngắn, do các thiết bị kỹ thuật mới được bổ sung và việc cải tiến quản lý chưa phát huy được tác dụng.

Thương cảng Cửa Cấm được xây dựng và mở rộng cùng với việc lập đội tàu buôn đã giúp thành phố chủ động trong việc xuất nhập khẩu và làm dịch vụ xuất khẩu cho một số tỉnh bạn. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng nhanh đã góp phần tăng thu ngân sách cho thành phố. Vì thế, thành phố đã bước đầu chủ động trong việc sử dụng nguồn vốn tự có của mình ngoài phần được trung ương điều tiết. Thành phố đã tự trang trải được 25% lương thực theo kế hoạch của trung ương cấp. Nhiều vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp đã được nhập khẩu, tạo cơ sở cho việc chủ động trong kế hoạch sản xuất, đẩy nhanh tiến độ xây dựng một số công trình xây dựng cơ bản. Hoạt động thương nghiệp trên địa bàn được quan tâm. Thành phố đã nâng tỷ lệ xã có hợp tác xã mua bán từ 48% năm 1978 lên 70% vào năm 1981. Các hoạt động tài chính, ngân hàng hoạt động có hiệu quả hơn do lãnh đạo thành phố đã đưa phần vốn của địa phương vào hoạt động khi chưa có nguồn từ trung ương cấp.

Trong năm 1981, thành phố đã bố trí 22.000 người đi xây dựng vùng kinh tế Gia Minh và 1.200 lao động đi xuất khẩu ở các nước xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, thành phố còn đẩy mạnh việc hợp tác toàn diện với thành phố Vladivôxtôc của vùng Viễn Đông Liên Xô. Các hoạt động về giáo dục - đào tạo, văn hóa thông tin, phát thanh, y tế được chú ý đẩy mạnh ở cơ sở.

Tuy tình hình kinh tế - xã hội đã có chuyển biến theo hướng tích cực nhưng an ninh, trật tự xã hội vẫn diễn biến phức tạp. Trong năm 1981, trên địa bàn thành phố đã xảy ra tới 5.162 vụ trộm cắp, phạm pháp hình sự, có vụ rất trắng trợn và nghiêm trọng, nhất là ở khu vực cảng và các tuyến đường vận chuyển hàng hóa, làm nhân dân chưa thực sự yên tâm. Do bị địch tuyên truyền, lôi kéo nên một bộ phận nhân dân đã tìm cách trốn đi nước ngoài trái phép. Năm 1981, ở thành phố có tới 83 vụ, gồm

2.351 người vượt biên trái phép, trong đó lực lượng an ninh đã phá được 69 vụ, ngăn chặn được 1.521 người.

Có thể nói, những thành tích đã đạt được trong năm 1981 của thành phố là rất đáng ghi nhận. Đây là mốc quan trọng đánh dấu sự khởi sắc của Hải Phòng và tạo tiền đề cho thành phố tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong những năm tiếp theo.

Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VIII (vòng 1), diễn ra từ ngày 11/01 đến ngày 17/01/1982, thảo luận và góp ý vào các dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng. Đại hội lần thứ V, họp tháng 3/1982, thừa nhận: *Một phần khó khăn của đất nước là do mắc sai lầm, nóng vội, bảo thủ*, từ đó quyết định điều chỉnh một bước trong chiến lược phát triển kinh tế của đất nước và đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội cho phù hợp với tình hình, đặc điểm cụ thể của Việt Nam. Đại hội khẳng định: *“Tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp với công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý”*¹. Việc xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động với chủ trương: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ được nhấn mạnh.

Như vậy, ngay sau việc thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1981, quân và dân thành phố lại tiếp tục phấn đấu thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1982 trong bối cảnh mới và theo sự chỉ đạo có điều chỉnh về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng. Nông nghiệp đã được coi là mặt trận hàng đầu trong lúc Đảng bộ và nhân dân thành phố đang thực hiện có hiệu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.43, tr.190.

quả cơ chế khoán đến nhóm và người lao động ở nông nghiệp, nông thôn. Hải Phòng tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế khoán trong nông nghiệp, nhờ vậy 80% diện tích được cấy lúa kịp thời vụ. Phân bón, thuốc trừ sâu được thành phố chủ động nhập thêm ngoài chỉ tiêu phân bổ của trung ương, năng suất lúa của Hải Phòng năm 1982 đã tăng lên đáng kể. Toàn thành phố đạt 6,124 tấn/ha, vượt kế hoạch 11% và tăng 20% so với sản lượng lương thực năm 1981 (đạt 277.543 tấn, vượt kế hoạch 40.043 tấn). Toàn thành phố vượt của cải 5 tấn thóc/ha, có tới 4/6 huyện đạt trên 6 tấn/ha, trong đó có các hợp tác xã như Cổ Am, Vĩnh Phong (Vĩnh Bảo), Trường Sơn, Ngọc Sơn (Kiến An) đạt trên 8 tấn/ha.

Sản xuất lương thực đạt kết quả nên đã có thêm lượng lương thực để đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm. Lượng lương thực được huy động là 85.000 tấn, gấp 3 lần năm 1981, thu mua lợn đạt 5.700 tấn (tăng 20%) so với năm 1981. Đây là kết quả của cơ chế khoán mới trong nông nghiệp. Tuy nhiên, việc huy động tới 85.000 tấn thóc trong năm 1982 là quá cao đối với nông dân vì giá thu mua còn cách xa giá thị trường, nên đã gây không khí kém phấn khởi trong nông dân.

Phát huy thắng lợi trên mặt trận nông nghiệp của năm 1982, bước sang năm 1983, mặc dù tình hình thời tiết không thuận lợi, nhưng diện tích gieo trồng vẫn đạt xấp xỉ năm 1982 (89.732ha). Năng suất bình quân đạt 6,309 tấn, tăng 1,84% so với năm 1982, số lượng gia súc, gia cầm đều tăng, nhanh nhất là chăn nuôi lợn (tăng 12%). Nhờ có sản lượng lương thực và thực phẩm tăng, nên năm 1983, đã huy động 100.554 tấn thóc, tăng gần 1,5 lần so với năm 1982 và tăng gấp 3 đến 4 lần so với những năm trước đó. Đời sống của phần lớn nông dân được cải thiện. Lương thực, thực phẩm tăng thêm đã góp phần giải quyết căng thẳng về thiếu lương thực, thực phẩm của nội thành. Coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu là một trong những quyết sách đúng của Đảng đối

với một nước nông nghiệp lạc hậu, lại vừa trải qua thời kỳ chiến tranh kéo dài.

Bằng nhiều biện pháp tích cực như tăng lực lượng lao động trong lĩnh vực thủy sản, nên trong năm 1982, ngành đã đạt chỉ tiêu đề ra. Sản lượng đánh bắt cá biển đạt 7.500 tấn, tôm làm nguyên liệu xuất khẩu tăng 6 lần. Sản xuất muối tăng 18%. Năm 1983, sản lượng đánh bắt cá biển tăng lên 9.000 tấn, tăng 25% so với năm 1982. Tôm làm nguyên liệu xuất khẩu đạt 266 tấn, tăng 92% so với năm 1982. Sản xuất muối đạt 23.830 tấn. Như vậy, sau nhiều năm sa sút, đến năm 1983, nông nghiệp, ngư nghiệp và thủy sản đã có những bước tăng trưởng đáng kể.

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của Hải Phòng về cơ bản vẫn trong tình trạng thiếu vật tư, nguyên, nhiên liệu. Nhưng nhờ lợi thế có nhiều cơ sở công nghiệp truyền thống nên thành phố đã chủ động chuyển hướng sản xuất công cụ phục vụ nông nghiệp và phối hợp với các tỉnh khác trong việc sửa chữa, đóng mới sà lan và tàu thuyền. Công nghiệp Hải Phòng năm 1982 vượt kế hoạch 4%. Thực hiện chủ trương sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, thành phố đã chủ động chuyển Cơ khí Kiến Thiết, An Biên, Lò cao 19/5, Cơ khí 19/5 sang sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Thành phố thành lập Liên hiệp xe đạp. Nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp của thành phố được trang bị thêm thiết bị mới để sản xuất hàng tiêu dùng nhằm giảm bớt sự căng thẳng về thiếu hàng tiêu dùng thiết yếu của nhân dân.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp đã có những chuyển biến đáng kể trong việc khai thác vật tư, chuyển đổi mặt hàng sản xuất phục vụ nông nghiệp và đời sống dân sinh. Trong năm 1982, có 530 mặt hàng mới được đưa vào sản xuất có giá trị thực tế như bình bơm thuốc trừ sâu, bình giữ nhiệt bằng xốp. Mặt hàng thủy tinh, phụ tùng xe đạp đã nhiều hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng nên đã góp phần giải quyết bớt căng thẳng về thiếu đồ dùng

phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân. Nhờ có nhiều cố gắng, nên mặc dù trong điều kiện thiếu vật tư, nguyên liệu, nhưng sản xuất tiểu thủ công nghiệp năm 1982 vẫn vượt 3,8% so với năm 1981. Tình hình nguyên liệu, vật tư, nhiên liệu và điện phục vụ sản xuất công nghiệp vẫn trong tình trạng mất cân đối về cung - cầu nghiêm trọng. Tuy vậy, các xí nghiệp của trung ương đã chấm dứt được tình trạng sa sút kéo dài và đã có bước tiến đáng kể. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp trung ương đạt 259 triệu đồng và đạt 105% kế hoạch, tiêu biểu như Nhà máy Xi măng, Nhà máy Thủy tinh, Cơ khí Duyên Hải, v.v..

Trong lĩnh vực giao thông vận tải, tình hình hoạt động của cảng Hải Phòng vẫn bế tắc. Việc quân sự hóa không đưa lại nhiều kết quả. Hàng hóa ứ đọng ngày càng nhiều và tình trạng mất cắp, đổ vỡ diễn ra thường xuyên. Tháng 9/1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quyết định số 81-QĐ/TW về “Gấp rút chấn chỉnh và tăng cường quản lý cảng Hải Phòng”. Quyết định nêu rõ việc quản lý cảng phải theo nguyên tắc của một thương cảng, tiến hành kiện toàn Ban Giám đốc, bố trí lại lực lượng bốc xếp, gấp rút tổ chức rút hàng, chấm dứt ứ đọng hàng hóa, thống nhất lực lượng bảo vệ, sử dụng lực lượng bộ đội ở cảng để xây dựng, bảo vệ, nếu cần có thể đảm nhiệm một khâu chuyển tải hoặc bốc xếp. Ngày 28/10/1980, Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TU triển khai quyết định trên. Tuy nhiên, tình trạng tiêu cực vẫn chưa được khắc phục. Vào 1 giờ sáng ngày 14/4/1981, kho số 5 bị cháy, đến 11 giờ 30 phút mới được dập tắt, gây thiệt hại 33.773 kiện hàng, 1.852 tấn hàng hóa. Nhận thấy tình hình phức tạp, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo số 12-TB/TW rút toàn bộ lực lượng quân đội ra khỏi cảng. Thành ủy Hải Phòng, Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải và Quân ủy Quân khu 3 họp chỉ đạo triển khai bàn giao việc bốc xếp, bảo vệ cho cảng. Mọi hoạt động của cảng dần trở lại bình

thường. Sau khi được đổi mới và bổ sung trang thiết bị, cải tiến cơ chế quản lý, năm 1982, cảng Hải Phòng đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 7%, đạt sản lượng bốc xếp 2,2 triệu tấn. Hàng bốc xếp chậm bị phạt tiền giảm 52% so với năm 1981, hàng tồn kho giảm 43%. Bên cạnh đó, thương cảng Cửa Cấm được mở rộng và tiếp nhận 400 lượt tàu, bốc xếp trên 5 vạn tấn hàng hóa. Vận tải địa phương vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn vì tàu thuyền, sà lan, ô tô, nhà kho, bến bãi đều cũ nát, phụ tùng thay thế thiếu nghiêm trọng (50%). Tuy vậy, nhờ có tinh thần khắc phục khó khăn của cán bộ, công nhân viên, ngành vận tải thành phố vẫn đảm bảo được nhu cầu vận tải hàng hóa, vật tư, lương thực và các yêu cầu về an ninh, quốc phòng. Việc đi lại của nhân dân tuy vẫn đảm bảo nhưng thường kéo dài thời gian, gây lãng phí thời giờ và tiền bạc.

Về xây dựng cơ bản, do điều kiện thiếu nghiêm trọng vật tư, vật liệu xây dựng, tiền vốn, thành phố đã vận dụng tốt phương châm: Nhà nước và nhân dân; Trung ương và địa phương, thành phố và huyện, xã cùng làm. Nhờ phương châm này, Hải Phòng đã tập trung được sức mạnh của toàn dân, huy động được vật tư và tiền vốn để hoàn thành nhiều công trình như Trạm bơm Thượng Đồng (huyện Vĩnh Bảo) phục vụ tưới tiêu cho 800ha; tôn cao và gia cường đê đường 14; xây dựng cống cấp 1 và hệ thống mương tưới tiêu khu đất đường 14, đưa vào sử dụng 2.000ha, hoàn chỉnh hệ thống tưới tiêu cho diện tích 2.500ha ruộng rau xuất khẩu và 100ha của Trung tâm giống cây trồng. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của thành phố đạt 290 triệu đồng, gấp 3,5 lần so với năm 1981 và vượt kế hoạch 68%. Nhiều công trình phục vụ giao thông vận tải đã được đưa vào sử dụng như: cầu tàu Bến Gót (Cát Hải), mở rộng thương cảng Cửa Cấm với việc xây dựng thêm 2.000m² nhà kho, nâng cấp đoạn đường 5 từ nội thành ra Quán Toan và tiếp tục thi công đường ra đảo Đình Vũ - Cát Hải -

Cát Bà; nâng cấp khách sạn Cát Bi, trạm cấp nước ngọt cho tàu biển; hoàn thành một số hạng mục cơ bản của Nhà máy Cấp nước An Dương; xây dựng thêm 3.000m² nhà ở; hoàn thành việc xây mới 100 phòng học và nhà trẻ ở huyện Thủy Nguyên; gấp rút hoàn thành Nhà A, Cung Văn hóa thiếu nhi thành phố.

Hoạt động thương mại xuất nhập khẩu là một trong những thế mạnh của Hải Phòng. Trong năm 1982, thành phố đã thực hiện được giá trị xuất nhập khẩu 469 triệu đồng, đạt 98% kế hoạch nhà nước giao, trong đó xuất nhập khẩu của địa phương đạt 107% kế hoạch, tiêu biểu là các công ty thuộc Liên hiệp xuất nhập khẩu của thành phố như: Công ty Kinh doanh hàng xuất khẩu, Công ty Thêu len, Công ty Cung ứng tàu biển. Năm 1983, hoạt động xuất nhập khẩu càng phát triển. Công ty Du lịch dịch vụ của thành phố và các quận, huyện đã tích cực tìm nguồn hàng để sản xuất nên đã đưa giá trị xuất nhập khẩu của thành phố tăng lên 58% so với năm 1982, đạt 842 triệu đồng; giá trị ngoại tệ đạt 26 triệu rúp - đôla, riêng địa phương đạt 11 triệu rúp - đôla, so với năm 1982 tăng 54%. Nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất được nhập tăng thêm ngoài kế hoạch của Trung ương giao như: sợi ni lông, nhựa PVC, phân đạm, vải..., đã góp phần giảm bớt khó khăn về hàng tiêu dùng và bội chi tiền mặt. Tuy vậy, trong năm 1982, phân phối, lưu thông trong nội địa vẫn gặp khó khăn gay gắt, luôn mất cân đối về nguồn hàng, về khả năng vận chuyển, về tiền hàng và đặc biệt là sự mất cân đối nghiêm trọng về cung - cầu. Mặt hàng lương thực trung ương cấp cho thành phố đạt 60% định lượng, các mặt hàng khác chỉ đạt 50%. Năm 1983, về lương thực, trung ương chỉ cân đối cấp cho thành phố 34.000 tấn lương thực, đạt 30% nhu cầu. Trước những khó khăn trên, thành phố đẩy mạnh sản xuất lương thực, tăng thu mua trong dân và mua ở miền Nam nhằm đáp ứng nhu cầu về lương thực của cán bộ, công nhân viên và lực lượng vũ trang.

Thành phố đã mua và vận chuyển 10.000 tấn lương thực từ miền Nam đồng thời chủ động khai thác, nhập thêm một số hàng hóa nhằm đảm bảo đủ cung cấp theo định lượng của Nhà nước quy định cho nhân dân.

Về khoa học, Ủy ban khoa học kỹ thuật thành phố đã thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu và ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất, tập trung giải quyết vấn đề cải tạo đất, nhất là những vùng đất chua mặn, cải tạo và gây giống mới, vật nuôi, cây trồng, tổ chức việc thực nghiệm giống lúa lai tạo cho phù hợp vùng chua mặn và vùng mới khai hoang. Triển khai việc phòng trừ sâu bệnh cho vật nuôi, cây trồng, đồng thời tiến hành xử lý phân, rác, nước thải trong nội thành, nội thị và khu du lịch Đồ Sơn. Đẩy mạnh việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, đo lường để góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm hàng tiêu dùng.

Lĩnh vực giáo dục, đào tạo đã có những cố gắng lớn nhằm duy trì số lượng học sinh phổ thông và chỉ tiêu đào tạo ngành, nghề trong các trường trung học chuyên nghiệp và trường nghề ở các nhà máy, xí nghiệp. Nhờ có cố gắng của toàn ngành nên đã hạn chế được tình trạng trẻ em bỏ học. Toàn thành phố có 270.550 học sinh phổ thông cơ sở, 28.500 học sinh trung học, 46.800 cháu mẫu giáo. Ngoài ra, thành phố tiếp tục đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hóa và thực hiện cải cách giáo dục theo chủ trương chung của Đảng và Nhà nước, từng bước thực hiện hệ thống giáo dục 12 năm, đồng thời tăng cường bồi dưỡng giáo viên theo chương trình cải cách giáo dục phổ thông. Hệ thống các trường chuyên nghiệp và dạy nghề được quy hoạch hợp lý hơn.

Ngành y tế đã có nhiều cố gắng trong việc phòng và chữa bệnh cho nhân dân. Hệ thống y tế cơ sở được kiện toàn và giữ vững (y tế cơ quan, xí nghiệp, trường học, y tế, xã, phường), chế độ thu viện phí chữa bệnh đã được nghiên cứu, áp dụng để dần

thay thế việc chữa bệnh không mất tiền. Ngoài nguồn thuốc nhập từ nước ngoài, thành phố khuyến khích và tạo điều kiện để công ty được tăng cường sản xuất thuốc từ nguồn dược liệu trong nước. Các bệnh xá, trạm xá, trạm y tế, trường học có phong trào trồng vườn thuốc Nam. Bên cạnh việc tích cực điều trị bệnh, phong trào phòng bệnh được đẩy mạnh, nhờ vậy những bệnh dịch đã sớm được phát hiện và bị dập tắt kịp thời, không để xảy ra dịch ở Hải Phòng. Công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân được gắn liền với việc vận động kế hoạch hóa gia đình bằng cách giao chỉ tiêu phát triển dân số cụ thể cho từng đơn vị, từng địa bàn. Do vậy, đến năm 1982, chỉ tiêu phát triển dân số của thành phố đã giảm xuống còn 1,78%.

Lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thông tin được đẩy mạnh và từng bước chuyển sang hạch toán. Các đoàn nghệ thuật của thành phố như: đoàn chèo, kịch nói, cải lương, ca múa, đoàn múa rối đã có nhiều vở mới công diễn ở thành phố và các tỉnh bạn. Các thiết chế văn hóa như nhà văn hóa trung tâm, nhà văn hóa quận, huyện, nhà truyền thống, thư viện ở cơ sở tiếp tục được duy trì. Hải Phòng đã có gần 100% số xã có thư viện và nhiều xã có phòng truyền thống. Tuy nhiên, từ khi có cơ chế khoán đến nhóm và hộ gia đình, những thiết chế văn hóa cơ sở ở nông thôn đang có xu hướng không còn điều kiện cơ sở vật chất để duy trì. Thành phố chú trọng phát triển hệ thống thông tin phát thanh cơ sở, mở rộng sửa chữa các rạp chiếu phim, các bãi chiếu phim ở trong nội và ngoại thành, nhờ vậy hoạt động văn hóa cơ sở tiếp tục được duy trì và phát triển.

Ngành lao động, thương binh và xã hội tiếp tục thực hiện các chính sách xã hội như: ưu tiên bố trí công ăn việc làm và tuyển lao động đi xuất khẩu, đi học theo quy định chung của Nhà nước, chú ý đến bộ đội phục viên, thanh niên xung phong sau khi hoàn thành nghĩa vụ; giải quyết chính sách đối với các gia đình thương

binh, liệt sĩ, quan tâm đến các gia đình có công với cách mạng và cán bộ cách mạng lão thành.

An ninh, quốc phòng được đặc biệt quan tâm không chỉ do yêu cầu bảo vệ vững chắc vùng biển, vùng trời Tổ quốc mà còn do phải giữ gìn tốt an ninh trật tự của toàn thành phố. Các lực lượng vũ trang thành phố tiếp tục thực hiện cuộc vận động nâng cao bản chất cách mạng, vận động xây dựng lực lượng công an trong sạch, vững mạnh; xây dựng và kiện toàn tổ chức công an phường, lực lượng bảo vệ cảng. Các cơ quan, xí nghiệp, trường học, phường, xã đều có tổ chức dân quân, tự vệ và được huấn luyện định kỳ hàng năm. Lực lượng công an, lực lượng quân sự đã phối hợp thực hiện Chỉ thị số 01, số 02 của liên Bộ Nội vụ - Quốc phòng, phối hợp tổ chức tuần tra và đóng chốt ở những vị trí trọng điểm để giữ vững an ninh chính trị và an toàn xã hội; vận động nhân dân nâng cao cảnh giác chống các âm mưu chia rẽ và phá hoại của kẻ thù, đồng thời thực hiện tốt Luật nghĩa vụ quân sự; xây dựng lực lượng vũ trang, cả chủ lực và dự bị, đều nắm vững trang bị kỹ thuật quốc phòng, có tinh thần chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu cao. Hải Phòng đã quan tâm đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng để vừa bảo vệ, vừa xây dựng, phát triển thành phố.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong những năm 1980 - 1982 còn tồn tại những hạn chế, yếu kém. Trong nông nghiệp, chăn nuôi còn phát triển chậm, số lượng gia súc, gia cầm có xu hướng giảm, chưa chú ý đúng mức đến hàng nông sản xuất khẩu; nhiều mặt hàng sản xuất cầm chừng vì thiếu nguyên liệu hoặc giá thu mua thấp hơn chi phí sản xuất nên không khuyến khích được người lao động. Hàng hóa tiêu dùng khan hiếm, kể cả lương thực và thực phẩm theo định lượng cũng không được cung cấp đủ và đúng thời gian. Đời sống nhân dân nhìn chung khó khăn; quản lý xây dựng, quản lý đô thị còn nhiều sơ hở, yếu kém; nhiều

hộ dân xây dựng trái phép, sai quy hoạch, vấn đề này để lại hậu quả lâu dài cho việc phát triển đô thị hiện đại. Lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế có chiều hướng đi xuống. Quyền làm chủ của người lao động, của nhân dân còn bị vi phạm. Đạo đức xã hội có biểu hiện xuống cấp. Cấp huyện được xác định là cấp kế hoạch, nhưng do đang trong quá trình hoàn thiện nên chưa phát huy được hiệu quả trong điều hành sản xuất và quản lý xã hội. Nhiều đơn vị kinh tế được thành lập ở huyện nhưng kinh doanh thua lỗ. Khó khăn về kinh tế kéo theo nạn đầu cơ tích trữ, tình trạng trộm cắp gia tăng. Tình hình an ninh, trật tự xã hội chưa tốt...

Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ VIII (vòng 2), họp từ ngày 12 đến ngày 16/01/1983, tập trung đánh giá thực trạng trên và cụ thể hóa đường lối Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, xác định những mục tiêu kinh tế - xã hội của thành phố trong thập niên 1980 là: "... Giải quyết vững chắc và nhanh chóng việc cân đối lương thực, có nhiều nông sản hàng hóa để xuất khẩu và tiêu dùng, kết hợp cách mạng kỹ thuật với tiếp tục cải tiến quản lý nông nghiệp đưa năng suất lúa đạt 8,5 - 9 tấn/ha/năm, tổng sản phẩm lúa khoảng 40 vạn tấn". Đại hội khẳng định mũi nhọn cơ bản và lâu dài là sản xuất công nghiệp, cần khai thác thế mạnh, tiềm năng của biển và dịch vụ cảng. Điều có ý nghĩa quyết định để giải quyết khó khăn trước mắt là sản xuất nông nghiệp, sản xuất nhiều lương thực và thực phẩm để cải thiện đời sống nhân dân. Đồng thời, Đại hội cũng đề ra giải pháp về việc huy động vốn, tạo vốn và tích tụ vốn ban đầu bằng cách đẩy mạnh các hoạt động xuất nhập khẩu, du lịch và dịch vụ.

2. Năng động, sáng tạo vượt khó khăn, cải thiện đời sống nhân dân (1983 - 1985)

Năm 1983, tình hình kinh tế - xã hội của cả nước vẫn diễn biến phức tạp theo chiều hướng đi xuống. Khó khăn trong lưu

thông, trong cân đối giữa cung và cầu thêm gay gắt. Đất nước vẫn trong tình trạng bị bao vây cấm vận. Tình hình biên giới trên bộ, trên biển vẫn căng thẳng, luôn luôn trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu. Tình hình thành phố Hải Phòng tuy có sáng sủa hơn ở một số lĩnh vực nhưng nhìn chung vẫn chưa thoát khỏi tình trạng khó khăn về thiếu nguyên nhiên liệu, vật tư, hàng hóa và biến động về giá cả.

Trong nông nghiệp, tình hình thời tiết có những diễn biến phức tạp, gây không ít khó khăn cho gieo trồng và chăn nuôi. Tuy nhiên, do có những chuyển biến tích cực trong đầu tư cho nông nghiệp, thành phố đã tập trung giải quyết vấn đề điện phục vụ nông nghiệp, nhập thêm phân bón, thuốc trừ sâu, đồng thời đẩy mạnh cơ chế khoán đến nhóm và người lao động, kết hợp hài hòa 3 lợi ích: lợi ích tập thể, lợi ích nhà nước, lợi ích cá nhân, áp dụng một số tiến bộ kỹ thuật trong việc cải tạo giống, vật nuôi, cây trồng, thâm canh để tăng năng suất. Nhờ nhiều biện pháp có tính đồng bộ nên năng suất lúa đã tăng lên đáng kể, mặc dù diện tích chỉ đạt 99,4% kế hoạch, nhưng năng suất đạt 6,309 tấn/ha/năm. Sản lượng đạt 282.671 tấn thóc, vượt 1,84% so với năm 1982. Thành phố đã huy động được 100.554 tấn thóc, đạt 100,5% kế hoạch, tăng gần 1,5 lần so với năm 1982. Nhờ năng suất lúa đạt khá, sản lượng tăng nên nông dân có lương thực dự trữ để chăn nuôi. Số lượng gia súc, gia cầm tăng nhanh hơn năm 1982, đạt 102,2% so với năm 1982.

Tình hình nông nghiệp Hải Phòng trong năm 1984 không thuận lợi, một phần do thời tiết khắc nghiệt, có những trận gió lốc và giá rét kéo dài (rét hại) đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất. Trước những thách thức đó, thành phố đã tập trung đầu tư về giống, thuốc trừ sâu, phân bón, dành tới 50% công suất điện cho nông nghiệp để chống hạn cho vụ chiêm xuân, rồi sau đó lại chống úng cho vụ mùa. Riêng vụ chiêm, có nơi phải gieo

mạ tới vài lần mới có cấy vì rét đậm kéo dài. Nhờ có đầu tư lớn nên gieo trồng vẫn đảm bảo 100% diện tích nhưng năng suất lại giảm đáng kể so với năm 1983, chỉ đạt 59,6 tạ/ha/năm, sản lượng 258.518 tấn, bằng 83,3% kế hoạch năm.

Nhằm giải quyết bớt khó khăn về lương thực, thực phẩm, lãnh đạo thành phố đã tích cực chỉ đạo sản xuất vụ đông, vì thế diện tích rau, màu và cây lương thực vụ đông đã tăng lên đáng kể, vượt 19% về diện tích và tăng 55% về sản lượng so với năm 1982, trong đó lượng rau xuất khẩu sang Liên Xô và các nước Đông Âu tăng nhanh, vượt 46% so với năm 1982. Chăn nuôi gia súc, gia cầm vẫn duy trì được số lượng, riêng chăn nuôi lợn tăng 7,2%.

Trong nhiều năm, Hải Phòng đã tập trung công sức và tiền của đắp đê đường 14, khai hoang lấn biển ở Tiên Lãng, Kiến Thụy và vùng Gia Minh, Gia Đức của Thủy Nguyên. Thành phố đã đẩy mạnh việc xây dựng khu kinh tế mới ở các vùng mới khai hoang, như thành lập Nông trường Trung Dũng ở đường 14 Đồ Sơn, chuyển 2.200 hộ, gồm 8.600 nhân khẩu, ra vùng kinh tế mới và ổn định cuộc sống cho các hộ dân ở đây. Huyện Đồ Sơn đã đưa dân ở các xã ra vùng đất mới lấn ở đường 14 để sản xuất nông nghiệp và lập ra 2 hợp tác xã mới là Hải Thành và Tân Thành với trên 1.000 xã viên. Trên 400 gia đình đã yên tâm sản xuất và bước đầu ổn định được cuộc sống trên vùng đất mới khai hoang lấn biển rộng gần 3.000ha.

Phong trào ngôi nhà nông thôn được đẩy mạnh nhằm giải quyết bớt khó khăn về chất đốt và lợp nhà vừa giải quyết thêm phân bón cho đồng ruộng, nhất là những vùng mới khai hoang còn chưa mặn nhiều. Đến cuối năm 1984, toàn thành phố có 166.378 hộ có nhà ngói, chiếm 71,7% số hộ. Trong đó, số hộ ở ngoại thành có nhà ngói là 68% (117.837/173.290 hộ), so với năm 1983, số hộ có nhà ngói, nhà xây tăng 10%. Thủy Nguyên là huyện đi đầu

trong phong trào ngôi hóa nông thôn. Đến cuối năm 1984, toàn huyện có 90% nhà ngôi và trong 36 xã có 10 xã đạt 100% số hộ có nhà ngôi, nhà xây. Tuy nhiên, những xã đạt 100% số hộ có nhà ngôi thường là những xã đã phát triển hơn so với các xã khác do có nghề phụ như khai thác đá, nung vôi, đánh bắt hải sản, đúc đồng hoặc có nhiều đất có thể sản xuất được cả 3 vụ, nhất là sản xuất hoa màu có giá trị cao hơn so với trồng lúa.

Năm 1985, tình hình thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, việc khoán đến nhóm và người lao động đã hoàn thiện hơn. Nhiều công trình thủy lợi đã phát huy tác dụng, nhiều hộ xã viên đã áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đặc biệt là có nhiều giống lúa mới được nông dân gieo trồng nên toàn thành phố đã đạt chỉ tiêu cao về cả 3 mặt: diện tích gieo trồng, sản lượng và năng suất. Diện tích gieo trồng đạt 90.082ha, năng suất lúa đạt mức kỷ lục từ trước tới nay: 7 tấn 23kg/ha, sản lượng đạt 316.339 tấn thóc, vượt 8% kế hoạch và vượt 19,7% so với năm 1984. Nhờ có sản lượng lương thực tăng nên chăn nuôi lợn tiếp tục phát triển. Giống lợn lai kinh tế được nông dân chăn nuôi nhiều hơn trước, tuy tổng đàn lợn không tăng nhưng trọng lượng và sản lượng cao hơn 10% so với năm 1984. Chăn nuôi gia cầm được đẩy mạnh nên lượng thịt bán cho Nhà nước tăng thêm. Thành phố đưa thêm 2.130ha ruộng mới khai hoang vào sản xuất. Tuy năng suất ở những vùng này còn thấp nhưng bước đầu cho thấy hiệu quả rõ rệt của cả một quá trình khai hoang lấn biển của thành phố trong nhiều năm. Nghề đánh bắt cá biển được phục hồi đáng kể, mặc dù sản lượng mới đạt 98,4% kế hoạch nhưng cũng đã vượt 24% so với năm 1984. Nhờ có lương lương thực, thực phẩm tăng nhanh nên đời sống cán bộ, công nhân viên và nông dân được cải thiện hơn so với các tỉnh, thành phố khác trong cả nước.

Nông nghiệp Hải Phòng những năm 1980 - 1985 đã có bước phát triển đáng ghi nhận. Trước hết là do cơ chế khoán đến nhóm và người lao động đã mang lại kết quả thiết thực. Nông dân cơ bản yên tâm và bám vào đồng ruộng để sản xuất, chấm dứt tình trạng lúa chín đầy đồng mà xã viên bị đói, không chịu đi gặt. Do gắn chặt lợi ích của từng hộ với kết quả sản xuất nên việc thâm canh, tăng vụ, việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là việc đưa giống mới, phòng trừ sâu bệnh được chú trọng hơn. Từ những chuyển biến về chất trong cơ chế quản lý hợp tác xã nên nông thôn đã có những biến đổi mới trên nhiều khía cạnh, cả tích cực lẫn tiêu cực. Hệ thống bờ vùng, bờ thửa, hệ thống kênh mương nội đồng, các cơ sở chuồng trại, sân kho, là thành quả của nhiều thập niên trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, nay đang đứng trước nguy cơ bị lụi tàn. Bên cạnh đó, việc khoán ruộng đến hộ gia đình đã làm cho tình trạng phân chia ruộng đất rất manh mún, không thể áp dụng cơ giới hóa hoặc sản xuất lớn phục vụ công nghiệp. Tất cả những vấn đề đó đòi hỏi phải có những cải tiến mới trong cơ chế quản lý hợp tác xã nông nghiệp. Mặt khác, do chia nhỏ ruộng, lại chia cả sức kéo, nên trong những năm này, hiện tượng nhiều hộ xã viên chưa chủ động được vấn đề sức kéo để làm đất, nên việc tái hiện dùng cuộc thay cày không còn là trường hợp cá biệt ở nông thôn Hải Phòng.

Do năng suất trồng trọt và chăn nuôi nâng lên rõ rệt, sản phẩm của người nông dân ngày càng nhiều thêm, nên đời sống của từng hộ gia đình đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, có nhiều hộ thiếu lao động, đó là những gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình neo đơn, gia đình bộ đội. Tuy đời sống ở nông thôn còn thấp và còn rất khó khăn, nhưng đã bộc lộ sự phân hóa về thu nhập ngày càng rõ nét. Mặt khác, do tình hình thiếu lương thực còn phổ biến trong cả thành phố, nên khi thu mua lại lương thực của nông dân, vẫn còn hiện tượng cưỡng ép về số

lượng và giá cả. Nhiều hộ gia đình trước đây còn nợ lương thực hợp tác xã nay lại phải bán lương thực theo quy định của thành phố nên vẫn thiếu đói.

Nông nghiệp, nông thôn Hải Phòng đã có những tiến bộ rõ rệt trên nhiều phương diện nhưng vẫn chưa thoát khỏi khó khăn sau một thời kỳ “rong công phóng điểm” của hợp tác xã nông nghiệp theo cơ chế quản lý cũ. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng chủ trương coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu của Đảng không chỉ là một quyết sách đúng, mà còn là một quyết sách có ý nghĩa chiến lược đối với quốc gia có nền nông nghiệp lạc hậu như nước ta. Trong sản xuất nông nghiệp, cơ chế khoán mới đã tạo ra sự chuyển biến rõ đối với hợp tác xã nông nghiệp, chủ yếu đối với khu vực trồng trọt. Khu vực đánh bắt, nuôi trồng thủy sản của Hải Phòng trong những năm này vẫn chưa thoát khỏi tình trạng khó khăn, năng suất, sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản vẫn còn ở mức thấp. Trang thiết bị cho nghề cá chưa đáp ứng được nhu cầu tối thiểu về nhiên liệu, về ngư cụ và nhất là kỹ thuật đánh cá xa bờ còn rất hạn chế cả về năng suất lẫn khả năng vươn ra khơi cũng như bảo quản hải sản đã đánh bắt được.

Trong những năm 80 thế kỷ XX, sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng tiếp tục gặp khó khăn về nhiều mặt, tình hình thiếu vật tư, nguyên liệu sản xuất ngày càng diễn ra trầm trọng, cùng với đó, do thiếu vốn, thiết bị cũ kỹ không được thay thế kịp thời, lại cộng thêm thiếu điện nên năng suất không cao. Tuy vậy, nhờ có nhiều biện pháp tích cực trong sắp xếp và tổ chức sản xuất, nên đã chặn được đà sa sút sau nhiều năm. Công nghiệp trung ương đóng trên địa bàn thành phố đạt 105% kế hoạch. Nhiều nhà máy đạt giá trị sản lượng khá như Nhà máy Xi măng, Cơ khí Hạ Long, Nhà máy Thủy tinh. Mặc dù rất thiếu điện nhưng nhờ biện pháp điều hòa có tính luân phiên theo thời gian và tập trung điện cho sản xuất, giảm điện

trong sinh hoạt, nên các cơ sở cơ bản vẫn có điện để sản xuất. Thành phố đặt ra quyết tâm sắp xếp lại sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp địa phương đã dần đi vào xu thế ổn định về phương hướng sản xuất. Nhiều cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp địa phương giữ vững được sản xuất và đội ngũ cán bộ, công nhân viên. Nhiều xí nghiệp, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đã tìm được nguồn hàng, nguồn vật tư để sản xuất như lĩnh vực sửa chữa và đóng mới tàu thuyền, sà lan, sản xuất các mặt hàng cao su, bột nhẹ, sơn, đồ kim khí, dụng cụ gia đình. Các cơ sở cơ khí đã mạnh dạn chuyển một bộ phận sang sản xuất hàng tiêu dùng, hàng phục vụ nông nghiệp và đời sống dân sinh. Một số mặt hàng mới đưa vào sản xuất đã đạt sản lượng tương đối khá như giày vải, phích nước, xe đạp mini, thùng phuy, khoá bi. Trong công nghiệp, đã bước đầu có sự liên kết, phối hợp trong cùng ngành hàng hoặc liên kết với tỉnh bạn để sản xuất. Nhờ có nhiều cố gắng trong công tác quản lý nên công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Hải Phòng trong năm 1983 đã đạt 103,4% kế hoạch, tăng 6,7% so với năm 1982. Năm 1984, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn về vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng. Nhiều vật tư chủ yếu như sắt, thép, xăng dầu, hóa chất được cung ứng thấp hơn nhiều so với năm 1983. Tuy nhiên, một số ngành truyền thống như đóng mới và sửa chữa tàu, sà lan, sản xuất xi măng vẫn duy trì được sản xuất. Các ngành công nghiệp điện tử, chế biến thực phẩm đã tăng đáng kể sản phẩm. Vì thế, sản lượng công nghiệp trung ương đóng trên địa bàn đã đạt 98,8% kế hoạch nhà nước giao.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương có những bước phát triển mới. Nhiều cơ sở được sắp xếp lại, được thành phố đầu tư thêm thiết bị, cung cấp vật tư, nguyên liệu đều hơn. Nhiều mặt hàng truyền thống tăng sản lượng như dép thêu, dép xuất khẩu, kim điện xuất khẩu, phích nước, ấm nhôm đun nước.

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp địa phương đạt 1.700 triệu đồng, vượt kế hoạch và tăng 14,3% so với năm 1983 và vượt cả năm 1978 là năm đạt sản lượng cao nhất từ khi đất nước được thống nhất. Công nghiệp địa phương đã có những chuyển biến rõ rệt về số lượng, chất lượng sản phẩm, đặc biệt tỷ trọng hàng tiêu dùng và xuất khẩu đạt 59%. Nhiều cơ sở sản xuất các mặt hàng truyền thống được phục hồi như đúc đồng, đúc gang, sản xuất máy công cụ. Một số mặt hàng phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng tăng trưởng khá như vải giả da, giấy da, dép nhựa, túi nhựa. Vì thế, đời sống của công nhân trong các xí nghiệp địa phương đỡ khó khăn hơn so với đời sống của công nhân các xí nghiệp trung ương đóng trên địa bàn thành phố. Năm 1985, công nghiệp địa phương tiếp tục phát triển nhờ có lượng nguyên vật liệu, nhiên liệu được thành phố cung ứng kịp thời nên sản xuất có nhiều thuận lợi. Thành phố tiếp tục sắp xếp lại sản xuất, tinh giản biên chế, áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật sát hợp hơn, nhiều mặt hàng tiêu dùng được đầu tư sản xuất. Năm 1985, lần đầu tiên công nghiệp địa phương vượt kế hoạch 200 triệu đồng giá trị sản lượng và có lợi nhuận nộp ngân sách.

Công nghiệp trung ương vẫn trong tình trạng thiếu vật tư, nguyên nhiên liệu. Nhưng nhờ có sự đầu tư của trung ương cho một số cơ sở sản xuất lớn như Nhà máy Xi măng, Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng, Thủy tinh, Nhựa Tiên Phong, nên sản lượng công nghiệp trung ương đóng trên địa bàn vẫn tăng trong một số lĩnh vực như đóng mới, sửa chữa tàu thuyền và sản xuất xi măng. Năm 1985, công nghiệp trung ương đạt 102,1% kế hoạch.

Nhìn chung, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Hải Phòng nằm trong tình trạng chung của cả nước là rất thiếu vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện và phụ tùng thay thế để sản xuất. Giá trị tổng sản lượng có tăng chút ít nhưng thực tế chỉ

tương đương với sản lượng công nghiệp năm 1978. Tuy nhiên, giá trị thực tế lại giảm do giá cả ngày càng tăng nên đời sống cán bộ, công nhân viên trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp rất khó khăn. Những năm 1984 - 1985, công nghiệp địa phương được phục hồi và có những mặt phát triển là nhờ vào việc chuyển đổi mặt hàng sản xuất phục vụ đời sống và xuất khẩu. Tuy nhiên, đây là những cơ sở quy mô không lớn, lại được thành phố chủ động cung ứng nguyên liệu ngoài nguồn cung ứng của Trung ương. Mặt khác, các cơ sở sản xuất của công nghiệp địa phương chủ yếu sản xuất các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh như hóa chất, giày vải, giày da, xe đạp mini, quạt điện, phích nước, công cụ sản xuất nông nghiệp.

Cảng Hải Phòng sau nhiều năm được đầu tư, nâng cấp và cải tiến quản lý, đã hoạt động nền nếp hơn. Do tăng cường công tác an ninh, bảo vệ và phát động phong trào quần chúng bảo vệ cảng nên số vụ mất cắp đã giảm tới 50% so với năm 1982. Tiền bồi thu về giải phóng tàu nhanh, trừ đi tiền bị phạt vì giải phóng tàu chậm hơn hợp đồng là 150.000 đồng. Năng suất bốc xếp được nâng lên rõ rệt: năm 1983, đã bốc xếp được 2.260.000 tấn hàng hóa. Số hàng tồn đọng trong cảng dần dần giảm xuống do công tác thanh lý tài sản được đẩy mạnh hơn. Năm 1984, nhờ sắp xếp lại sản xuất, cải tiến một số khâu trong thủ tục nhận hàng, giao trả hàng, kiểm hàng nên cảng đã hoàn thành trước kế hoạch 10 ngày và tăng sản lượng bốc xếp hàng hóa 9,3% so với năm 1983. Năm 1985, cảng tiếp tục cải tiến công tác quản lý, tăng cường bảo vệ. Ngoài lực lượng bảo vệ chuyên trách, cảng đã phát động phong trào quần chúng bảo vệ hàng hóa và phối hợp với lực lượng bảo vệ an ninh của thành phố nên nạn trộm cắp trong cảng giảm mạnh so với những năm trước. Năm 1985, cảng Hải Phòng đạt sản lượng bốc xếp 2,47 triệu tấn; hàng hóa được bốc xếp nhanh,

tàu được giải phóng nhanh, nên đã giảm được số tiền bị phạt do giải phóng tàu chậm.

Giao thông vận tải vẫn gặp nhiều khó khăn do phương tiện cũ nát, thiếu phụ tùng thay thế, nguồn hàng vận chuyển không ổn định. Tuy vậy, thành phố đã có nhiều cố gắng trong việc mua sắm thêm phương tiện vận tải và sửa chữa, phục hồi những phương tiện còn dùng được. Cùng với việc sửa chữa, mua sắm, ngành giao thông vận tải đã tích cực tìm nguồn hàng để vận chuyển. Trong năm 1983, thành phố đã cải tiến công tác quản lý vận tải bằng cách thực hiện cơ chế đại lý vận tải và giao cho các đại lý chủ động khai thác nguồn hàng, mở các tuyến vận tải hàng hóa theo yêu cầu của khách hàng. Mặt khác, thành phố tập trung các phương tiện ưu tiên vận chuyển những mặt hàng thiết yếu như lương thực, than, xi măng và hành khách. Đặc biệt, tàu biển Thống Nhất chạy tuyến Hải Phòng - Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động thường xuyên, đã vận chuyển một số lượng lớn hành khách và hàng hóa thiết yếu, tạo điều kiện đi lại cho cán bộ và nhân dân hai miền Bắc - Nam. Không khí mua bán mỗi khi tàu đi và tàu về rất nhộn nhịp. Vào thời điểm này, hàng tiêu dùng được chuyển từ miền Nam ra là chủ yếu nên đã bổ sung một số hàng hóa tiêu dùng rất cần thiết cho nhân dân thành phố. Nhằm khắc phục tình trạng thiếu phương tiện vận tải, thành phố đã tích cực sửa chữa các phương tiện cũ và trang bị thêm đội sà lan, tàu kéo, tàu vận tải đường sông. Nhờ cố gắng này, năng lực vận tải được bổ sung 1.500 tấn.

Công ty Vận tải biển trực thuộc thành phố được thành lập đã góp phần vận chuyển hàng hóa và giao lưu buôn bán trong khu vực Đông Nam Á. Thành phố đã đẩy mạnh công tác xuất nhập khẩu, liên kết, liên doanh, chủ động tạo vốn để mua sắm thêm phương tiện vận tải. Thành phố đã mua sắm thêm các tàu: Hoa Phượng Đỏ, Sông Cấm. Đội tàu thuộc thành phố đã chuyên

chở hàng hóa xuất nhập khẩu của Hải Phòng đi các nước trong khu vực Đông Nam Á và tuyến Hải Phòng - Hồng Kông. Năm 1983, Công ty Vận tải biển Hải Phòng đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 11,5% về sản lượng và 23,9% về năng suất. Năm 1984, thành phố đã liên kết với tỉnh Bình - Trị - Thiên¹ mua thêm 2 tàu trọng tải 5.000 tấn mang tên Huế và Thành Tô. Nhờ có phương tiện vận tải tăng cường nên năng lực vận tải được nâng lên. Năm 1984, lượng hàng hóa do vận chuyển đã tăng gấp đôi so với năm 1983.

Hệ thống bến xe khách được sắp xếp lại hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân. Thành phố chuyển bến xe khách ở khu vực Vườn hoa xuống khu vực Nhà hát nhân dân, củng cố và kiện toàn bến xe Niệm Nghĩa, phát động phong trào xây dựng “Bến xe và tuyến xe kiểu mẫu”. Nhằm hạn chế tình trạng tuần vé ra ngoài cho con buôn, để giảm dần và đi đến chấm dứt tình trạng phe vé, công tác quản lý bến, điều vận xe được cải tiến. Tuy nhiên, việc vận chuyển hành khách đi các tỉnh phía Bắc, nhất là tuyến Hà Nội - Hải Phòng, vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu. Dù đã rất cố gắng, hằng ngày cũng mới chỉ có 16 chuyến ô tô hành khách từ Hải Phòng đi Hà Nội, trong khi đó, tàu hỏa thường đi chậm giờ và kéo dài thời gian. Năm 1985, do phương tiện xuống cấp, lại thiếu vật tư và phụ tùng thay thế nên vận chuyển hàng hóa và hành khách vẫn tiếp tục khó khăn, việc đi từ Hải Phòng lên Hà Nội cũng phải mất cả ngày. Khắc phục tình trạng mất cân đối về năng lực vận tải so với nhu cầu, thành phố đã tập trung các phương tiện, ưu tiên vận tải vật tư cho các công trình trọng điểm, vận chuyển than, phân hóa học và lương thực, nên năm 1985 đã đạt 117,6% kế hoạch về tấn/km.

1. Nay là các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

Hưởng ứng “Năm quốc tế thông tin liên lạc” (năm 1983), Bưu điện thành phố tăng cường công tác bảo vệ đường dây nên đã giảm được 59% số vụ cắt trộm dây điện thoại so với năm 1982 (136/332 vụ). Bưu điện đã mở thêm được tuyến xuất nhập khẩu bưu kiện với Hồng Kông, vượt 6% kế hoạch. Năm 1985, Bưu điện thành phố đã tiến hành cải tạo và xây dựng công trình thông tin trọng điểm; đưa 495/2.400 số máy của Tổng đài T4 vào hoạt động, giá trị tổng sản lượng vượt 109% kế hoạch. Tuy nhiên, trên thực tế, hệ thống thông tin liên lạc của thành phố còn rất hạn chế, máy điện thoại mới chỉ đáp ứng cho các cơ quan, xí nghiệp và một số phường, xã trong nội thành và ven nội thành. Các xã ở nông thôn và các vùng xa chưa có liên lạc bằng điện thoại, thông tin liên lạc chưa đáp ứng được nhu cầu. Trong khi đó, tình trạng mất cắp dây điện thoại vẫn thường xuyên xảy ra làm thông tin bị gián đoạn, gây không ít khó khăn cho việc liên lạc, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo thành phố, của các cấp, các ngành và nhu cầu liên lạc của nhân dân.

Trong những năm này, vốn đầu tư xây dựng cơ bản rất thấp, lại được cấp rất chậm và tình trạng thiếu vật liệu xây dựng, giá vật liệu xây dựng tiếp tục tăng. Thành phố đã có nhiều cố gắng trong việc buôn bán với các nước trong khu vực Đông Nam Á và Hồng Kông để tạo thêm nguồn vốn. Vì vậy, thành phố đã chủ động hơn trong việc thực hiện kế hoạch xây dựng cơ bản đề ra. Vốn đầu tư xây dựng năm 1983 là 430 triệu đồng, trong đó chỉ có 92 triệu đồng từ nguồn ngân sách do trung ương cấp. Thành phố đã tập trung đầu tư cho nhiều công trình thuộc lĩnh vực nông nghiệp, giao thông vận tải và dịch vụ xuất, nhập khẩu. Nhiều công trình thủy lợi phục vụ nông nghiệp đã được hoàn thành đúng thời hạn như cống Gia Minh, An Sơn (Thủy Nguyên), cống Chấn Hưng (Tiên Lãng), cống Tràng Cát, Đình Vũ (An Hải). Với nhiều công trình thủy lợi được xây dựng, hoàn thành và đưa vào

sử dụng, nên năm 1983, thành phố đã đưa thêm 2.800ha đất chua mặn vào sản xuất nông nghiệp. Cầu An Dương là cây cầu mới nối liền nội thành Hải Phòng với đường 5 và Hà Nội, được thiết kế và xây dựng từ nguồn vốn của thành phố, được khẩn trương thi công xây dựng. Một số đoạn của đường 10 thuộc địa phận Hải Phòng được sửa chữa và đường Đoạn Xá ra đảo Đình Vũ được làm mới. Thành phố cũng đã đầu tư xây dựng mới 7.000m² nhà ở để phân phối cho cán bộ, công nhân viên, góp phần giải quyết tình trạng căng thẳng về nhà ở. Cùng với việc xây mới diện tích nhà ở, ngành nhà đất và đô thị đã hoàn thành điều tra tình trạng nhà cửa ở 21/33 phường trong các quận nội thành, đồng thời điều chỉnh giá thuê nhà để có thêm vốn sửa chữa những ngôi nhà đã và đang xuống cấp nghiêm trọng. Với phương châm Nhà nước và thành phố cùng làm, thành phố và quận, huyện cùng làm, Hải Phòng đã đưa tổng mức đầu tư xây dựng lên con số kỷ lục: 700 triệu đồng. Năm 1985, tình hình vốn xây dựng cơ bản Nhà nước đầu tư cho Hải Phòng càng khó khăn hơn những năm trước, chỉ được đầu tư từ nguồn vốn trung ương cho xây dựng cơ bản là 8,4 triệu đồng. Số tiền đó không đủ để gắn vá, sửa chữa những công trình đã xuống cấp nghiêm trọng. Nhiều đoạn của quốc lộ 5 (đoạn ở Hải Phòng) và nhiều đường phố đã bị hư hỏng nặng, có nơi gây ách tắc giao thông. Để khắc phục tình trạng thiếu vốn này, thành phố đã tạo thêm nguồn vốn, đưa tổng mức đầu tư lên 157,5 triệu đồng.

Bằng nguồn vốn xây dựng tập trung này, thành phố đã đẩy nhanh tiến độ xây dựng, trên 50 công trình được hoàn thành đưa vào sử dụng, vượt chỉ tiêu Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố đề ra trước một năm. Trong thời gian này, thành phố đã đầu tư lớn, tiêu biểu là: công trình đào sông Cái Tráp để mở luồng vào cảng (giảm chi phí vận tải và tiện lợi cho vận tải thủy), xây dựng cụm công nghiệp Tam Quán, cụm Diêzen Đồ Sơn, dựng Tháp Truyền

hình, xây dựng nhà ga và mở rộng sân bay Cát Bi, hình thành tuyến đường bao phía Nam nội thành, đường xuyên đảo Đình Vũ - Cát Bà, nhà thi đấu thể thao, đập cống Cái Tắt, cầu An Dương, đường Tôn Đức Thắng (nối nội thành với đường 5, là những công trình lớn có ý nghĩa lâu dài về kinh tế cũng như mở rộng đô thị); nâng cấp nhiều cơ sở ở khu du lịch Đồ Sơn; di chuyển bến xe Vườn hoa và xây dựng tại đây quán Phong Lan (một trong những trung tâm thương mại quan trọng của thành phố trong thập niên 1980)... Các tuyến phố chính được cải tạo và mở rộng, như Trần Nguyên Hãn, Đà Nẵng, Tô Hiệu, Lán Bè, Quang Trung, Nguyễn Đức Cảnh, Trần Phú, cải tạo sông Lấp thành hồ Tam Bạc, chỉnh trang dải trung tâm; xây dựng thêm trên 1 vạn mét vuông nhà ở (khu Đồng Tâm và một số đơn nguyên 5 tầng ở khu tập thể Đồng Quốc Bình), sửa chữa, coi nổi nhiều hộ trong các khu tập thể cũ, tạo điều kiện giải quyết nhà ở cho cán bộ cách mạng lão thành, các gia đình có công với nước, cán bộ, công nhân viên. Công tác khảo sát, quy hoạch đô thị được đẩy mạnh nhằm mở rộng nội thành, xây thêm nhà ở cho nhân dân; nội thành đã có 87,15% nhà ngói, ngoại thành có 77,7% nhà ngói... Đây là những công trình có ý nghĩa lớn trong phát triển kinh tế - xã hội và tạo hướng phát triển mở rộng không gian đô thị.

Lĩnh vực phân phối, lưu thông, nội ngoại thương trong những năm 1983 - 1985 vẫn có những diễn biến hết sức phức tạp, giá cả tăng nhanh, mất ổn định về cung và cầu ngày càng lớn. Tuy nhiên, so với tình hình chung của cả nước thì đây là giai đoạn Hải Phòng có nhiều cách làm mới, có nhiều thành tựu, nên đã giảm bớt khó khăn cho cán bộ và nhân dân so với các tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Nguyên nhân chủ yếu, một phần do thiếu hàng hóa theo định lượng cung cấp cho nhân dân, một phần do chính sách “cấm chợ ngăn sông” gây nên. Do vậy, giá cả hàng hóa, vật tư tăng vọt. Những mặt hàng phân phối theo định lượng

tối thiểu vừa thiếu, vừa chậm về thời gian như gạo, vải, dụng cụ gia đình và các loại thực phẩm. Trong khi đó, thị trường “chợ đen” cũng khan hiếm lương thực, thực phẩm, do Nhà nước tập trung toàn bộ hàng hóa vào hệ thống thương nghiệp quốc doanh, từ mớ rau, quả cà cho tới những đồ dùng gia đình. Năm 1983, Hải Phòng tiếp tục mở rộng hệ thống thương nghiệp, tăng cường thu mua nông sản thực phẩm, thu hẹp thị trường tự do từ 51% xuống 48%. Năm 1984, thành phố tiếp tục tăng cường chỉ đạo công tác lưu thông, phân phối. Thực hiện nghị quyết của Trung ương, của Hội đồng Bộ trưởng và của Thành ủy Hải Phòng, Hội đồng nhân dân thành phố đã có hai kỳ họp chuyên bàn về phân phối, lưu thông nhằm nắm được hàng, được tiền. Công tác quản lý thị trường được đẩy mạnh nhằm chống buôn lậu, chống tuồn hàng từ Nhà nước ra tư thương. Hệ thống chợ và tư thương được sắp xếp lại theo hướng xoá dần, thu hẹp dần “chợ đen”. Hệ thống bán hàng từ thành phố đến cơ sở được tăng cường. Nhiều điểm bán hàng trong nội thành được xây dựng thêm và kiện toàn hệ thống hợp tác xã mua bán đến phường, xã, thôn và cụm dân cư. Lần đầu tiên, thành phố áp dụng hai giá thu mua: một giá theo quy định có tính nghĩa vụ về bán sản phẩm cho Nhà nước và một giá gần sát với thị trường tự do nhằm khuyến khích nhân dân tăng gia sản xuất để có thêm nguồn hàng. Nhờ có cơ chế hai giá và tăng cường thu mua, nên năm 1984, giá trị bán lẻ trong khu vực có tổ chức của Nhà nước đã tăng từ 51 lên 71% tổng giá trị bán lẻ. Mặt hàng theo quy định của Nhà nước về lương thực, thực phẩm và nhu yếu phẩm theo chế độ tem phiếu cơ bản đã được cung cấp đủ. Do mạnh dạn kinh doanh nên hệ thống thương nghiệp của Nhà nước đã được cải tạo về cơ sở vật chất, đã chủ động nắm được nguồn hàng. Nhiều cửa hàng công nghệ phẩm đạt doanh số khá như Cửa hàng bách hóa Ngã 5, Chợ Sắt, quán Phong Lan, Cửa hàng ăn 39 Đinh Tiên Hoàng, Khu du lịch Đồ Sơn, v.v.. Có

thể nói, hệ thống dịch vụ của thương nghiệp quốc doanh Hải Phòng trong năm 1984 đã thay đổi cả về số lượng, chất lượng. Thị trường hàng hóa đã có những thay đổi lớn và tạo ra sự sôi nổi sau nhiều năm sa sút. Hải Phòng cũng là một trong những địa phương đầu tiên trong cả nước áp dụng thử nghiệm thực hiện chế độ giá linh hoạt để chủ động tạo nguồn hàng, hạn chế sự chênh lệch giữa giá của mậu dịch nhà nước với giá của thị trường tự do. Từng bước ổn định lĩnh vực phân phối, lưu thông.

Hệ thống bán lẻ của thương nghiệp quốc doanh được mở rộng tới từng cụm dân cư, mỗi cụm dân cư đều có cửa hàng lương thực, thực phẩm, chất đốt và hàng công nghệ phẩm, cửa hàng rau, bán theo sổ và hộ khẩu của từng gia đình hoặc tem phiếu đã định lượng. Cùng với việc mở rộng thị trường bán lẻ của thương nghiệp quốc doanh là việc thu hẹp và sắp xếp lại thị trường bán lẻ của tư nhân. Nhờ có biện pháp này mà giá cả bán lẻ đã phần nào ổn định hơn trong điều kiện thiếu hàng hóa nghiêm trọng.

Ban quản lý thị trường từ thành phố đến quận, huyện đã tích cực chống buôn lậu, sắp xếp lại các hộ kinh doanh cá thể. Các trạm kiểm soát được tăng cường cả về số trạm lẫn số người. Trong năm 1984, thành phố đã chuyển 2.500 hộ tiểu thương sang dịch vụ sản xuất hoặc sang làm kinh tế phụ gia đình. Do đẩy mạnh công tác quản lý thị trường, nên lĩnh vực phân phối, lưu thông năm 1985 tiếp tục phát triển có nền nếp hơn. Năm 1985, đã có thêm 1.000 điểm bán hàng. Công tác thu mua được đẩy mạnh hơn với cơ chế hai giá nên các mặt hàng như thịt, cá, rau tươi, lương thực đều tăng. Riêng lương thực, thành phố huy động, thu mua vượt 18,3 ngàn tấn nên đã chủ động phân phối đủ định lượng lương thực cho cán bộ, công nhân viên và lực lượng vũ trang. Năm 1985, phát huy thành quả đã đạt được, thành phố đẩy mạnh công tác quản lý, lưu thông, phân phối trên cả ba khía cạnh: xây dựng, cải tạo và quản lý. Thành phố đã thành lập 832

tổ hợp tác xã tiểu thương trên cơ sở sắp xếp lại các hộ tiểu thương theo các ngành hàng và theo các địa bàn kinh doanh nhằm quản lý hàng và giá cả theo chỉ đạo chung của Nhà nước. Bên cạnh đó, thành phố đã khuyến khích nông dân đưa nông phẩm vào nội thành để bán.

Từ năm 1983, hoạt động xuất nhập khẩu của thành phố được mở rộng. Ngoài những mặt hàng xuất khẩu và gia công cho các nước Đông Âu, Liên Xô, các công ty du lịch, dịch vụ, ngoại thương của thành phố và các công ty của các quận, huyện đã tích cực tìm nguồn hàng, tăng sản xuất nên đã đưa tổng kim ngạch xuất khẩu năm 1983 tăng 35,8% so với kế hoạch và tăng 58% so với năm 1982. Dịch vụ xuất nhập khẩu của Hải Phòng với các tỉnh bạn được đẩy mạnh do Hải Phòng có lợi thế có đội tàu và cảng Cửa Cấm nên chủ động trong việc vận chuyển và bốc xếp hàng hóa. Giá trị xuất nhập khẩu đạt 11 triệu rúp - đôla. Nhờ có nguồn ngoại tệ này, thành phố đã chủ động nhập khẩu vật tư nông nghiệp, nhựa PVC, sợi ni lông, vải, góp phần giải quyết tình trạng thiếu nguyên liệu để sản xuất của một số cơ sở sản xuất. Tiếp tục phát huy lợi thế về vị trí địa lý, về phương tiện vận tải, Hải Phòng đẩy mạnh việc liên kết với các tỉnh bạn để xuất khẩu được liệu, sắt phế thải, tạo ra hoạt động xuất nhập khẩu nhộn nhịp. Nhờ có xuất khẩu tăng, nên năm 1983 thành phố đã giải quyết cơ bản được 9 mặt hàng định lượng như: gạo, chất đốt, cá, thịt, vải, xà phòng, nước chấm và giải quyết thêm cho mỗi người 2,5m vải. Những mặt hàng còn thiếu thì được trả chênh lệch bằng tiền là 150 đồng. Kim ngạch xuất khẩu năm 1984 tiếp tục tăng nhanh, vượt 19,2% so với năm 1983. Thành phố có điều kiện để mua thêm tàu biển cho Công ty Vận tải biển Hải Phòng và tiếp tục nhập thêm vật tư, hàng hóa, cung cấp cho nhu cầu phát triển kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân. Năm 1985, trong tình hình xuất khẩu của cả nước có khó khăn và đạt mức kế

hoạch thấp, Hải Phòng vẫn đạt 100,5% kế hoạch và đạt giá trị 14 triệu rúp - đôla. Với nguồn ngoại tệ này, Hải Phòng đã chủ động nhập 7,6 triệu rúp - đôla hàng hóa, vật tư thiết yếu như: nhựa đường, xi măng, phân đạm, nhựa PVC, linh kiện điện tử và nhập một số hàng để tái xuất khẩu.

Hoạt động tài chính - tiền tệ trong những năm 1983 - 1985 có nhiều biến động phức tạp. Tuy vậy, thành phố đã tổ chức và thực hiện tích cực việc thu thuế trên địa bàn, nên tổng mức thu trên địa bàn đạt 1.693.900.000 đồng (trong đó có 783.300.000 đồng do trung ương cấp bù giá). Tổng mức chi ngân sách đạt 1.670.000.000 đồng. Sau nhiều năm thiếu hụt ngân sách, lần đầu tiên thành phố có kết dư 24 triệu đồng và dự trữ tài chính 20 triệu đồng. Thành phố vận động nhân dân gửi tiền tiết kiệm, mua công trái xây dựng Tổ quốc. Đến cuối năm 1983, nhân dân đã gửi 224 triệu đồng tiết kiệm, đạt 108% kế hoạch, nhưng mua công trái chỉ đạt 14% chỉ tiêu trung ương giao. Như vậy, trong tình hình tài chính, tiền tệ có biến động, giá cả tăng nhanh, mất cân đối tiền hàng trầm trọng, chủ trương mua công trái chưa được nhân dân hưởng ứng. Năm 1984, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 3.526 triệu đồng, đạt 164% kế hoạch. Riêng ngân sách của địa phương đạt 1.831 triệu đồng. Chi ngân sách tới 2.070 triệu đồng, gấp hơn 2 lần so với mức chi ngân sách năm 1982. Việc quản lý tiền mặt, huy động vốn từ dân cư có nhiều tiến bộ. Số tiền gửi tiết kiệm tăng lên và vượt kế hoạch 30%. Thành phố tiếp tục đẩy mạnh vận động nhân dân tham gia mua công trái bảo vệ Tổ quốc, nhưng cũng chỉ đạt 57,4% kế hoạch do giá cả hàng hóa tăng với tốc độ phi mã, giá trị đồng tiền giảm sút nhanh chóng. Tuy nhiên, do thu ngân sách đạt khá và nhân dân gửi tiền tiết kiệm nhiều nên thành phố không bị khan hiếm tiền mặt, đã đảm bảo chi lương đúng kỳ cho cán bộ, công nhân viên. Trong tình hình cả nước có khó khăn về tài chính, tiền tệ mà thành phố đảm bảo bội

chi tiền mặt thấp, chi lương đúng kỳ hạn, là một thành công lớn. Điều đó chứng tỏ Hải Phòng đang trong thời kỳ phát triển năng động, là điểm sáng cho các tỉnh, thành phố (kể cả Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội) học tập. Năm 1985, mặc dù có những hoạt động lớn và đầu tư xây dựng cơ bản nhiều, nhưng tổng thu ngân sách trên địa bàn vẫn tiếp tục tăng, vẫn bội thu tiền mặt. Vì vậy, tiền đầu tư cho xây dựng cơ bản và các hoạt động của thành phố tiếp tục được đảm bảo. Hoạt động tiền tệ, tài chính sôi động hơn. Thành phố đã mạnh dạn vay tiền của nhân dân (ngoài kế hoạch mua công trái và gửi tiền tiết kiệm) với lãi suất thỏa thuận ở mức thỏa đáng. Đây là nét đặc biệt của Hải Phòng. Nhờ chủ trương này, thành phố đã huy động được một số vốn lớn để đầu tư cho xây dựng cơ bản, nhất là hệ thống kết cấu hạ tầng như đường, ngõ ở xã, phường trong nội thành, hệ thống nhà vệ sinh công cộng. Chủ trương xóa nhà vệ sinh thùng, cải thiện môi trường sống cho các khu dân cư đã được nhân dân tích cực tham gia và ủng hộ. Nhờ chủ trương này, vệ sinh đô thị có chuyển biến lớn và góp phần tích cực vào việc phòng các bệnh dịch, nhất là vào các tháng mùa hè. Diện mạo của nhiều xóm ngõ đã khang trang hơn. Lần đầu tiên sau nhiều năm, nhiều ngõ bị lầy lội đã được cải tạo. Tuy phải chi nhiều nhưng do có nguồn thu khá (chủ yếu từ thuế xuất, nhập khẩu và hoạt động xuất khẩu), nên năm 1985, thành phố vẫn tiếp tục có kết dư ngân sách và là một trong số các địa phương dẫn đầu cả nước về thu chi ngân sách. Hải Phòng thực sự là điểm sáng tiêu biểu của hoạt động kinh tế của cả nước trong thời gian này.

Năm 1985, Chính phủ triển khai thực hiện cải cách giá, lương, tiền. Đây là một chủ trương lớn nhằm ổn định tình hình giá cả và nâng giá trị của đồng lương, ổn định giá trị của đồng tiền. Chủ trương này lúc đầu có kết quả nhất định, có ý nghĩa nâng cao mức sống của người làm công ăn lương, nhưng sau khi

đổi tiền (tháng 9/1985) đã bộc lộ những bất cập do đi sai quy luật kinh tế, đã làm mất cân đối về tiền - hàng, về cung - cầu và giữa sản xuất và tiêu dùng, vốn đã rất nghiêm trọng nay càng trầm trọng. Chủ trương này còn gây hậu quả nghiêm trọng hơn vào những năm tiếp theo.

Trong công tác xây dựng và củng cố chính quyền, thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng cấp huyện thành cấp kế hoạch, thành phố đã kiện toàn, thành lập một số phòng, ban chuyên môn và các công ty trực thuộc huyện, như Công ty Lương thực huyện, Xí nghiệp Thủy sản, Ban Quản lý công trình, Ban Kinh tế mới, Công ty Bảo hiểm nông nghiệp... Đối với các quận nội thành, lãnh đạo thành phố tập trung lấy đơn vị phường làm trọng điểm, củng cố chính quyền phường thành đơn vị hành chính có đủ chức năng quản lý trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở cơ sở. Các hoạt động của thành phố được triển khai đồng bộ từ cụm dân cư, từng phường với phương châm “Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý từ cơ sở”. Phường là cấp quản lý trực tiếp cơ sở cũng được quan tâm. Ngoài bộ máy của phường đã được kiện toàn và tăng cường, thành phố còn đưa về phường một tổ công tác, do một cán bộ lãnh đạo cấp ngành làm tổ trưởng. Thành viên tổ công tác là cán bộ, đảng viên của các ban ngành của thành phố. Đây là một chủ trương lớn nhằm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TU của Thành ủy về “Xây dựng và tăng cường cấp phường”. Nhiều hoạt động ở phường được đẩy mạnh. Hằng tuần, hằng tháng có giao ban của tổ công tác phường với lãnh đạo thành phố, nên những ách tắc theo hệ thống quản lý hành chính thông thường được phản ánh kịp thời lên cấp cao nhất. Nhiều ách tắc ở cơ sở được giải quyết nhanh chóng. Người dân có điều kiện phát huy quyền làm chủ của mình. Năm 1984, công tác thanh tra, kiểm tra được đẩy mạnh, các huyện đã xúc tiến thành lập trọng tài

kinh tế. Các đơn, thư khiếu tố của nhân dân được giải quyết tốt hơn năm 1983.

Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách của Nhà nước được đẩy mạnh. Thành phố chú trọng bồi dưỡng cán bộ tư pháp ở cơ sở, thành lập 1.042 tổ hòa giải ở phường, xã. Công tác thanh tra được quan tâm trên cơ sở phát huy mối quan hệ chặt chẽ giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể từ cơ sở, cơ quan, xí nghiệp, nên nhiều thắc mắc, đơn, thư được giải quyết ngay tại cơ sở. Vì thế, năm 1983, đã giải quyết được 1.315/1.576 đơn khiếu tố của nhân dân. Các cấp chính quyền và cơ quan chức năng của thành phố đã duy trì lịch tiếp dân, trả lời những thắc mắc của nhân dân, giải quyết tranh chấp trong các hợp đồng kinh tế. Thành phố đã thanh tra 284 trường hợp tranh chấp kinh tế, trong đó xử lý 71 vụ vi phạm hợp đồng kinh tế. Năm 1984, Hải Phòng triển khai thực hiện Nghị định số 152/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về mô hình quản lý nhà nước nhằm phân định rõ hơn chức năng quản lý nhà nước, tự chủ về sản xuất kinh doanh; xây dựng tiêu chuẩn, chức danh giám đốc, quyền hạn của giám đốc; thử nghiệm việc bầu giám đốc ở một số xí nghiệp. Tại Xí nghiệp Hóa chất Sông Cấm, lần đầu tiên thành phố áp dụng việc cử giám đốc trên cơ sở “thi” và phiếu tín nhiệm chức danh giám đốc của cán bộ, công nhân viên. Ủy ban Xây dựng cơ bản được thành lập đảm nhiệm chức năng quản lý xây dựng, đất đai trong thành phố. Thành lập Chi cục Bảo vệ thú y, Chi cục Bảo vệ thực vật (thuộc Sở Công nghiệp). Các công ty vệ sinh của quận được sáp nhập vào Công ty Vệ sinh của thành phố. Thành phố thành lập Hội đồng Vật giá, quy định giá cả trong từng tháng, từng quý đối với từng loại vật tư, hàng hóa trên thị trường trên cơ sở giá quy định của Ủy ban Vật giá nhà nước. Hội đồng Lịch sử trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố được thành lập để tiến hành nghiên cứu lịch sử phát triển của thành phố.

Ngày 21/4/1985, Hải Phòng tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân thành phố, kiện toàn các ban của thành phố. Hội đồng nhân dân thành phố đã tiến hành 3 kỳ họp, bàn về việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW (khóa V) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 38-NQ/TU của Thành ủy về cải cách giá - lương - tiền, coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm của thành phố năm 1985. Bộ máy quản lý của các ngành thương nghiệp, du lịch, liên hiệp hợp tác xã mua bán, lương thực, nhà đất, giao thông vận tải được sắp xếp lại. Nhờ có đợt sắp xếp này nên đã giảm được 900 chỉ tiêu biên chế trong bộ máy.

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, những năm 1983 - 1985, lực lượng vũ trang địa phương tiếp tục thực hiện phương châm “Làm giàu - đánh thắng”, phối hợp kinh tế với quốc phòng. Thành phố đã huy động lực lượng quân đội tham gia hoạt động kinh tế, đồng thời duy trì chế độ tập luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng các tuyến phòng thủ ở vùng ven biển và các địa bàn trọng yếu. Năm 1984, thành phố đã huy động một lực lượng lớn của quân đội vào thực hiện các công trình trọng điểm của địa phương, tăng cường tuần tra bảo vệ vùng trời, vùng biển của Tổ quốc, đã ngăn chặn kịp thời những vụ xâm nhập trái phép của tàu thuyền Trung Quốc vào lãnh hải Việt Nam. Đặc biệt, có phong trào vận động gửi quà cho các chiến sĩ đang làm nhiệm vụ ở quần đảo Trường Sa, vận động nhân dân chi viện, gửi quà thăm hỏi các chiến sĩ ở biên giới và hải đảo. Để động viên các chiến sĩ đang làm nhiệm vụ, thành phố đã ban hành quy định tạm thời về chế độ đối với gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội, gia đình có công với cách mạng.

Thành phố đã đảm bảo chỉ tiêu tuyển quân đúng số lượng, chất lượng, đảm bảo các chế độ, chính sách cho bộ đội. Công tác huấn luyện được duy trì. Nhiều công trình quan trọng về kinh tế như kênh Cái Tráp, kênh Trấn Dương, được lực lượng quân sự

thành phố tham gia và hoàn thành. Thành phố đã chi viện kịp thời cho Quảng Ninh xây dựng một số công trình phòng thủ biên giới. Chính sách hậu phương quân đội được quan tâm, đã góp phần giải quyết bớt khó khăn cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội và gia đình có công với cách mạng. Công tác khen thưởng cho các cá nhân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đã hoàn thành về cơ bản, góp phần động viên tinh thần của các chiến sĩ đang làm nhiệm vụ ở biên giới, hải đảo và những người có công trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc.

Trong giai đoạn này, tình hình an ninh, trật an toàn xã hội ở Hải Phòng có nhiều diễn biến phức tạp. Thành phố là cửa ngõ giao thương với thế giới nên trong những năm này không chỉ có một bộ phận người Hải Phòng vượt biên trái phép, trốn đi nước ngoài, mà đây còn là một trong những điểm tập kết, móc nối của những kẻ trốn đi nước ngoài của các tỉnh phía Bắc. Vì vậy, công tác trật tự an ninh của Hải Phòng không chỉ có ý nghĩa riêng với thành phố mà còn góp phần giữ vững an ninh trật tự, chủ quyền quốc gia cho cả nước. Nhiều tên tội phạm, lưu manh, trộm cắp chuyên nghiệp tụ tập về Hải Phòng đã bị bắt giữ; nhiều vụ trấn lột bằng vũ khí được làm rõ và xử lý công khai, nghiêm minh, nên có tác dụng răn đe, ngăn chặn kẻ khác gây rối. Lực lượng an ninh thành phố có chuyển biến tích cực trong việc rèn luyện cán bộ, chiến sĩ. Cuộc vận động làm trong sạch đội ngũ công an được đẩy mạnh. Những vụ vượt biên trốn đi nước ngoài thường bị phát hiện sớm và ngăn chặn kịp thời. Số vụ trốn đi nước ngoài đã giảm 30% (51/73 vụ so với năm 1982). Tệ nạn trộm cắp cũng giảm 13,3% (814 so với 938 vụ năm 1982). Đặc biệt, công an đã trấn áp và bắt giữ 2.972 tội phạm nguy hiểm. Năm 1984, thành phố tiếp tục vận động đẩy mạnh phong trào an ninh bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa từ cơ sở, đã xây dựng các tổ an ninh

nhân dân và bồi dưỡng nghiệp vụ cho tổ trưởng, tổ phó an ninh nhân dân. Nhờ có mạng lưới an ninh cơ sở này, nhiều vụ việc được phát hiện sớm, ngăn chặn kịp thời, hạn chế được hậu quả nghiêm trọng. Thành phố đã tiến hành đợt kiểm tra và thu hồi vũ khí sử dụng trái phép. Đây là một trong những biện pháp chủ động, tích cực trong công tác ngăn ngừa tội phạm, làm cho tình hình trật tự trị an có nhiều tiến bộ. Số vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và phạm pháp hình sự giảm 30%; 1.500 đối tượng phạm pháp qua cải tạo đã được giải quyết việc làm. Cùng với những hoạt động này, các cấp, các ngành còn đẩy mạnh hoạt động bài trừ 6 tệ nạn xã hội (gái mại dâm, nghiện hút, ăn mày ăn xin, cờ bạc, v.v.) và coi đây là một trong những hoạt động trọng điểm được nhân dân quan tâm hưởng ứng. Số người lang thang, đi ăn xin, tệ cờ bạc, số đề, nghiện hút và nấu rượu lậu đã giảm hẳn. Gái mại dâm được đưa về Trại 39 để cải tạo và phục hồi nhân phẩm, được bố trí công ăn việc làm sau khi đã giáo dưỡng. Năm 1985, lực lượng công an đã ngăn chặn kịp thời các hoạt động gây rối trật tự trị an, triệt phá các ổ trộm cắp, truyền bá tư tưởng phản động. Công an thành phố đã bắt giữ 2.345 tội phạm hình sự, trong đó khám phá 23 vụ giết người bằng vũ khí. Thông qua công tác nắm hộ gia đình, nắm người từ cơ sở, đã triệt phá nhiều ổ cướp nguy hiểm và tập trung cải tạo hàng trăm đối tượng trộm, cướp.

Giải quyết chính sách xã hội, việc làm luôn là những vấn đề lớn và nan giải của tất cả các quốc gia, nhất là đối với nước ta, vừa ra khỏi cuộc chiến tranh lâu dài, với hậu quả chiến tranh rất nặng nề, không chỉ là công việc của vài năm mà là công việc lâu dài của toàn Đảng, toàn dân. Trong năm 1983, thành phố đã tuyển dụng 1.850 lao động, đưa 441 người đi lao động ở các nước xã hội chủ nghĩa; huy động 3.370.700 ngày công lao động công ích cho các công trình trọng điểm. Chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sĩ, người có

công với cách mạng, được thành phố quan tâm giải quyết. Việc thực hiện tri ân, khen thưởng đối với những người có công tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được triển khai thí điểm ở một số cơ quan, đơn vị để nhân rộng ra toàn thành phố. Năm 1984, Hải Phòng đã giải quyết cho 3 vạn lao động có việc làm (chiếm 2/3 số người đến tuổi lao động ở nội thành) và huy động 3,6 triệu ngày công nghĩa vụ dưới hình thức đóng tiền (3 triệu đồng) để tập trung thi công các công trình trọng điểm. Việc tuyển chọn lực lượng đi lao động ở các nước xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh, ưu tiên giải quyết cho con em thuộc diện chính sách (gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội). Thành phố quy định chính sách tạm thời đối với gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội như ưu tiên tuyển dụng lao động, ưu tiên giao khoán ruộng ở những nơi thuận lợi cho việc canh tác. Năm 1985, thành phố giải quyết được 2 vạn người có chỗ làm việc và chuyển 2.100 lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới. Tuy nhiên, so với số người đến tuổi lao động thì số lượng giải quyết việc làm còn thấp. Tình trạng thừa lao động ngày càng nhiều, không chỉ ở nội thành mà cả ở các huyện ngoại thành. Cùng với việc hoàn thiện cơ chế khoán trong sản xuất nông nghiệp, một loạt cơ sở văn hóa và dịch vụ công cộng ở nông thôn, vốn được bao cấp từ các hợp tác xã trước đây, đang đứng trước nguy cơ tàn lụi như thư viện xã, nhà văn hóa xã, nhà văn hóa huyện. Rõ ràng, khi kinh tế và cơ chế quản lý trong nông nghiệp thay đổi sẽ kéo theo những thay đổi khác về xã hội. Đây là điều cần phải xem xét, giải quyết cho phù hợp với cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp và ở nông thôn.

Văn hóa - thông tin, phát thanh, truyền hình trong những năm 1983 - 1985 đã có nhiều hoạt động sôi nổi, bám sát vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tất cả 5 đoàn nghệ thuật của thành phố liên tục công diễn tại thành phố và đi các tỉnh bạn. Hệ thống

nhà truyền thống được xúc tiến xây dựng ở các quận, huyện, phường, xã và cả các cơ quan, xí nghiệp. Hệ thống thư viện được xây dựng tới các hợp tác xã. Ở cấp phường, xã có phong trào xây dựng trạm tin, có đội văn nghệ, đội tuyên truyền xung kích. Có thể nói, đây là giai đoạn hoạt động sôi nổi của văn hóa cơ sở. Nhà văn hóa xã, nhà văn hóa quận, huyện bước đầu hoạt động có hiệu quả. Tuy nhiên, nội dung hoạt động và kinh phí để duy trì hoạt động còn gặp khó khăn. Nhiều nhà văn hóa huyện được xây dựng với quy mô lớn, như: Kiến Thụy, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Thủy Nguyên, gặp khó khăn trong hoạt động vì thiếu kinh phí và thiếu cán bộ chuyên môn. Thành phố duy trì đều đặn các đợt tổ chức triển lãm nhân những ngày lễ lớn và tham gia các đợt triển lãm ở Giảng Võ, Văn Hồ (Hà Nội). Đặc biệt, trong đợt kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng Hải Phòng, hoạt động văn hóa, thể thao được đẩy mạnh. Các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, về đất nước được tổ chức thường xuyên. Triển lãm thành tựu kinh tế - kỹ thuật của thành phố sau 30 năm giải phóng được tổ chức với quy mô lớn nhất từ trước tới nay. Tuy nhiên, các đợt triển lãm chỉ trưng bày, giới thiệu sản phẩm, không tổ chức mua bán và ký kết hợp đồng kinh tế, nên không có tác dụng kích thích sản xuất, trái lại gây tổn kém không ít cho cơ sở sản xuất và các cấp, các ngành.

Ngành văn hóa - thông tin tích cực vận động xây dựng con người mới, nếp sống mới, xoá bỏ mê tín dị đoan. Hằng năm, thành phố tập trung số thầy bói, thầy cúng, thầy tướng số, tổ chức cho họ học tập nội dung về xây dựng nếp sống mới, con người mới và yêu cầu từ bỏ hành nghề mê tín dị đoan. Sau đợt kiểm kê di tích toàn thành phố năm 1975, thành phố chủ trương xây dựng hợp tác xã toàn xã và vận động nhân dân chỉ nên để ở mỗi xã một chùa, một đình. Do thiếu nguyên vật liệu và do chưa nhận thức đầy đủ về giá trị văn hóa của các công trình kiến trúc cổ đã bị xuống cấp nghiêm trọng, nên nhiều nơi đã tháo dỡ các công

trình này để làm nhà kho, trụ sở hợp tác xã. Vật liệu tháo dỡ tận dụng không được bao nhiêu, trái lại đã làm mất đi nhiều công trình kiến trúc nghệ thuật, nhiều tác phẩm nghệ thuật như các bản chạm khắc, các pho tượng có giá trị lịch sử - văn hóa. Lễ hội truyền thống không được tổ chức, hoạt động văn hóa mới chưa đủ sức thay thế hoạt động văn hóa truyền thống. Đây là sự yếu kém về nhận thức đối với di sản văn hóa truyền thống, không chỉ mang tính cá biệt của Hải Phòng mà còn mang tính toàn cục của cả nước vào thời gian này.

Đài Phát thanh - Truyền hình Hải Phòng đã tích cực mở rộng mạng lưới truyền thanh công cộng đến cơ sở. Ở các phường, xã đều có các trạm truyền thanh. Đài truyền hình được khẩn trương xây dựng để đưa vào hoạt động. Nhờ hệ thống truyền thanh này, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và sự chỉ đạo điều hành của các cấp bộ đảng, chính quyền được nhanh chóng, thuận lợi hơn. Nhân dân được tiếp nhận thông tin nhanh hơn trong điều kiện còn khó khăn về cơ sở vật chất và phương tiện.

Những năm 1983 - 1985, hoạt động thể dục, thể thao của thành phố được đẩy mạnh. Hải Phòng là một trung tâm thể thao mạnh của cả nước. Thể thao thành tích cao của Hải Phòng có nhiều khởi sắc, đặc biệt trong môn bóng đá. Thành phố đã có nhiều đội bóng đá như: Cảng Hải Phòng, Công an Hải Phòng, Điện lực Hải Phòng, Xi măng Hải Phòng. Hải Phòng luôn dẫn đầu thành tích bơi lội của cả nước. Huyện Thủy Nguyên có phong trào thể dục, thể thao mạnh, tiêu biểu là phong trào bơi lội. Năm 1983, Thủy Nguyên được công nhận là huyện tiên tiến về thể thao trong cả nước. Các môn bóng bàn, bắn súng, điền kinh, vật (tự do và quốc tế) cũng đạt thành tích cao. Các hoạt động thể thao như Hội khoẻ Phù Đổng, đại hội thể dục thể thao đã được tổ chức chu đáo, đạt kết quả tốt. Thành phố đã phối hợp tổ chức

thành công Giải bóng đá quân đội các nước xã hội chủ nghĩa (SKDA) năm 1984, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp cho bầu bạn quốc tế.

Trong những năm 1983 - 1985, lĩnh vực giáo dục - đào tạo của thành phố nhìn chung vẫn phát triển ổn định. Ngành giáo dục tích cực thực hiện chương trình cải cách giáo dục, quy mô giáo dục tiếp tục tăng nhanh do dân số vẫn phát triển với tỷ lệ tương đối cao. Tình trạng trường, lớp, trang thiết bị, đồ dùng giảng dạy thiếu và xuống cấp so với nhu cầu học tập của người dân vẫn diễn ra. Đời sống của giáo viên nhìn chung rất khó khăn, nhiều người không muốn học sư phạm để làm giáo viên. Tuy nhiên, Hải Phòng đã có hệ thống trường lớp tương đối quy củ từ mẫu giáo, mầm non, cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Trong năm 1984 - 1985, mô hình trường - phường - hợp tác xã - xí nghiệp dần đi vào nền nếp; giáo dục hướng nghiệp đi vào chiều sâu hơn. Quy mô, số lượng trường lớp ở các nhà trẻ tăng hơn trước. Có tới 50% số cháu đến độ tuổi đi nhà trẻ, mẫu giáo (đây được coi là đỉnh cao của ngành học mầm non). Nhiều cơ quan, xí nghiệp tổ chức nhà trẻ, mẫu giáo đã góp phần giải quyết bớt khó khăn cho cán bộ, công nhân viên có con nhỏ.

Thành phố khuyến khích mô hình liên kết trường - phường - xí nghiệp - hợp tác xã trong việc hướng nghiệp kỹ thuật và dạy nghề cho học sinh phổ thông. Cũng trong thời gian này, có nhiều trường trung học phổ thông, dưới hình thức vừa học vừa kết hợp với lao động sản xuất, được hình thành như: Trường vừa học vừa làm Nguyễn Đức Cảnh, Trần Hưng Đạo, Phổ thông công nghiệp Hồng Bàng. Hệ thống trường dạy nghề được củng cố và mở rộng như Trường Trung học xây dựng, Trường Dạy nghề thủy sản, Trường Công nhân cơ điện, Trường Lái xe, Trường Trung học y tế. Ngoài hệ thống trên, trong các xí nghiệp lớn đều có trường dạy nghề như Trường Công nhân kỹ thuật cảng, Trường Dạy nghề

của Nhà máy Đóng tàu Bạch Đằng, Cơ khí Kiến Thiết, Nhà máy Toa xe Hải Phòng. Các trường này đã chủ động đào tạo nghề cho nhiều học sinh khi đã tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông, bổ sung vào đội ngũ lao động có kỹ thuật ngày càng tăng của thành phố.

Bên cạnh đó, hệ thống trường bổ túc văn hóa của thành phố vẫn được duy trì và phát triển. Loại hình trường này đã thu hút tới 59% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở nhưng không học trung học phổ thông. Với việc ra đời và hoạt động của Trường Đại học tại chức, trong thời gian này, nhiều cán bộ của thành phố đã được đào tạo và bồi dưỡng.

Hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong các năm 1983 - 1985 được quan tâm và đẩy mạnh. Trong những năm này, Hải Phòng không có dịch bệnh xảy ra. Các phường, xã, cơ quan, xí nghiệp đều có trạm xá, bệnh xá, y tế cơ quan. Bệnh viện Việt - Tiệp, Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện Kiến An... đảm bảo chất lượng chăm sóc và chữa bệnh tốt. Bệnh viện Việt - Tiệp là bệnh viện tiêu biểu về chất lượng khám chữa bệnh và quản lý, là điển hình của cả nước trong nhiều năm, có nhiều bác sĩ giỏi và cán bộ chuyên môn đầu ngành y tế của cả nước. Tinh thần, thái độ phục vụ bệnh nhân ở các bệnh viện của Hải Phòng đạt loại khá so với tình hình chung của cả nước. Tuy nhiên, do chế độ chữa bệnh không mất tiền, trong lúc ngân sách nhà nước chi cho lĩnh vực này còn hạn chế, nên việc đổi mới trang thiết bị khám, chữa bệnh, xây sửa thêm cơ sở vật chất gần như không có. Từ thực trạng trên, các bệnh viện ở trong tình trạng thiếu trang thiết bị và ngày càng quá tải so với nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân. Trong điều kiện còn rất khó khăn, nhưng ngành y tế vẫn ngăn chặn được, không để xảy ra bệnh dịch, là do có hệ thống y tế cơ sở tương đối hoàn chỉnh từ xã, phường, cơ quan, xí

nghiệp. Trong những thôn đông dân, vẫn duy trì được đội ngũ y sĩ, y tá khám và chữa bệnh thông thường. Mặt khác, ở Hải Phòng còn có Bệnh viện Hải quân, Bệnh viện Quân y 7 của Quân khu 3. Phương thức quân dân y kết hợp vốn có truyền thống từ thời kỳ chiến tranh vẫn tiếp tục phát huy tác dụng. Do vậy, số bệnh nhân ngoài lực lượng vũ trang vẫn được khám, chữa bệnh ở các bệnh viện quân đội với số lượng lớn, đã góp phần giảm đáng kể áp lực về số lượng bệnh nhân đối với các bệnh viện của thành phố. Ngoài hệ thống bệnh viện tây y, Hải Phòng còn có hệ thống bệnh viện y học dân tộc, phòng mạch của các lương y chữa bệnh bằng thuốc bắc, thuốc nam khá phát triển. Ngoài ra, hệ thống các cửa hàng tân dược được bố trí trong các quận nội thành, thị xã, thị trấn và một số cụm xã, đã giúp cho người dân mua thuốc chữa bệnh tương đối thuận lợi. Ngoài Công ty Dược, Hải Phòng còn có Công ty Dược phẩm 3 và Công ty Giao nhận hàng y tế của Bộ Y tế, cũng có nhiều đóng góp trong việc phân phối, cung cấp thuốc cho người dân.

Về công tác đối ngoại, du lịch, trong các năm 1983 - 1985, thành phố đẩy mạnh công tác đối ngoại và phát triển du lịch, trong đó đặc biệt chú trọng tới việc hợp tác, giúp đỡ giữa Hải Phòng và thành phố Vladivôxtôc của vùng Viễn Đông, Liên Xô và thành phố Côngpôngxôm của Campuchia. Phân hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia ra đời và hoạt động đã góp phần củng cố quan hệ giữa hai nước. Các hoạt động kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, kỷ niệm ngày ký kết Hiệp ước hữu nghị hợp tác Việt - Xô được tổ chức trọng thể. Hằng năm, thành phố cử các đoàn cán bộ và thiếu nhi đi thăm, tham gia các hoạt động ở thành phố Vladivôxtôc.

Thực hiện quyết định của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập rừng quốc gia Cát Bà, nhiều hội nghị khoa học đánh giá tiềm

năng khoa học, tiềm năng sinh thái phục vụ du lịch, được tổ chức. Cùng với các hoạt động này, Hải Phòng cũng đã tổ chức nhiều đợt khảo sát để lập kế hoạch phát triển du lịch trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, do chính sách bao vây, cấm vận của Mỹ nên khách du lịch nước ngoài đến Hải Phòng nói riêng và Việt Nam nói chung còn rất ít. Phần lớn người nước ngoài đến Việt Nam thường là chuyên gia trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội và chủ yếu là từ các nước xã hội chủ nghĩa. Ở Hải Phòng lúc này, ngoài Lãnh sự quán Liên Xô, còn có đại diện Hàng hải Ba Lan, đại diện Hàng hải Cộng hòa Dân chủ Đức hoạt động. Một số cơ sở kinh tế, bệnh viện do các nước giúp đỡ vẫn thường xuyên có quan hệ hợp tác và trao đổi cán bộ, viện trợ thêm trang thiết bị. Điển hình là Tiệp Khắc giúp đỡ Bệnh viện Việt - Tiệp và chuẩn bị xúc tiến xây dựng Nhà văn hóa công nhân. Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức cũng xúc tiến viện trợ cho Hải Phòng xây dựng Bệnh viện Nhi.

Tuy vậy, nhìn chung hoạt động đối ngoại của thành phố mới chỉ xoay quanh quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa. Vì thế, ngành Du lịch vẫn trong tình trạng bế tắc vì có rất ít khách du lịch vào Việt Nam. Nguyên nhân chủ yếu là do chính sách bao vây, cấm vận của Mỹ, ngoài ra còn do hệ thống kiểm duyệt và thủ tục hải quan còn chặt chẽ, phiền hà. Hoạt động hải quan ở thành phố rất sôi động, một phần do toàn bộ hàng hóa xuất nhập khẩu của các tỉnh phía Bắc chủ yếu qua cảng Hải Phòng, phần khác do số lao động Việt Nam ở các nước xã hội chủ nghĩa gửi hàng qua cảng, kết hợp với việc đi lại buôn bán của các công ty tàu biển của trung ương đóng trên địa bàn thành phố và Công ty Vận tải biển Hải Phòng. Có thể nói, Hải Phòng lúc này là “thủ đô” của hàng cũ được nhập hoặc được các thuyền viên tàu biển viễn dương mua về. Với những hoạt động này, tình hình thương mại của thành phố sôi động hơn hẳn các tỉnh, thành phố khác trong cả nước.

Hải Phòng thời gian này thực sự là một trung tâm kinh tế năng động, trở thành niềm tự hào của người dân thành phố.

Công tác vận động quần chúng được tiến hành trong điều kiện kinh tế - xã hội của Hải Phòng có những khởi sắc. Từ những thay đổi về kinh tế - xã hội, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã đổi mới hoạt động, cùng với cấp ủy đảng và chính quyền tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý. Trong thời gian này, các tổ chức chính trị - xã hội đều đổi mới phương thức hoạt động, hướng về cơ sở, mở rộng phong trào thi đua từ cơ sở. Các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân tập thể đều có những chương trình của ngành mình, giới mình. Mặt trận tăng cường các hoạt động cụ thể như chăm sóc tuổi già, phát triển hội bảo thọ, tổ hòa giải và tổ chức các đám hiếu, hỷ theo hướng nếp sống mới. Hội Phụ nữ từ thành phố đến cơ sở được củng cố, có nhiều hoạt động thiết thực và phong phú trong việc động viên nhân dân vệ sinh xóm ngõ, vận động ủng hộ các gia đình bộ đội, vận động đóng góp quà tặng các chiến sĩ đang làm nhiệm vụ ở biên giới, hải đảo, vận động gửi tiền tiết kiệm, mua công trái xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tham gia các tổ hòa giải trong khu dân cư. Đoàn Thanh niên có những hoạt động sôi nổi về văn hóa, thể thao, vệ sinh xóm ngõ; quản lý và hướng dẫn các hoạt động hè cho thiếu nhi, tổ chức hoạt động vui chơi giải trí ở cơ sở. Tổng đội Thanh niên xung phong tham gia các công trình kinh tế trọng điểm như đắp đê đường 14, đắp đường bao phía nam thành phố, tham gia lực lượng tự vệ cơ sở và sẵn sàng làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Các đoàn thể chính trị - xã hội đã cùng với cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ công tác do thành phố cử, phối hợp hoạt động chặt chẽ, tạo nên phong trào sâu rộng trong quần chúng nhân dân, động viên toàn dân tham gia thực hiện các chủ trương của

Đảng, Nhà nước và thành phố. Chính vì thế, trong những năm này, Hải Phòng có sự phát triển khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Tuy hệ thống chính trị từ thành phố đến quận, huyện, xã, phường, thị trấn đã được củng cố, nhưng nhìn chung còn công kênh, chồng chéo, chức năng chưa rõ ràng. Việc phân định chức năng lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý nhà nước của chính quyền, quyền làm chủ của nhân dân, quyền động viên, giám sát của các tổ chức quần chúng, chưa được phát huy đúng mức. Có nơi, có lúc, tình trạng bao biện, làm thay còn khá phổ biến. Tuy nhiên, với chủ trương khoán sản phẩm trong nông nghiệp và kinh doanh xã hội chủ nghĩa trong các cơ sở kinh tế thì các chức năng và vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước của chính quyền được nâng cao. Nhưng do những thay đổi về cơ chế quản lý, việc xây dựng cấp huyện thành cấp kế hoạch hoàn chỉnh và tăng cường quyền hạn cho xã, phường trong thời gian ngắn đã tạo ra khoảng cách ngày càng lớn giữa năng lực cán bộ và yêu cầu quản lý. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho cấp huyện, cấp cơ sở phường, xã chưa theo kịp với đòi hỏi của tình hình. Mặt khác, do cơ chế khoán trong nông nghiệp, diện mạo nông nghiệp, nông thôn có những thay đổi lớn. Thu nhập của từng hộ nông dân có tăng lên nhưng lại tạo ra những bất hợp lý đối với những gia đình chính sách do thiếu lao động. Các thiết chế về đời sống văn hóa cơ sở như thư viện, phòng truyền thống, đội văn nghệ hoặc liên quan đến sản xuất là hệ thống kênh mương nội đồng, bờ vùng, bờ thửa, sân kho, trại chăn nuôi, vốn là thành tựu một thời của hợp tác xã quy mô thôn và quy mô xã, nay đang đứng trước nguy cơ tàn lụi, chưa có điều kiện kinh tế và nhân lực để duy trì và phát triển. Việc khoán đến hộ và người lao động chưa có cơ chế quản lý phù hợp, nên có nơi, có lúc dẫn đến tình trạng “khoán trắng”.

Cùng với việc đẩy mạnh kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thành phố đã mạnh dạn đề nghị Trung ương cho phép xóa dần cơ chế hai giá. Đây là bước đột phá rất quan trọng của Hải Phòng trong thời điểm này. Người lao động hưởng lương đã chủ động hơn trong việc sử dụng đồng lương của mình. Nhưng do mất cân đối nghiêm trọng về cung và cầu, nên giá cả cứ leo thang, dẫn tới giá trị đồng lương giảm dần. Đời sống của người lao động hưởng lương và lực lượng vũ trang vẫn tiếp tục khó khăn. Từ thực trạng trên, đòi hỏi cần có sự thay đổi cơ bản về cơ chế quản lý, vận hành của nền kinh tế cả nước. Những quy định của cơ chế quản lý tập trung đã bộc lộ rõ những khiếm khuyết, bất cập, cần phải thay đổi, nhưng trên thực tế chưa tìm được hướng đi phù hợp. Những thành công của Hải Phòng về kinh tế chưa có cơ sở vững chắc, vì chưa dựa trên nền tảng của sản xuất, mà mới chỉ tận dụng vị trí địa lý và lợi thế của cảng so với các tỉnh, thành phố khác. Tuy vậy, trong giai đoạn này, Đảng bộ và chính quyền Hải Phòng đã có những sáng tạo vượt trước thời gian, vượt trước những quy định lạc hậu của cả nước, đã đạt được những thành tích rất đáng khích lệ, tạo ra những tiền đề cần thiết cho thời kỳ mở cửa và đổi mới của Đảng và Nhà nước.

Từ năm 1981 đến năm 1985 là một trong những giai đoạn năng động nhất của thành phố Hải Phòng trong từng bước tháo gỡ cơ chế tập trung theo mô hình quản lý cũ. Hải Phòng đã có những quyết sách đúng, tạo ra thế và lực mới trong tiến trình phát triển đi lên. Trước hết, đó là sự đột phá trong nông nghiệp và nông thôn. Từ “khoán chui” trong sản xuất nông nghiệp tiến tới một mô hình mới về khoán đến nhóm và người lao động, là cả một bước tiến dài. Hợp tác xã, với quy mô thôn, đã hoàn thành vai trò lịch sử của mình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Chính sức mạnh của lối làm ăn tập thể trong thời kỳ chiến tranh

đã đem lại hiệu quả lớn, ổn định được tình hình nông nghiệp, động viên được sức người, sức của cho kháng chiến. Hợp tác xã quy mô thôn đã làm được nhiều việc lớn như hoạch định hệ thống bờ vùng, bờ thửa, hoàn chỉnh về cơ bản hệ thống thủy lợi và điều quan trọng là phù hợp ở mức độ nhất định về khả năng quản lý, điều hành hợp tác xã nông nghiệp dựa trên nền tảng của truyền thống họ hàng - làng - nước. Điều đáng tiếc là vấn đề này không được nghiên cứu cơ bản để định ra hướng điều chỉnh về quản lý hợp tác xã cho phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện mới.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, học tập mô hình của các nước Đông Âu, Việt Nam đã thí điểm xây dựng cấp huyện thành cấp kế hoạch hoàn chỉnh và làm nông nghiệp theo quy mô cấp huyện. Bên cạnh đó là việc xây dựng hợp tác xã bậc cao quy mô toàn xã với mong muốn sẽ đạt hiệu quả hơn hợp tác xã quy mô thôn. Tuy nhiên, hợp tác xã quy mô toàn xã đã không đẩy năng suất lên mà trái lại năng suất lại đi xuống. Tình trạng rong công phóng điểm lại trầm trọng hơn. Một loạt cơ sở chuồng trại chăn nuôi, sân kho, nhà kho bị bỏ hoang hoặc bị tháo dỡ để dồn vào quy mô xã. Trong khi đó, trình độ quản lý của cán bộ không theo kịp yêu cầu của quản lý sản xuất. Thành phố đã tăng cường nhiều cán bộ xuống cơ sở nhưng cũng chưa đem lại hiệu quả mong muốn. Tình trạng bỏ ruộng, bỏ cả lúa đã chín ở ngoài đồng không đi gặt không còn là cá biệt ở một số hợp tác xã. Hằng năm, cứ đến mùa gặt, cán bộ, công nhân viên lại phải đi gặt thay bà con nông dân. Bên cạnh vấn đề sản xuất nông nghiệp, các di sản văn hóa như đình, đền, chùa, miếu cũng theo hướng mỗi xã một đình, một chùa. Vì vậy, không ít cơ sở tín ngưỡng, không ít di sản văn hóa bị tháo dỡ. Có thể nói, trong giai đoạn này, với mô hình hợp tác xã toàn xã, cộng với cơ chế rong công phóng điểm đã đẩy tình trạng nông nghiệp và nông thôn ở

Việt Nam nói chung và Hải Phòng nói riêng vào tình trạng hết sức khó khăn. Cơ chế này đã không động viên và kích thích được khả năng lao động cần cù của người nông dân, tách người nông dân khỏi tư liệu sản xuất cơ bản của mình là ruộng đất, nên đã có tình trạng ngay cả người làm ruộng cũng thiếu ăn và số người làm nghề nông ngày càng tăng thêm.

Trong tình hình đó, nông dân đã được chính quyền cơ sở, sau đó là cán bộ đảng và chính quyền huyện, thành phố cho thực hiện “khoán chui” và dần dần xây dựng cơ chế khoán đến nhóm và người lao động. Phương cách “khoán chui” sau đó đã được Đảng và Nhà nước nghiên cứu và cho phép mở rộng. Sau Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư, vấn đề khoán đến nhóm và người lao động đã được chính thức hóa và đi vào cuộc sống. Bản chất của cơ chế này là gắn lợi ích của người lao động với lợi ích của tập thể, chính vì thế, đã phát huy được truyền thống lao động cần cù và sáng tạo của người nông dân Việt Nam. Cũng chính nhờ cơ chế khoán này mà tình hình nông nghiệp Hải Phòng đã có những chuyển biến nhanh chóng. Tổng sản phẩm nông nghiệp hàng năm tăng liên tục, đời sống nông dân được cải thiện. Nạn thiếu ăn ở nông thôn dần dần giảm xuống, số hộ dư thừa lương thực ngày càng nhiều. Diện mạo nông thôn dần thay đổi. Tuy vậy, vấn đề cần phải giải quyết là trường hợp những gia đình trong diện chính sách vì những hộ này thiếu lao động hoặc thiếu khả năng, điều kiện để thâm canh tăng năng suất.

Vấn đề công bằng xã hội đã đặt ra yêu cầu Nhà nước phải có chính sách xã hội để hỗ trợ những gia đình chính sách vươn lên có cuộc sống ổn định. Hải Phòng là một trong những địa phương đã có quy định riêng cho những gia đình này, tuy nhiên vẫn chưa thể giải quyết hết những vấn đề cuộc sống đặt ra. Mặt khác, vấn đề hoàn thiện cơ chế khoán trong nông nghiệp còn

phải hoàn tất để cơ chế này tiếp tục phát huy tác dụng, nâng cao hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp. Dù chỉ mới là bước đầu, nhưng cơ chế khoán đến nhóm và người lao động đã phát huy tính tích cực của nó. Về cơ bản, nông thôn đã đủ ăn và cung cấp cho thành phố một lượng lương thực và thực phẩm đáng kể, góp phần ổn định đời sống cho cả những người hưởng lương và lực lượng vũ trang. Phong trào ngói hóa nông thôn, do thành phố chủ trương, đã có điều kiện kinh tế đảm bảo, do một số hộ bán số thóc lúa dư thừa với giá cao cho thành phố. Bên cạnh đó, các cấp, các ngành của Hải Phòng còn tích cực vận động các cơ quan, đoàn thể xây dựng nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách. Nhờ vậy, số người được cải thiện về nhà ở tăng thêm đáng kể.

Trong khi đời sống của nông dân ngoại thành tiếp tục được cải thiện thì đời sống của cán bộ, công nhân viên và lực lượng vũ trang vẫn gặp khó khăn. Hiện tượng “nông thôn hóa thành thị” trở thành phổ biến. Không ít gia đình trong đô thị, kể cả gia đình trong các khu tập thể cao tầng, đã ngăn diện tích nhà ở để chăn nuôi lợn, nuôi gà để tự cải thiện đời sống. Hiện tượng phân, rác, nước thải được đổ tùy tiện từ nhà ở tầng cao xuống tầng dưới diễn ra ở nhiều nơi. Ô nhiễm môi trường ở những khu dân cư, nhất là những khu nhà cao tầng, chưa có biện pháp khắc phục. Trong điều kiện thành phố thiếu điện, thiếu nước sinh hoạt thì vấn đề vệ sinh môi trường đô thị càng thêm khó khăn. Tình trạng thu tiền điện, tiền nước theo số nhân khẩu đã làm phát sinh hiện tượng “ăn cắp” điện để phục vụ đun nấu, kể cả nấu cám lợn, cám gà. Ngành điện và nước không đủ kinh phí để tái đầu tư và mở rộng năng lực của ngành mình, từ đó kéo theo tình trạng cắt điện, cắt nước luân phiên nhằm đảm bảo điện cho sản xuất. Điều kiện sinh hoạt của cán bộ, công nhân

viên trong các khu tập thể vốn đã rất chật chội và xuống cấp, nay càng trầm trọng hơn khi giá thuê nhà ở gần như chỉ là hình thức nếu so với giá trị khi phải sửa chữa. Việc tự tiện coi nổi, xây thêm bể chứa nước trên các nhà cao tầng là phổ biến và có xu hướng ngày càng gia tăng.

Tình trạng thiếu việc làm hoặc làm việc hiệu quả thấp, do thiếu vật tư, nguyên nhiên liệu, trở thành phổ biến. Hiện tượng dành thời gian cho việc xếp hàng mua thực phẩm theo định lượng diễn ra ở tất cả các cơ quan hành chính, sự nghiệp. Việc thiếu lương thực, thực phẩm, chất đốt đã dẫn đến tình trạng một số người xin nghỉ việc hoặc nghỉ hưu để chuyên mua bán tem phiếu hoặc mua bán lương thực, thực phẩm thuê, khiến cho việc quản lý thị trường thêm khó khăn, phức tạp. Giá cả lương thực, thực phẩm ngày càng có xu hướng gia tăng. Các nhu yếu phẩm phục vụ sinh hoạt hằng ngày như thuốc đánh răng, quần áo, phụ tùng xe đạp khan hiếm, đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống sinh hoạt của nhân dân. Hải Phòng là một trong những trung tâm công nghiệp của phía Bắc nhưng sản xuất công nghiệp không phát triển được do thiếu nguyên liệu và phụ tùng thay thế. Chất lượng hàng công nghiệp không được nâng lên mà giảm đi vì thiếu nguyên liệu đúng chủng loại và do sản xuất đến đâu thì nộp cho thương nghiệp bán đến đó, nên người sản xuất không chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa của mình. Mặt khác, do quá thiếu, nên hàng sản xuất ra dù chất lượng kém vẫn tiêu thụ hết. Thực trạng nêu trên đã kéo theo hàng loạt vấn đề phức tạp về xã hội: trộm cắp xảy ra thường xuyên, nhất là khu vực cảng, mất cắp các thiết bị công cộng như dây điện, điện thoại, điện sinh hoạt, đục đường ống nước. Do đời sống khó khăn, một bộ phận không nhỏ dân cư đã tìm cách vượt biên trốn ra nước ngoài.

Cơ chế bao cấp đảm bảo cho việc đi học, chữa bệnh không mất tiền. Đây là một trong những ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, khi các nước Đông Âu và Liên Xô đang trong thời kỳ sa sút về kinh tế, hàng viện trợ ngày càng ít đi, thì đây lại là khoản chi quá lớn của ngân sách nhà nước vốn đã rất ít ỏi. Đời sống của giáo viên, nhân viên y tế ngày càng khó khăn. Cơ sở trường, lớp, bệnh viện, trang thiết bị chữa bệnh và đồ dùng học tập ngày càng lạc hậu, không có điều kiện thay thế. Thực trạng trên đòi hỏi Nhà nước cần đổi mới chính sách cho phù hợp. Hải Phòng đã thử nghiệm việc chữa bệnh có thu viện phí nhằm bù đắp một phần thiếu hụt ngân sách cho lĩnh vực này, đồng thời chuyển dần chế độ đi học không mất tiền sang hình thức thu học phí. Để giảm áp lực về thiếu lương thực, thực phẩm, thành phố đã mạnh dạn đề nghị Trung ương cho thực hiện chế độ một giá. Từ chủ trương này, lượng hàng hóa, lương thực, thực phẩm đã tăng lên do các hộ nông dân chủ động sản xuất và các cơ sở sản xuất làm thêm hàng hóa theo kế hoạch 3 (ngoài phần đã giao nộp sản phẩm cho Nhà nước). Các cơ sở sản xuất đã chủ động tìm thêm nguồn nguyên liệu để sản xuất thêm hàng hóa nhằm cải thiện trực tiếp cho cán bộ, công nhân viên của đơn vị mình, cũng như tăng thêm hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Cũng chính nhờ việc quy định này mà hàng hóa tiêu dùng phong phú hơn, dẫn đến đời sống cán bộ, công nhân viên ở địa bàn Hải Phòng đỡ khó khăn hơn so với các tỉnh, thành phố khác trong cả nước.

Mặt khác, do lợi thế về vị trí cảng biển, Hải Phòng đã năng động, sáng tạo đẩy mạnh việc xuất, nhập khẩu. Những ngành hàng là vật tư đã phế thải (sắt thép vụn), hàng nông phẩm, dược liệu, đã được thành phố thu mua và xuất khẩu. Từ việc đẩy mạnh

xuất khẩu, trên cơ sở lợi thế về điều kiện vận tải và buôn bán trên thị trường ở các nước trong khu vực, Hải Phòng đã tích lũy được một số vốn nhất định. Từ nguồn vốn này, thành phố đã chủ động đầu tư xây dựng cầu An Dương, cầu Niệm, cầu Rào; mở rộng diện tích khu vực đường 14 với công trình đắp đê lấn biển, mở đường xuyên đảo ra Cát Bà và đắp đường bao phía Nam thành phố. Do thu hút nhiều lao động cho các công trình này nên đời sống cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân ở Hải Phòng được cải thiện hơn. Do có một số ngoại tệ từ xuất khẩu, thành phố đã chủ động nhập thêm một số nguyên liệu thiết yếu như nhựa PVC, nhựa đường, xi măng, sắt thép và một số mặt hàng tiêu dùng như vải, xà phòng. Nhờ vậy, đã cơ bản cung cấp đủ 9 mặt hàng theo quy định của Nhà nước và còn bán thêm hoặc cho thêm ngoài định lượng. Có thể nói, trong tình hình còn rất khó khăn, Hải Phòng đã năng động, sáng tạo để tự mình vươn lên giải quyết, không chờ trung ương phân phối theo kế hoạch. Từ sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp đến khâu phân phối lưu thông, Hải Phòng đều có những cách làm, cách đi riêng so với các tỉnh, thành phố khác. Đây là sự thể hiện tính năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của người dân và các cấp bộ đảng, chính quyền Hải Phòng.

Tuy đạt được một số thành tựu, song nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội của Hải Phòng vẫn còn rất khó khăn. Do thiếu nguyên vật liệu, nên nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp đã vận động công nhân nghỉ hưu trước tuổi 60 để giảm biên chế. Nhưng trên thực tế, số người cần giảm là những công nhân, cán bộ có trình độ chuyên môn và tay nghề kém thì không về, trái lại những người có tay nghề cao lại xin về để tự sản xuất. Vì thế, các cơ sở sản xuất đều thiếu người có tay nghề cao. Những thợ bậc cao về nghĩ

chế độ đã tự tổ chức sản xuất ở gia đình bằng nhiều nghề khác nhau, góp phần thúc đẩy tiểu thủ công nghiệp và kinh tế gia đình phát triển. Các trường đào tạo nghề ngày càng ít học sinh theo học vì học ra cũng không tìm được việc làm. Ngay cả sinh viên đã tốt nghiệp đại học cũng không tránh khỏi tình trạng này. Vì “đầu ra” không đảm bảo đáp ứng yêu cầu nên điều này đã tác động đến cả hệ thống giáo dục. Số học sinh học hết trung học cơ sở thôi học ngày càng nhiều. Ở các trường, lớp mẫu giáo, mầm non, số lượng các thầy, cô giáo, do thiếu việc làm, cũng giảm đi nhanh chóng, nhất là trong hệ thống trường, lớp mẫu giáo mầm non ở các cơ quan, xí nghiệp. Ở nông thôn, do thực hiện cơ chế khoán, chưa có nguồn để chi trả cho các cô giáo mẫu giáo mầm non, nên các trường mẫu giáo mầm non cũng giảm đi nhanh chóng. Như vậy, những khó khăn về kinh tế và chuyển đổi cơ chế trong nông nghiệp đã tác động mạnh tới hệ thống giáo dục các cấp. Từ đó, dẫn đến tình trạng hàng loạt giáo viên thôi việc, nghỉ chế độ. Sau này, khi thực hiện đổi mới về kinh tế, nhu cầu học tập của nhân dân tăng lên, thì thành phố lại rơi vào tình trạng thiếu giáo viên trầm trọng. Tình trạng tái mù chữ và số trẻ em bỏ học khi chưa hết tiểu học không còn là cá biệt. Cũng như hệ thống giáo dục các cấp, các trạm xá xã, bệnh xá cơ quan, xí nghiệp, phường, xã cũng ở trong tình trạng hết sức khó khăn. Tình trạng an ninh, trật tự an toàn xã hội cũng là một vấn đề gây nhức nhối. Trộm cắp gia tăng, còn xảy ra nhiều vụ cướp giật và giết người. Một số người tìm cách trốn đi định cư ở nước ngoài. Hải Phòng là nơi có nhiều người trốn đi nước ngoài và còn là nơi tụ tập để trốn đi nước ngoài trái phép. Thực trạng kinh tế - xã hội trên đây đã tác động không nhỏ và làm giảm lòng tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước. Thực trạng đó cũng là cơ sở quan trọng để Đảng quyết

định thực hiện chủ trương đổi mới và mở cửa về kinh tế trong các năm tiếp sau.

Những năm 1981 - 1985 là một trong những thời kỳ mà Đảng bộ, chính quyền và quân dân Hải Phòng đã có nhiều sáng tạo trong cách nghĩ, cách làm. Đó là sự đột phá trong khoán đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp. Từ “khoán chui” đến “Khoán 24”, người dân Hải Phòng đã đóng góp vào thực tiễn một mô hình mới về quản lý nông nghiệp và là bước khởi đầu rất quan trọng đối với một nước nông nghiệp lạc hậu, lại bị chiến tranh nhiều năm tàn phá. Cũng chính nhờ cơ chế khoán này, không chỉ riêng Hải Phòng, mà nhiều địa phương trong cả nước đã thoát khỏi tình trạng thiếu lương thực. Do năng động, sáng tạo, Hải Phòng đã đưa ngành ngoại thương phát triển, tích lũy được một số vốn ban đầu rất quan trọng, tạo ra những điều kiện cho thành phố phát triển trong những năm tiếp theo.